

## BẢN SO SÁNH NỘI DUNG THAY THẾ

- Thông tư 12/2017/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại: Thông tư 38/2019/TT-BGTVT, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT, Thông tư 04/2022/TT-BGTVT, Thông tư 05/2023/TT-BGTVT và Thông tư 05/2024/TT-BGTVT);
- Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại: Thông tư 01/2021/TT-BGTVT, Thông tư 05/2023/TT-BGTVT và Thông tư 05/2024/TT-BGTVT);
- Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 05/2024/TT-BGTVT);
- Thông tư số 07/2013/TT-BGTVT.

| STT | Thông tư hiện hành   | Dự thảo Thông tư   | Lý do thay thế |
|-----|--|--|----------------|
| I   | <b>Thông tư 12/2017/TT-BGTVT</b>   |  |                |
|     | Điều 1. Phạm vi điều chỉnh<br>Thông tư này quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.   | Điều 1. Phạm vi điều chỉnh<br>Thông tư này quy định về đào tạo, sát hạch, cấp, thu hồi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.   |                |
|     | Điều 2. Đối tượng áp dụng<br>1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe; tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ trong phạm vi cả nước.<br>2. Thông tư này không áp dụng đối với công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe của | Điều 2. Đối tượng áp dụng<br>1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý công tác đào tạo, sát hạch, cấp, thu hồi giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về giao thông đường bộ năm 1968 cấp và giấy phép lái xe nước ngoài phù hợp với |                |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>ngành công an, quân đội làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng.</p>   | <p>loại xe được phép điều khiển do quốc gia được công nhận theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo, kiểm tra, cấp và thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.</p> <p>2. Thông tư này không áp dụng đối với công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; công tác đào tạo, kiểm tra, cấp và thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ của ngành công an, quân đội làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng.</p>   |  |
|  | <p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b><br/>         Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Xe ô tô tải, xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng là loại xe ô tô được định nghĩa tại các tiêu chuẩn TCVN 6211: 2003, TCVN 7271: 2003.</p> <p>2. Máy kéo là loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chạy bằng động cơ, có bốn bánh xe dùng để kéo một rơ moóc chở hàng.</p> <p>3. Máy kéo nhỏ là loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chạy bằng động cơ, được liên kết với thùng chở hàng qua khớp nối, lái bằng càng hoặc vô lăng lái, có bốn bánh xe (hai bánh của đầu kéo và hai bánh của thùng hàng).</p> | <p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b><br/>         Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Xe ô tô tải, xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng là loại xe ô tô được định nghĩa tại các tiêu chuẩn TCVN 6211: 2003, TCVN 7271: 2003.</p> <p>2. Khối lượng toàn bộ theo thiết kế của xe ô tô tải sử dụng để tập lái được hiểu là khối lượng toàn bộ theo thiết kế của xe nguyên thủy do nhà sản xuất quy định.</p> <p>3. Khối lượng toàn bộ theo thiết kế của xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng được hiểu là khối lượng toàn bộ theo thiết kế của xe ô tô tải cùng kiểu loại hoặc tương đương.</p> <p>4. Thời gian lái xe an toàn là thời gian người có giấy phép lái xe có hiệu lực, không gây tai nạn giao thông đường bộ.</p> |  |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>4. Trọng tải của xe ô tô tải sử dụng để tập lái được hiểu là khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế của xe nguyên thủy do nhà sản xuất quy định.</p> <p>5. Trọng tải thiết kế của xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng được hiểu là khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế của xe ô tô tải cùng kiểu loại hoặc tương đương.</p> <p>6. Thời gian hành nghề lái xe là thời gian người có giấy phép lái xe đã lái loại xe ghi trong giấy phép lái xe.</p> <p>7. Người hành nghề lái xe là người sinh sống bằng nghề lái xe.</p> <p>8. Số phôi giấy phép lái xe là mã số do nhà sản xuất phôi quy định, ghi ở mặt sau của giấy phép lái xe, bao gồm 02 chữ cái và các số phía sau nhằm nhận diện giấy phép lái xe.</p> <p>9. Thiết bị mô phỏng để đào tạo lái xe gồm: Hệ thống các máy tính có cài đặt phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông và ca bin học lái xe ô tô.</p> <p>10. Thiết bị mô phỏng để sát hạch lái xe là hệ thống các máy tính có cài đặt phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông.</p> <p>11. Dữ liệu DAT: là tập hợp các thông tin về định danh và quá trình học thực hành lái xe trên đường của học viên, được truyền từ</p> | <p>5. <i>Số phôi giấy phép lái xe</i> là mã số do nhà sản xuất phôi quy định, ghi ở mặt sau của giấy phép lái xe, bao gồm 02 chữ cái và các số phía sau nhằm nhận diện giấy phép lái xe.</p> <p>6. <i>Dữ liệu DAT</i> là tập hợp các thông tin về định danh và quá trình học thực hành lái xe trên đường của học viên, được truyền từ thiết bị DAT lắp trên ô tô tập lái xe trên đường về máy chủ của cơ sở đào tạo theo quy định tại mục 2.1.5 và mục 2.1.6 của QCVN 105:2020/BGTVT.</p> <p>7. <i>Dữ liệu quản lý DAT</i> là tập hợp các thông tin về định danh và quá trình học thực hành lái xe trên đường của học viên, được truyền từ máy chủ của cơ sở đào tạo về máy chủ của Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>8. <i>Hệ thống thông tin DAT</i> gồm các thiết bị phần cứng, đường truyền và phần mềm dùng để thu nhận, quản lý, khai thác dữ liệu quản lý DAT.</p> <p>9. <i>Thời gian học lái xe ban đêm</i> được tính từ 18 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ sáng ngày hôm sau.</p> <p>10. <i>Giấy phép lái xe quốc tế</i> có tên tiếng Anh là International Driving Permit, sau đây gọi tắt là IDP.</p> <p>11. <i>Giấy phép lái xe quốc gia</i> là giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền của các nước cấp, có giá trị trên lãnh thổ nước đó.</p> <p>12. <i>Hồ sơ điện tử giấy phép lái xe quốc tế</i> là tập hợp các tài liệu điện tử liên quan đến cấp IDP.</p> <p>13. <i>Hệ thống thông tin đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp</i></p> |  |
|---|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>thiết bị DAT lắp trên ô tô tập lái xe trên đường về máy chủ của cơ sở đào tạo theo quy định tại mục 2.1.5 và mục 2.1.6 của QCVN 105:2020/BGTVT.</p> <p>12. Dữ liệu quản lý DAT: là tập hợp các thông tin về định danh và quá trình học thực hành lái xe trên đường của học viên, được truyền từ máy chủ của cơ sở đào tạo về máy chủ của Tổng cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại Phụ lục 30 ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>13. Hệ thống thông tin DAT gồm: các thiết bị phần cứng, đường truyền và phần mềm dùng để thu nhận, quản lý, khai thác dữ liệu quản lý DAT.</p> <p>14. Thời gian học lái xe ban đêm được tính từ 18 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ sáng ngày hôm sau.</p> | <p><i>luật giao thông đường bộ</i>: gồm các thiết bị phần cứng, đường truyền và phần mềm được cài đặt tại cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch, Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện các nghiệp vụ trong công tác quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe và cấp bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ theo thẩm quyền (sau đây gọi là Hệ thống thông tin).</p>  |  |
| <p>Điều 4. Quản lý hoạt động của cơ sở đào tạo</p> <p>1. Cơ sở thực hiện chức năng đào tạo và sát hạch lái xe có thể sử dụng sân sát hạch để đào tạo lái xe.</p> <p>2. Giáo viên dạy thực hành lái xe phải qua tập huấn về nghiệp vụ theo chương trình tập huấn nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành</p>  | <p>Điều 5. Quản lý hoạt động của cơ sở đào tạo</p> <p>1. Giáo viên dạy thực hành lái xe phải qua tập huấn về nghiệp vụ theo chương trình tập huấn nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>2. Lưu lượng đào tạo được xác định trên cơ sở số phòng học, sân tập lái quy định tại Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe (sau đây</p> |  |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>lái xe quy định tại Phụ lục 28 ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>3. Lưu lượng đào tạo được xác định trên cơ sở số phòng học, sân tập lái quy định tại Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe (sau đây viết tắt là Nghị định số 65/2016/NĐ-CP) và Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP. Cơ sở đào tạo phải đảm bảo số lượng học viên học thực hành đối với mỗi hạng giấy phép lái xe không được vượt quá khả năng đáp ứng số xe tập lái của cơ sở đào tạo.</p> <p>4. Cơ sở đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, A4 phải thông báo phương án hoạt động đào tạo với Sở Giao thông vận tải địa phương, nơi tổ chức đào tạo để thực hiện việc giám sát, quản lý.</p> | <p>viết tắt là Nghị định số /2024/NĐ-CP). Cơ sở đào tạo phải đảm bảo số lượng học viên học thực hành đối với mỗi hạng giấy phép lái xe không được vượt quá khả năng đáp ứng số xe tập lái và giáo viên của cơ sở đào tạo.</p>                             |  |
| <p>Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở đào tạo lái xe</p> <p>1. Tổ chức tuyển sinh đào tạo bảo đảm các điều kiện đối với người học theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này.</p>  | <p>Điều 9. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo</p> <p>1. Tổ chức tuyển sinh đào tạo bảo đảm các điều kiện đối với người học theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này.</p> <p>2. Ký hợp đồng đào tạo với người học lái xe ô tô gồm các nội dung chính sau:</p> | <p>- Khoản 1 Điều 61 Luật Giao thông đường bộ quy định: <i>Cơ sở đào tạo lái xe là loại hình cơ sở dạy nghề</i>, Theo đó, quy trình về xây dựng giáo trình, chương trình đào</p> |

|  |   |   |
|--|---|---|
| <p>2. Ký hợp đồng đào tạo với người học lái xe ô tô theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>3. Công khai quy chế tuyển sinh và quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo lái xe.</p> <p>4. Cơ sở đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, A4 phải duy trì tiêu chuẩn kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại Phụ lục 29 ban hành kèm Thông tư này.</p> <p>5. Tổ chức đào tạo mới và đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô theo lưu lượng, thời hạn, địa điểm, hạng giấy phép lái xe ghi trong giấy phép đào tạo lái xe.</p> <p>6. Thông báo phương án hoạt động đến Sở Giao thông vận tải và tổ chức đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, A4 đúng phương án hoạt động đào tạo đã đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>7. Được tổ chức đào tạo vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngoài giờ hành chính cho người có nhu cầu, nhưng phải bảo đảm nội dung, chương trình và thời gian quy định.</p> <p>8. Đăng ký kỳ sát hạch theo quy định.</p> <p>9. Ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý đào tạo để nhận dạng và theo dõi thời gian học lý thuyết môn học pháp luật giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô</p> | <p>a) Hạng giấy phép lái xe đào tạo;</p> <p>b) Địa điểm đào tạo;</p> <p>c) Thời gian hoàn thành khóa học;</p> <p>d) Mức học phí và phương thức thanh toán học phí;</p> <p>đ) Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mỗi bên khi vi phạm hợp đồng;</p> <p>e) Thanh lý hợp đồng;</p> <p>g) Các thỏa thuận khác không trái pháp luật và đạo đức xã hội.</p> <p>3. Công khai quy chế tuyển sinh và quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo lái xe.</p> <p>4. Cơ sở đào tạo lái xe các hạng A1, A, B1 phải duy trì tiêu chuẩn kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn theo quy định.</p> <p>5. Thông báo phương án hoạt động đến Sở Giao thông vận tải và tổ chức đào tạo lái xe các hạng A1, A, B1 đúng phương án hoạt động đào tạo đã đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>6. Tổ chức đào tạo mới và đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô theo lưu lượng, thời hạn, địa điểm, hạng giấy phép lái xe ghi trong giấy phép đào tạo lái xe.</p> <p>7. Được tổ chức đào tạo vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngoài giờ hành chính cho người có nhu cầu, nhưng phải bảo đảm nội dung, chương trình và thời gian quy định.</p> <p>8. Đăng ký kỳ sát hạch theo quy định.</p> <p>9. Ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý đào tạo để nhận dạng và theo dõi thời gian học lý thuyết môn học pháp luật giao thông đường bộ đối với học viên học</p> | <p>tạo chi tiết, tổ chức kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, cấp chứng chỉ sơ cấp nghề do thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe xây dựng.</p> <p>- Tuy nhiên, Luật TT,ATGTĐB không quy định <i>Cơ sở đào tạo lái xe là loại hình cơ sở dạy nghề. Vì vậy, tại Dự thảo Thông tư ngss dẫn chi tiết</i> Luật TT,ATGTĐB về lĩnh vực đào tạo lái xe cần bổ sung quy định về thẩm quyền của cơ sở đào tạo trong công tác xây dựng giáo trình, chương trình đào tạo chi tiết, tổ chức kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, cấp chứng chỉ sơ cấp nghề để đảm bảo tính khả thi của chính sách.</p> |
|--|---|---|

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>tô (trừ hạng B1); bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập để nâng cao chất lượng đào tạo lái xe; sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông để đào tạo lái xe.</p> <p>10. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan của khoá đào tạo.</p> <p>11. Bảo đảm giáo viên khi dạy thực hành lái xe phải đeo phù hiệu “Giáo viên dạy lái xe” và mang theo giấy phép xe tập lái; học viên tập lái xe trên đường phải đeo phù hiệu “Học viên tập lái xe”. Phù hiệu do cơ sở đào tạo lái xe cấp, quản lý theo mẫu quy định tại Phụ lục 1a và Phụ lục 1b ban hành kèm theo Thông tư này; niêm yết tên cơ sở đào tạo trên xe tập lái theo mẫu quy định tại Phụ lục 22 ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>12. Tổ chức xét cấp chứng chỉ sơ cấp nghề hoặc chứng chỉ đào tạo cho người học lái xe ô tô và máy kéo hạng A4.</p> <p>13. Thu và sử dụng học phí đào tạo lái xe theo quy định hiện hành.</p> <p>14. Tuyển dụng, quản lý, tổ chức tập huấn nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe cho đội ngũ giáo viên bảo đảm tiêu chuẩn và báo cáo cơ quan có thẩm quyền kiểm tra cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định. Tổ chức tập huấn nâng cao</p> | <p>lái xe ô tô theo hình thức học tập trung; bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập để nâng cao chất lượng đào tạo lái xe; sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông để đào tạo lái xe.</p> <p>10. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan của khoá đào tạo.</p> <p>11. Bảo đảm giáo viên khi dạy thực hành lái xe phải đeo phù hiệu “Giáo viên dạy lái xe” và mang theo giấy phép xe tập lái; học viên tập lái xe trên đường phải đeo phù hiệu “Học viên tập lái xe”. Phù hiệu do cơ sở đào tạo lái xe cấp, quản lý theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này; niêm yết tên cơ sở đào tạo trên xe tập lái theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>12. Tổ chức kiểm tra môn học: Người đứng đầu cơ sở đào tạo căn cứ nội dung kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 17 và khoản 1 Điều 18 Thông tư này xây dựng quy trình kiểm tra.</p> <p>13. Xét công nhận tốt nghiệp</p> <p>a) Người đứng đầu cơ sở đào tạo thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp; Hội đồng có 03 (ba) hoặc 05 (năm) thành viên, do một lãnh đạo cơ sở đào tạo cơ sở đào tạo làm chủ tịch, trưởng bộ phận hoặc cán bộ phụ trách đào tạo làm thư ký; trưởng các đơn vị hoặc cán bộ phụ trách các lĩnh vực hoạt động của cơ sở đào tạo sơ cấp và giáo viên chủ nhiệm lớp làm thành viên;</p> <p>b) Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp khóa đào tạo có trách nhiệm: Thông qua danh sách người học đủ điều kiện xét tốt nghiệp, người học chưa đủ điều kiện tốt</p> |  |
|---|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>trình độ giáo viên dạy thực hành lái xe theo chương trình khung tập huấn nâng cao trình độ giáo viên dạy thực hành lái xe quy định tại Phụ lục 23 ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>15. Báo cáo đăng ký sát hạch</p> <p>a) Đào tạo lái xe các hạng A1, A2: cơ sở đào tạo lập báo cáo đăng ký sát hạch theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Giao thông vận tải; báo cáo phải có dấu giáp lai của cơ sở đào tạo;</p> <p>b) Đào tạo lái xe các hạng A3, A4, B1, B2, C, D, E và các hạng F: cơ sở đào tạo lập báo cáo đăng ký sát hạch lái xe, danh sách học sinh (báo cáo 1), danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe, theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a, Phụ lục 3b và Phụ lục 3c ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Giao thông vận tải; báo cáo phải có dấu giáp lai của cơ sở đào tạo;</p> <p>c) Báo cáo 1 gửi bằng một trong các hình thức: trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe về Sở Giao thông vận tải đối với đào tạo lái xe các hạng A1, A2 trước kỳ sát hạch ít nhất 04 ngày làm việc, hạng A3, A4 ngay sau khai giảng, các hạng B1, B2, D, E, F không quá 07 ngày sau khai giảng và không quá 15 ngày sau khai giảng</p> | <p>nghiệp; Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khóa học, Hội đồng hoàn thành việc xét tốt nghiệp và có văn bản đề nghị với người đứng đầu cơ sở đào tạo công nhận tốt nghiệp đối với người học.</p> <p>14. Sử dụng kết quả theo dõi quá trình học; kết quả kiểm tra; kết quả học thực hành lái xe trên đường thông qua phần mềm hệ thống thông tin DAT của cơ sở đào tạo hoặc Cục Đường bộ Việt Nam; kết quả học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe được kết xuất từ ca bin học lái xe ô tô thông tin học viên đã học đủ thời gian và nội dung học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô để xét cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo cho người học lái xe ô tô.</p> <p>15. Thu và sử dụng học phí đào tạo lái xe theo quy định của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.</p> <p>16. Tuyển dụng, quản lý, tổ chức tập huấn nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe cho đội ngũ giáo viên bảo đảm tiêu chuẩn và báo cáo cơ quan có thẩm quyền kiểm tra cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định. Tổ chức tập huấn nâng cao trình độ giáo viên dạy thực hành lái xe theo chương trình khung tập huấn nâng cao trình độ giáo viên dạy thực hành lái xe quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>17. Báo cáo đăng ký sát hạch</p> <p>a) Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận hồ sơ của người</p> |  |
|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>đối với hạng C; Thủ trưởng cơ quan quản lý sát hạch kiểm tra, ký tên vào từng trang (bao gồm tất cả các trang của Báo cáo 1);</p> <p>d) Báo cáo đăng ký sát hạch hạng A1 và A4 đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt gửi về Sở Giao thông vận tải bằng một trong các hình thức: trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử và truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe trước kỳ sát hạch ít nhất 30 ngày 16. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô trang bị và duy trì ca bin học lái xe ô tô, thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Giao thông vận tải ban hành; ca bin học lái xe ô tô thực hiện theo lộ trình quy định tại khoản 2 Điều 47 của Thông tư này.</p> <p>17. Truyền dữ liệu quản lý DAT và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT; bảo đảm an toàn dữ liệu, bảo mật cho hệ thống thông tin DAT; bảo mật tên đăng nhập và mật khẩu truy cập phần mềm hệ thống thông tin DAT của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, dữ liệu DAT cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.</p> | <p>học đảm bảo đủ điều kiện và thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư này; lập báo cáo đăng ký sát hạch (báo cáo 1) gửi Sở Giao thông vận tải bằng một trong các hình thức: trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe.</p> <p>b) Đào tạo lái xe các hạng A1, A: cơ sở đào tạo lập báo cáo đăng ký sát hạch theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Giao thông vận tải; báo cáo phải có dấu giáp lai của cơ sở đào tạo;</p> <p>c) Đào tạo lái xe các hạng B1, B, BE, C1, C1E, C, CE, D1, D1E, D2, D2E D, DE: cơ sở đào tạo lập báo cáo đăng ký sát hạch lái xe, danh sách học sinh (báo cáo 1), danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe, kế hoạch đào tạo, theo mẫu quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 4 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Giao thông vận tải; báo cáo phải có dấu giáp lai của cơ sở đào tạo.</p> <p>d) Báo cáo 1 các hạng A1, A trước kỳ sát hạch ít nhất 04 ngày làm việc, hạng B 1 ngay sau khai giảng, các hạng B, BE, C1, C1E, CE, D1, D1E, D2, D2E D, DE không quá 07 ngày sau khai giảng; Thủ trưởng cơ quan quản lý sát hạch kiểm tra, ký tên vào từng trang (bao gồm tất cả các trang của Báo cáo 1).</p> <p>đ) Báo cáo đăng ký sát hạch hạng A1 đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt gửi về Sở Giao thông vận tải bằng một trong các hình</p> |  |
|--|--|--|

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>18. Theo dõi, khai thác dữ liệu trên phần mềm hệ thống thông tin DAT để phục vụ công tác quản lý đào tạo lái xe; kiểm tra tính chính xác các thông tin về giáo viên, xe tập lái.</p> <p>19. Cung cấp giấy xác nhận được in trên ca bin học lái xe ô tô thông tin học viên đã học đủ thời gian và nội dung học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô cho cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe.</p> <p>20. Cơ sở đào tạo căn cứ chương trình, giáo trình, tài liệu, giáo viên, hệ thống phòng học, xe tập lái và nhu cầu của người học, để lập kế hoạch đào tạo với số lượng học viên đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.</p> <p>21. Cơ sở đào tạo lái xe giải thể có trách nhiệm:</p> <p>a) Trước khi giải thể cơ sở đào tạo lái xe có văn bản báo cáo chủ trương và phương án giải quyết đảm bảo quyền lợi đối với học viên đang đào tạo về Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý;</p> <p>b) Đảm bảo đầy đủ quyền lợi đối với người học lái xe theo hợp đồng đào tạo;</p> <p>c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định giải thể của cơ sở đào tạo có hiệu lực, bàn giao đầy đủ hồ sơ cho cơ sở đào tạo lái xe chấp thuận tiếp tục đào tạo gồm: báo cáo</p> | <p>thức: trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử và truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe trước kỳ sát hạch ít nhất 30 ngày.</p> <p>18. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô trang bị và duy trì ca bin học lái xe ô tô, thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Giao thông vận tải ban hành.</p> <p>19. Truyền dữ liệu quản lý DAT và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT; bảo đảm an toàn dữ liệu, bảo mật cho hệ thống thông tin DAT; bảo mật tên đăng nhập và mật khẩu truy cập phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam; cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, dữ liệu DAT cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.</p> <p>20. Theo dõi, khai thác dữ liệu trên phần mềm hệ thống thông tin DAT để phục vụ công tác quản lý đào tạo lái xe; kiểm tra tính chính xác các thông tin về giáo viên, xe tập lái.</p> <p>21. Cung cấp giấy xác nhận được kết xuất từ ca bin học lái xe ô tô thông tin học viên đã học đủ thời gian và nội dung học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô cho cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe.</p> <p>22. Cơ sở đào tạo căn cứ giáo trình, tài liệu đào tạo lái xe; nội dung, chương trình đào tạo lái xe quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này; điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, giáo viên và nhu cầu của người học để xây dựng,</p> |  |
|---|---|--|

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>đăng ký sát hạch lái xe, danh sách học sinh (báo cáo 1) và Hồ sơ của người học lái xe; báo cáo Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý;</p> <p>d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định giải thể của cơ sở đào tạo có hiệu lực, thực hiện rà soát, lập danh sách thí sinh đã được cấp chứng chỉ sơ cấp nghề hoặc chứng chỉ đào tạo và bàn giao hồ sơ của học viên hiện đang quản lý cho Sở Giao thông vận tải để tiếp tục theo dõi và quản lý.;</p> <p>22. Cơ sở đào tạo lái xe khi bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe có trách nhiệm:</p> <p>a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép đào tạo lái xe có hiệu lực, thực hiện rà soát, tổng hợp và lập danh sách học viên hiện đang quản lý; xây dựng phương án giải quyết quyền lợi đối với học viên đang đào tạo và báo cáo về Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý;</p> <p>b) Đảm bảo quyền lợi của người học theo hợp đồng đào tạo. Trường hợp học viên chấp thuận phương án được tiếp tục đào tạo thì thương thảo với các cơ sở đào tạo lái xe trên địa bàn để bàn giao nghĩa vụ đào tạo. Trường hợp học viên không chấp thuận phương án tiếp tục đào tạo thì thỏa thuận với học viên và thực hiện thanh lý hợp đồng;</p> <p>c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép đào tạo lái xe có</p> | <p>phê duyệt hình thức, chương trình đào tạo lái xe chi tiết theo quy trình quy định tại Điều 13 Thông tư này, báo cáo Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý.</p> <p>a) Nội dung lý thuyết bằng một trong các hình thức: tập trung tại cơ sở đào tạo; đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn. Việc xây dựng hệ thống, học liệu, các phương pháp đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn và hệ thống ứng dụng quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn thực hiện theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này. Riêng đối với các môn: cấu tạo và sửa chữa thông thường, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, kỹ thuật lái xe phải học tập trung tại cơ sở đào tạo;</p> <p>b) Nội dung thực hành lái xe theo hình thức tập trung.</p> <p>23. Cơ sở đào tạo lái xe giải thể có trách nhiệm:</p> <p>a) Trước khi giải thể cơ sở đào tạo lái xe có văn bản báo cáo chủ trương và phương án giải quyết đảm bảo quyền lợi đối với học viên đang đào tạo về Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý;</p> <p>b) Đảm bảo đầy đủ quyền lợi đối với người học lái xe theo hợp đồng đào tạo;</p> <p>c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định giải thể của cơ sở đào tạo có hiệu lực, bàn giao đầy đủ hồ sơ cho cơ sở đào tạo lái xe chấp thuận tiếp tục đào tạo gồm: báo cáo đăng ký sát hạch lái xe, danh sách học sinh (báo cáo 1) và Hồ sơ của người học lái xe; báo cáo Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý;</p> |  |
|---|---|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>hiệu lực, bàn giao danh sách học viên hiện đang quản lý kèm theo hồ sơ gồm: danh sách học sinh (báo cáo 1), báo cáo đăng ký sát hạch lái xe và hồ sơ, dữ liệu (nếu có) cho cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận, bàn giao; đồng thời báo cáo về Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý.</p> <p>23. Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận học sinh thuộc các cơ sở đào tạo lái xe giải thể hoặc bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe: tiếp nhận hồ sơ tài liệu quy định tại điểm c khoản 21 và điểm c khoản 22 Điều này và có trách nhiệm tiếp tục quản lý học viên theo quy định hiện hành. Việc bàn giao phải lập biên bản, bao gồm các nội dung sau: ghi đầy đủ, rõ ràng tài liệu bàn giao; cam kết và trách nhiệm của mỗi bên (bên giao và bên nhận đều có nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan đến hồ sơ, tài liệu, tài sản đã bàn giao).</p> <p>24. Căn cứ nội dung, chương trình đào tạo lái xe quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Phụ lục số 31 ban hành kèm theo Thông tư này, xây dựng chương trình đào tạo lái xe và báo cáo Sở Giao thông vận tải để theo dõi quản lý:</p> <p>a) Nội dung lý thuyết bằng một trong các hình thức: tập trung tại cơ sở đào tạo; tập trung tại cơ sở đào tạo kết hợp với đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn; đào tạo từ xa, tự học</p> | <p>d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định giải thể của cơ sở đào tạo có hiệu lực, thực hiện rà soát, lập danh sách thí sinh đã được cấp chứng chỉ sơ cấp nghề hoặc chứng chỉ đào tạo và bàn giao hồ sơ của học viên hiện đang quản lý cho Sở Giao thông vận tải để tiếp tục theo dõi và quản lý.</p> <p>24. Cơ sở đào tạo lái xe khi bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe có trách nhiệm:</p> <p>a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép đào tạo lái xe có hiệu lực, thực hiện rà soát, tổng hợp và lập danh sách học viên hiện đang quản lý; xây dựng phương án giải quyết quyền lợi đối với học viên đang đào tạo và báo cáo về Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý;</p> <p>b) Đảm bảo quyền lợi của người học theo hợp đồng đào tạo. Trường hợp học viên chấp thuận phương án được tiếp tục đào tạo thì thương thảo với các cơ sở đào tạo lái xe trên địa bàn để bàn giao nghĩa vụ đào tạo. Trường hợp học viên không chấp thuận phương án tiếp tục đào tạo thì thỏa thuận với học viên và thực hiện thanh lý hợp đồng;</p> <p>c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép đào tạo lái xe có hiệu lực, bàn giao danh sách học viên hiện đang quản lý kèm theo hồ sơ gồm: danh sách học sinh (báo cáo 1), báo cáo đăng ký sát hạch lái xe và hồ sơ, dữ liệu (nếu có) cho cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận, bàn giao; đồng thời báo cáo về Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý.</p> |  |
|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>có hướng dẫn. Việc xây dựng hệ thống, học liệu, các phương pháp đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn và hệ thống ứng dụng quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn thực hiện theo quy định tại Phụ lục 40 ban hành kèm theo Thông tư này. Riêng đối với các môn: cấu tạo và sửa chữa thông thường, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, kỹ thuật lái xe phải học tập trung tại cơ sở đào tạo;</p> <p>b) Nội dung thực hành lái xe theo hình thức tập trung.</p>  | <p>25. Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận học sinh thuộc các cơ sở đào tạo lái xe giải thể hoặc bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe: tiếp nhận hồ sơ tài liệu quy định tại điểm c khoản 22 và điểm c khoản 23 Điều này và có trách nhiệm tiếp tục quản lý học viên theo quy định hiện hành. Việc bàn giao phải lập biên bản, bao gồm các nội dung sau: ghi đầy đủ, rõ ràng tài liệu bàn giao; cam kết và trách nhiệm của mỗi bên (bên giao và bên nhận đều có nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan đến hồ sơ, tài liệu, tài sản đã bàn giao).</p>   |  |
| <p>Điều 6. Tài liệu phục vụ đào tạo và quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo lái xe</p> <p>1. Giáo trình đào tạo lái xe phù hợp với chương trình khung đào tạo lái xe quy định tại Phụ lục 31 ban hành kèm theo Thông tư này; cơ sở đào tạo lái xe thực hiện biên soạn, thẩm định và ban hành giáo trình theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>2. Biểu mẫu, sổ sách sử dụng đối với cơ sở đào tạo lái xe ô tô bao gồm:</p> <p>a) Báo cáo đăng ký sát hạch;</p> <p>b) Kế hoạch đào tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>c) Sổ theo dõi kết quả học tập theo</p> | <p>Điều 12. Tài liệu phục vụ đào tạo và quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo lái xe</p> <p>1. Giáo trình đào tạo lái xe phù hợp với chương trình khung đào tạo lái xe quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này; cơ sở đào tạo lái xe thực hiện biên soạn, thẩm định và ban hành giáo trình theo quy trình quy định tại Điều 14 Thông tư này.</p> <p>4. Biểu mẫu, sổ sách sử dụng đối với cơ sở đào tạo lái xe ô tô bao gồm:</p> <p>a) Báo cáo đăng ký sát hạch;</p> <p>b) Kế hoạch đào tạo;</p> <p>c) Sổ phân công giáo viên, xe tập lái tham gia giảng dạy theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này</p> <p>d) Mẫu tiến độ đào tạo lái xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này;</p> |  |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>3. Cơ sở đào tạo lái xe hạng A4 sử dụng sổ theo dõi kết quả học tập tại điểm c khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Cơ sở đào tạo lái xe mô tô các hạng A1, A2, A3 sử dụng danh sách học viên đăng ký sát hạch làm tài liệu quản lý đào tạo. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô sử dụng dữ liệu quản lý thời gian học lý thuyết môn học pháp luật giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô tô (trừ hạng B1), dữ liệu giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên làm tài liệu quản lý đào tạo.</p> <p>5. Thời gian lưu trữ hồ sơ</p> <p>a) Không thời hạn đối với sổ cấp chứng chỉ đào tạo;</p> <p>b) 02 năm đối với hồ sơ xét tốt nghiệp, dữ liệu lưu trữ quản lý thời gian học lý thuyết môn học pháp luật giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô tô (trừ hạng B1), dữ liệu thời gian học thực hành lái xe trên cabin học lái xe ô tô; dữ liệu quản lý thời gian học lý thuyết đối với hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn thực hiện lưu trữ điện tử;</p> <p>c) Việc huỷ tài liệu hết giá trị theo quy định hiện hành.</p> | <p>đ) Sổ theo dõi kết quả học tập theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>đ) Sổ tay giáo viên theo quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>e) Sổ cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo theo quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>5. Cơ sở đào tạo lái xe mô tô các hạng A1, A, B1 sử dụng danh sách học viên đăng ký sát hạch, Sổ tay giáo viên làm tài liệu quản lý đào tạo. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô sử dụng dữ liệu quản lý thời gian học lý thuyết môn học pháp luật giao thông đường bộ (đối với học tập trung), dữ liệu quản lý học viên trên phần mềm quản lý (đối với học từ xa, tự học có hướng dẫn), dữ liệu giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên làm tài liệu quản lý đào tạo.</p> |  |
|--|---|--|

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>Điều 7. Điều kiện đối với người học lái xe</p> <p>1. Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.</p> <p>2. Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khỏe, trình độ văn hóa theo quy định; đối với người học để nâng hạng giấy phép lái xe, có thể học trước nhưng chỉ được dự sát hạch khi đủ tuổi theo quy định.</p> <p>3. Người học để nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian lái xe hoặc hành nghề và số km lái xe an toàn như sau:</p> <p>a) Hạng B1 số tự động lên B1: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;</p> <p>b) Hạng B1 lên B2: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;</p> <p>c) Hạng B2 lên C, C lên D, D lên E; các hạng B2, C, D, E lên hạng F tương ứng; các hạng D, E lên FC: thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên và 50.000 km lái xe an toàn trở lên;</p> <p>d) Hạng B2 lên D, C lên E: thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên và 100.000 km lái xe an toàn trở lên.</p> | <p>Điều 10. Điều kiện đối với người học lái xe</p> <p>1. Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.</p> <p>2. Người học để nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian lái xe lái xe an toàn như sau:</p> <p>a) Hạng B lên C1, B lên C, B lên D1, B lên BE, C1 lên C, C1 lên D1, C1 lên D2, C1 lên C1E, D1 lên D2, D1 lên D, D1 lên D1E, D2 lên D, D2 lên D2E, D lên DE: thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên;</p> <p>b) Hạng B lên D2, C lên D: thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên.</p> | <p>Sửa đổi quy định điều kiện về thời gian lái xe an toàn và hạng giấy phép lái xe đảm bảo tính thống nhất với quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 60 Luật TT.ATGTĐB</p> |
|---|---|--|

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  | <p>đ) Trường hợp người học nâng hạng vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, thời gian lái xe an toàn được tính từ ngày chấp hành xong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.</p> <p>4. Người học để nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên.</p>  |  |  |
|  | <p>Điều 8. Hình thức đào tạo lái xe</p> <p>1. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2, A3, A4 và ô tô hạng B1 được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải đăng ký tại cơ sở được phép đào tạo để được ôn luyện, kiểm tra; riêng đối với các hạng A4, B1 phải được kiểm tra, cấp chứng chỉ đào tạo.</p> <p>2. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe các hạng B2, C, D, E và các hạng F được đào tạo:</p> <p>a) Đối với nội dung học lý thuyết được lựa chọn một trong các hình thức sau: tập trung tại cơ sở đào tạo; tập trung tại cơ sở đào tạo kết hợp với đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn; đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn. Riêng đối với các môn phải học tập trung tại cơ sở đào tạo, gồm: cấu tạo và sửa chữa thông thường; kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ; kỹ thuật lái xe;</p> | <p>Điều 6. Hình thức đào tạo</p> <p>1. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A và B1 được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải đăng ký tại cơ sở được phép đào tạo để được ôn luyện, kiểm tra;</p> <p>2. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE được đào tạo:</p> <p>a) Đối với nội dung học lý thuyết được lựa chọn một trong các hình thức sau: tập trung tại cơ sở đào tạo; đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn. Riêng các môn phải học tập trung tại cơ sở đào tạo, gồm: cấu tạo và sửa chữa thông thường; kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; kỹ thuật lái xe;</p> <p>b) Đối với nội dung học thực hành lái xe: theo hình thức tập trung;</p> <p>c) Phải kiểm tra các môn lý thuyết và thực hành tại cơ sở đào tạo, để được xét cấp giấy chứng nhận hoàn</p> | <p>Sửa đổi quy định về hạng giấy phép lái xe đảm bảo tính thống nhất với quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều 60 Luật TT.ATGTĐB</p> |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>cứu nạn, cứu hộ; kỹ thuật lái xe;</p> <p>b) Đối với nội dung học thực hành lái xe: theo hình thức tập trung;</p> <p>c) Phải kiểm tra các môn lý thuyết và thực hành tại cơ sở đào tạo, để được xét cấp chứng chỉ sơ cấp nghề, chứng chỉ đào tạo.</p> <p>3. Quá thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày cơ sở đào tạo tổ chức kiểm tra hoặc xét cấp chứng chỉ kết thúc khóa học mà học viên không đủ điều kiện cấp chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo thì phải đào tạo lại theo khóa học mới..</p>   | <p>thành khóa đào tạo.</p> <p>3. Quá thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày cơ sở đào tạo tổ chức xét cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo mà học viên không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo thì phải đào tạo lại theo khóa học mới.</p>  |  |
| <p>Điều 9. Hồ sơ của người học lái xe</p> <p>1. Người học lái xe lần đầu lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;</p> <p>c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.</p> <p>2. Người học lái xe nâng hạng lập 01 bộ</p> | <p>Điều 11. Hồ sơ của người học lái xe</p> <p>1. Người học lái xe lần đầu lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo và chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;</p> <p>c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.</p> <p>2. Người học lái xe nâng hạng lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo và chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe. Hồ sơ bao gồm:</p> |  |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo và chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch);</p> <p>c) Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>3. Người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt học lái xe mô tô hạng A1, hạng A4 lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo. Hồ sơ bao gồm giấy tờ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.</p> | <p>a) Giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D1, D2 và D (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch);</p> <p>c) Bản khai thời gian lái xe an toàn theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>3. Người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt học lái xe mô tô hạng A1 lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo. Hồ sơ bao gồm giấy tờ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.</p> |  |
| <p><b>Điều 10. Cục Đường bộ Việt Nam</b></p> <p>1. Quản lý thống nhất về đào tạo lái xe trong phạm vi cả nước.</p> <p>3. Chuyển giao phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông cho các cơ sở đào tạo; xây dựng biểu mẫu, sổ sách nghiệp vụ phục vụ công tác đào tạo lái xe.</p> <p>4. Kiểm tra, thanh tra về công tác quản lý, đào tạo lái xe.</p>   | <p><b>Điều 8. Cục Đường bộ Việt Nam</b></p> <p>1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn Sở Giao thông vận tải thực hiện quản lý đào tạo lái xe thống nhất trong phạm vi cả nước.</p> <p>2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đào tạo lái xe; xây dựng, chuyển giao Bộ câu hỏi, phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông cho các cơ sở đào tạo.</p> <p>3. Kiểm tra, thanh tra về công tác quản lý, đào tạo lái xe.</p>  |  |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  | <p>6. Ban hành nội dung chi tiết chương trình tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe lần đầu và hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước.</p> <p>8. <i>(được bãi bỏ).</i></p> <p>9. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam đảm bảo việc tiếp nhận, tổng hợp, phân tích dữ liệu quản lý DAT phục vụ cho việc khai thác dữ liệu quản lý DAT và quản lý công tác đào tạo lái xe của các Sở Giao thông vận tải; đảm bảo hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam hoạt động liên tục, ổn định và lưu trữ dữ liệu quản lý DAT tối thiểu là 02 năm; thông tin khai thác trên phần mềm được tổng hợp theo mẫu quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04, Mẫu số 05 và Mẫu số 06 Phụ lục số 32 ban hành kèm theo Thông tư này</p> <p>10. Cung cấp tài khoản để các Sở Giao thông vận tải, các cơ sở đào tạo đăng nhập, truyền dữ liệu và khai thác dữ liệu trên phần mềm hệ thống thông tin DAT của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.</p> | <p>4. Ban hành nội dung chi tiết chương trình tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe lần đầu và hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước.</p> <p>5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam đảm bảo việc tiếp nhận, tổng hợp, phân tích dữ liệu quản lý DAT phục vụ cho việc khai thác dữ liệu quản lý DAT và quản lý công tác đào tạo lái xe của các Sở Giao thông vận tải; đảm bảo hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam hoạt động liên tục, ổn định và lưu trữ dữ liệu quản lý DAT tối thiểu là 02 năm; thông tin khai thác trên phần mềm được tổng hợp theo mẫu quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04, Mẫu số 05 và Mẫu số 06 Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>6. Cung cấp tài khoản để các Sở Giao thông vận tải, các cơ sở đào tạo đăng nhập, truyền dữ liệu và khai thác dữ liệu trên phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam.</p> |  |
|  | Điều 11. Sở Giao thông vận tải   | Điều 7. Sở Giao thông vận tải   |  |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>1. Chịu trách nhiệm quản lý đào tạo lái xe trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>3. Kiểm tra công tác đào tạo lái xe đối với cơ sở đào tạo.</p> <p>4. Cấp mới, cấp lại giấy phép đào tạo lái xe theo mã số quản lý cơ sở đào tạo lái xe ô tô trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe và gửi Tổng cục Đường bộ Việt Nam bản sao giấy phép đào tạo lái xe đã cấp kèm biên bản kiểm tra cơ sở đào tạo quy định tại Phụ lục XI Nghị định số 65/2016/NĐ-CP.</p> <p>5. Cấp giấy phép xe tập lái; tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo nội dung, chương trình quy định.</p> <p>6. Lưu trữ các tài liệu sau:</p> <p>a) Danh sách giáo viên dạy thực hành lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP;</p> <p>b) Sổ theo dõi cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>c) Biên bản kiểm tra cơ sở đào tạo.</p> <p>7. Thực hiện tiếp nhận, rà soát, kiểm tra và thông báo danh sách cơ sở đào tạo lái xe hạng A1, A2, A3, A4 đủ hoặc không đủ điều</p> | <p>1. Chịu trách nhiệm quản lý đào tạo lái xe trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>2. Kiểm tra công tác đào tạo lái xe đối với cơ sở đào tạo.</p> <p>3. Cấp giấy phép xe tập lái; tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo nội dung, chương trình quy định.</p> <p>4. Thực hiện tiếp nhận, rà soát, kiểm tra và thông báo danh sách cơ sở đào tạo lái xe hạng A1, A, B1 đủ hoặc không đủ điều kiện hoạt động trên địa bàn quản lý trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.</p> <p>5. Theo dõi, kiểm tra, khai thác và sử dụng dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT trên phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam và của cơ sở đào tạo lái xe để phục vụ công tác quản lý đào tạo.</p> <p>6. Bảo mật tên đăng nhập và mật khẩu truy cập phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam.</p> <p>7. Tiếp nhận, chấp thuận hình thức tổ chức, chương trình đào tạo lái xe chi tiết để cơ sở đào tạo lái xe thực hiện đủ các nội dung, chương trình đào tạo lái xe quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>8. Sử dụng dữ liệu quản lý DAT trên phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này, giấy xác nhận được kết xuất trên ca bin học lái xe ô tô thông tin học viên đã học đủ thời gian và nội dung học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe</p> |  |
|---|--|--|

|  |   |  |   |
|--|---|--|---|
|  | <p>kiện hoạt động trên địa bàn quản lý trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.</p> <p>8. Theo dõi, kiểm tra, khai thác và sử dụng dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT trên phần mềm hệ thống thông tin DAT của Tổng cục Đường bộ Việt Nam và của cơ sở đào tạo lái xe để phục vụ công tác quản lý đào tạo.</p> <p>9. Bảo mật tên đăng nhập và mật khẩu truy cập phần mềm hệ thống thông tin DAT của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.</p> <p>10. Sử dụng dữ liệu quản lý DAT trên phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục 32 ban hành kèm theo Thông tư này, giấy xác nhận được in trên ca bin học lái xe ô tô thông tin học viên đã học đủ thời gian và nội dung học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô do cơ sở đào tạo cung cấp để duyệt danh sách học viên đủ điều kiện tham dự kỳ sát hạch. Trong trường hợp Cục Đường bộ Việt Nam có thông báo dừng hệ thống thông tin DAT để bảo trì hoặc bảo dưỡng hoặc xảy ra sự cố thì các Sở Giao thông vận tải sử dụng dữ liệu DAT của cơ sở đào tạo</p> | <p>ô tô do cơ sở đào tạo cung cấp để duyệt danh sách học viên đủ điều kiện tham dự kỳ sát hạch. Trong trường hợp Cục Đường bộ Việt Nam có thông báo dừng hệ thống thông tin DAT để bảo trì hoặc bảo dưỡng hoặc xảy ra sự cố thì các Sở Giao thông vận tải sử dụng dữ liệu DAT của cơ sở đào tạo.</p> |   |
|  | <p>Điều 12. 1. Thời gian đào tạo<br/>a) Hạng A1 : 12 giờ (lý thuyết: 10, thực hành lái xe: 02);</p>   | <p>Điều 16. Đào tạo lái xe các hạng A1, A, B1<br/>1. Kiểm tra<br/>a) Đối với hạng A: Kiểm tra môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết (nội dung bộ câu hỏi gồm các</p>  | <p>Sửa đổi quy định về hạng giấy phép lái xe đảm bảo tính thống nhất với quy định tại khoản</p> |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  | <p>b) Hạng A2 : 32 giờ (lý thuyết: 20, thực hành lái xe: 12);</p> <p>c) Hạng A3, A4 : 80 giờ (lý thuyết: 40, thực hành lái xe: 40).</p> <p>2. Các môn kiểm tra</p> <p>a) Pháp luật giao thông đường bộ đối với các hạng A2, A3, A4;</p> <p>b) Thực hành lái xe đối với các hạng A3, A4.</p> <p>3. Chương trình và phân bổ thời gian đào tạo: Có bảng</p> | <p>môn học: Pháp luật giao thông đường bộ và kỹ thuật lái xe);</p> <p>b) Đối với hạng B1: Kiểm tra môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết (nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: Pháp luật giao thông đường bộ; cấu tạo và sửa chữa thông thường và kỹ thuật lái xe kiểm tra môn học thực hành lái xe với bài thi tiền lùi hình chữ chi.</p> <p>c) Điểm đánh giá kết quả học tập của học sinh theo thang điểm 10 (từ 1 đến 10), có tính đến hàng thập phân 1 con số. Điểm kiểm tra đạt các môn học từ 5,0 điểm trở lên.</p> <p>2. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo tối thiểu</p> <p>3. Tổ chức khóa đào tạo</p> <p>Cơ sở đào tạo lái xe căn cứ các nội dung gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này và Phụ lục XI, thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn và nghỉ lễ; để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá 2 tháng.</p> | <p>1, khoản 3 và khoản 5 Điều 60 Luật TT.ATGTĐB</p>  |
|  | <p><b>Điều 13. Đào tạo lái xe các hạng B1, B2, C</b></p> <p>1. Kiểm tra, xét cấp chứng chỉ sơ cấp nghề, chứng chỉ đào tạo</p> <p>a) Kiểm tra khi kết thúc môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết (nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: Pháp luật</p>   | <p>Điều 17. Đào tạo lái xe các hạng B, C1</p> <p>1. Kiểm tra, xét cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo</p> <p>a) Kiểm tra khi kết thúc môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết (nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: Pháp luật giao thông đường bộ; cấu tạo và sửa chữa thông thường; nghiệp vụ vận tải; đạo đức, văn</p>   | <p>Sửa đổi quy định về hạng giấy phép lái xe đảm bảo tính thống nhất với quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều 60 Luật TT.ATGTĐB</p> |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>giao thông đường bộ; cấu tạo và sửa chữa thông thường; nghiệp vụ vận tải; đạo đức, văn hoá giao thông, phòng chống tác hại của rượu bia và phòng chống cháy nổ, cứu nạn và cứu hộ khi tham gia giao thông) và mô phỏng các tình huống giao thông;</p> <p>b) Kiểm tra khi kết thúc môn học thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường;</p> <p>c) Xét cấp chứng chỉ sơ cấp nghề hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người học đáp ứng yêu cầu theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này.</p> <p>2. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo<br/><i>(có bảng chi tiết gửi kèm)</i></p> <p>3. Tổ chức khóa đào tạo</p> <p>a) Cơ sở đào tạo lái xe căn cứ các nội dung gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này, thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn và nghỉ lễ; để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe đảm bảo đạt được mục tiêu: hạng B1 chương trình đào tạo thường xuyên và đối với hạng B2, hạng C là trình độ sơ cấp;</p> <p>b) Số học viên được quy định trên một xe tập lái: hạng B1, B2 không quá 05 học viên và hạng C không quá 08 học viên</p> | <p>hoá giao thông, phòng chống tác hại của rượu bia và phòng chống cháy nổ, cứu nạn và cứu hộ khi tham gia giao thông) và mô phỏng các tình huống giao thông;</p> <p>b) Kiểm tra khi kết thúc môn học thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường;</p> <p>c) Nội dung, hình thức và điều kiện kiểm tra khi kết thúc môn học do Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe quyết định. Người học được xét kiểm tra kết thúc môn học khi tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết; học đủ thời gian và tối thiểu 50% số km học thực hành lái xe trên sân tập lái; học đủ số km và tối thiểu 50% thời gian học thực hành lái xe trên đường. Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức: Đạt yêu cầu và Không đạt yêu cầu, có chữ ký và ghi rõ họ, tên của người đánh giá. Học viên có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu, thì phải tự ôn tập để dự kiểm tra lại;</p> <p>d) Điểm đánh giá kết quả học tập của học sinh theo thang điểm 10 (từ 1 đến 10), có tính đến hàng thập phân 1 con số.</p> <p>đ) Điều kiện được xét cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo: người học có 100% các kết quả kiểm tra hết môn học trong chương trình đào tạo có điểm kiểm tra đạt các môn học từ 5,0 điểm trở lên.</p> <p>2. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo<br/><i>(có bảng chi tiết gửi kèm)</i></p> <p>3. Tổ chức khóa đào tạo</p> |  |
|---|---|--|

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  |   | <p>a) Cơ sở đào tạo lái xe căn cứ các nội dung gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này và Phụ lục XI, thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn và nghỉ lễ; để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá 3 tháng;</p> <p>b) Số học viên được quy định trên một xe tập lái: hạng B không quá 05 học viên và hạng C1 không quá 08 học viên.</p>  |  |
|  | <p>Điều 14. Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe</p> <p>1. Kiểm tra, xét cấp chứng chỉ đào tạo</p> <p>a) Kiểm tra khi kết thúc môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết (nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: Pháp luật giao thông đường bộ; cấu tạo và sửa chữa thông thường; nghiệp vụ vận tải; đạo đức, văn hoá giao thông, phòng chống tác hại của rượu bia và phòng chống cháy nổ, cứu nạn và cứu hộ khi tham gia giao thông) và mô phỏng các tình huống giao thông;</p> <p>b) Kiểm tra khi kết thúc môn học thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường;</p> <p>c) Xét cấp chứng chỉ đào tạo đối với người học đáp ứng yêu cầu theo quy định tại</p> | <p>Điều 18. Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe</p> <p>1. Kiểm tra, xét cấp chứng chỉ sơ cấp nghề, chứng chỉ đào tạo</p> <p>a) Kiểm tra khi kết thúc môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết (nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: Pháp luật giao thông đường bộ; cấu tạo và sửa chữa thông thường; nghiệp vụ vận tải; đạo đức, văn hoá giao thông, phòng chống tác hại của rượu bia và phòng chống cháy nổ, cứu nạn và cứu hộ khi tham gia giao thông) và mô phỏng các tình huống giao thông;</p> <p>b) Kiểm tra khi kết thúc môn học thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường;</p> <p>c) Nội dung, hình thức và điều kiện kiểm tra khi kết thúc môn học do Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe quyết định. Người học được xét kiểm tra kết thúc môn học khi tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết; học đủ thời</p> | <p>Sửa đổi quy định về hạng giấy phép lái xe đảm bảo tính thống nhất với quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều 60 Luật TT.ATGTĐB</p> |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>điểm a và điểm b khoản này.</p> <p>2. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo:<br/>(có bảng chi tiết gửi kèm)</p> <p>3. Tổ chức khóa đào tạo</p> <p>a) Cơ sở đào tạo lái xe căn cứ các nội dung, gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này, thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn và nghỉ lễ; để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe đối với học nâng hạng phải đảm bảo đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo thường xuyên;</p> <p>b) Số học viên được quy định trên 01 xe tập lái đối với học nâng hạng: B1 (số tự động lên B1 số cơ khí), B1 lên B2 không quá 05 học viên; B2 lên C, C lên D, D lên E, B2, C, D, E lên F không quá 08 học viên; B2 lên D, C lên E không quá 10 học viên.</p> | <p>gian và tối thiểu 50% số km học thực hành lái xe trên sân tập lái; học đủ số km và tối thiểu 50% thời gian học thực hành lái xe trên đường. Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức: Đạt yêu cầu và Không đạt yêu cầu, có chữ ký và ghi rõ họ, tên của người đánh giá. Học viên có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu, thì phải tự ôn tập để dự kiểm tra lại;</p> <p>d) Điểm đánh giá kết quả học tập của học sinh theo thang điểm 10 (từ 1 đến 10), có tính đến hàng thập phân 1 con số.</p> <p>đ) Điều kiện được xét cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo: người học có 100% các kết quả kiểm tra hết môn học trong chương trình đào tạo có điểm kiểm tra đạt các môn học từ 5,0 điểm trở lên.</p> <p>2. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo tối thiểu:<br/>(có bảng chi tiết gửi kèm)</p> <p>3. Tổ chức khóa đào tạo</p> <p>a) Cơ sở đào tạo lái xe căn cứ các nội dung, gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này và Phụ lục XI, thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn và nghỉ lễ; để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe đối với học nâng hạng không quá 2 tháng;</p> <p>b) Số học viên được quy định trên 01 xe tập lái đối với học nâng hạng: B lên BE không quá 5 học viên; B lên C1, B lên C, C1 lên C, C1 lên C1E, C lên CE không quá 08 học viên; B lên D1, B lên D2, C1 lên D1, C1 lên D2, D1</p> |  |
|---|--|--|

|  |  |   |   |
|--|--|---|---|
|  |  | lên D2, D1 lên D, D1 lên D1E, D2 lên D2E, D lên DE không quá 10 học viên.   |   |
|  | Điều 15. Nội dung chi tiết các môn học Căn cứ vào chương trình đào tạo lái xe được quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 và chương trình khung đào tạo lái xe quy định tại Phụ lục 31 ban hành kèm theo Thông tư này, người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe tự chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng nội dung chi tiết các môn học để phê duyệt và đưa vào tổ chức đào tạo. | Quy định tại khoản 22 Điều 9 Dự thảo thông tư   |   |
|  |  | <p>Điều 13. Quy trình biên soạn, thẩm định ban hành giáo trình và chương trình đào tạo</p> <p>1. Bước 1: Thành lập Tổ biên soạn giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo chi tiết</p> <p>a) Người đứng đầu cơ sở đào tạo ra quyết định thành lập Tổ biên soạn giáo trình đào tạo (sau đây gọi là Tổ biên soạn).</p> <p>b) Thành phần Tổ biên soạn có từ 5 đến 7 thành viên, gồm Tổ trưởng, thư ký và các thành viên là giáo viên, giảng viên, các chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm đối với nghề.</p> <p>c) Tiêu chuẩn đối với thành viên Tổ biên soạn: có trình độ trung cấp trở lên; có ít nhất 3 năm kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy biên soạn giáo trình, chương trình đào tạo chi tiết.</p> <p>d) Quyền hạn và trách nhiệm của Tổ biên soạn:</p> | <p>- Khoản 1 Điều 61 Luật Giao thông đường bộ quy định: <i>Cơ sở đào tạo lái xe là loại hình cơ sở dạy nghề</i>, Theo đó, quy trình về xây dựng giáo trình, chương trình đào tạo chi tiết do thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe xây dựng.</p> <p>- Tuy nhiên, Luật TT,ATGTĐB không quy định <i>Cơ sở đào tạo lái xe là loại hình cơ sở dạy nghề</i>. Vì vậy, tại Dự thảo Thông tư ngss dẫn chi tiết Luật TT,ATGTĐB về lĩnh</p> |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>Tổ biên soạn có thể thành lập các Nhóm để biên soạn giáo trình một số mô đun của nghề; Mỗi nhóm biên soạn có từ 3 đến 5 thành viên là giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy đối với nội dung biên soạn. Nhóm giúp Tổ biên soạn thực hiện nhiệm vụ biên soạn giáo trình, chương trình đào tạo chi tiết đối với nội dung được giao;</p> <p>Quy định trách nhiệm của các nhóm biên soạn giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết;</p> <p>Tổ chức hướng dẫn phương pháp, quy trình tổ chức biên soạn giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết cho thành viên các nhóm biên soạn;</p> <p>Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng của giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết; báo cáo trước Hội đồng thẩm định và hoàn thiện dự thảo theo góp ý của Hội đồng thẩm định.</p> <p>2. Bước 2: Thiết kế cấu trúc giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết</p> <p>Tổ biên soạn tổ chức nghiên cứu chương trình đào tạo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này; thu thập, tham khảo các tài liệu có liên quan làm căn cứ thực hiện nhiệm vụ biên soạn giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết. Cụ thể:</p> <p>a) Tổ chức hội thảo, xin ý kiến chuyên gia về cấu trúc của giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết;</p> <p>b) Tổng hợp, hoàn thiện các nội dung về cấu trúc của giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết.</p> <p>3. Bước 3: Biên soạn giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết</p> | <p>vực đào tạo lái xe cần bổ sung quy định về thẩm quyền của cơ sở đào tạo trong công tác xây dựng giáo trình, chương trình đào tạo chi tiết để đảm bảo tính khả thi của chính sách.</p> |
|--|--|---|--|

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>a) Biên soạn nội dung chi tiết giáo trình từng môn học và chương trình đào tạo chi tiết từng môn học;</p> <p>b) Hội thảo xin ý kiến chuyên gia (gồm các giáo viên đang trực tiếp giảng dạy, cán bộ quản lý, nghiên cứu và chuyên gia về nội dung của từng giáo trình từng môn học và chương trình đào tạo chi tiết từng môn học;</p> <p>c) Tổng hợp, hoàn thiện giáo trình đào tạo và sau khi có ý kiến chuyên gia.</p> <p>4. Bước 4: Sửa chữa, biên tập, hoàn thiện dự thảo giáo trình đào tạo</p> <p>a) Sửa chữa biên tập tổng thể giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết;</p> <p>b) Hoàn thiện giáo trình đào tạo.</p> <p>5. Bước 5: Thẩm định và ban hành giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết</p> <p>a) Gửi bản dự thảo giáo trình tới Hội đồng thẩm định giáo trình kèm theo báo cáo tóm tắt quá trình biên soạn và những nội dung cốt lõi của giáo trình đào tạo chương trình đào tạo chi tiết;</p> <p>b) Bảo vệ giáo trình trước cuộc họp Hội đồng thẩm định giáo trình chương trình đào tạo chi tiết;</p> <p>c) Hoàn thiện giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết theo ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định giáo trình;</p> <p>d) Trình người đứng đầu cơ sở đào tạo giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết đã được hoàn thiện (kèm theo báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình) để xem xét, quyết định ban hành giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết.</p> |  |
|--|--|---|--|

|  |   |  |   |
|--|---|--|---|
|  |   | 6. Bước 6: Đánh giá và cập nhật nội dung giáo trình đào tạo chương trình đào tạo chi tiết.   |   |
|  |   | Điều 14. Tiêu chuẩn của cơ sở đào tạo lái xe mô tô<br>Người học lái xe các hạng A1, A và B1 phải được đào tạo tại các cơ sở đào tạo lái xe đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư này. | Nội dung quy định theo thẩm quyền được giao tại khoản 8 Điều 60 Luật TTT,ATGTĐB |
|  | <p>Điều 16. Phân hạng giấy phép lái xe</p> <p>1. Hạng A1 cấp cho:</p> <p>a) Người lái xe để điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xy lanh từ 50 cm<sup>3</sup> đến dưới 175 cm<sup>3</sup>;</p> <p>b) Người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.</p> <p>2. Hạng A2 cấp cho người lái xe để điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xy lanh từ 175 cm<sup>3</sup> trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1.</p> <p>3. Hạng A3 cấp cho người lái xe để điều khiển xe mô tô ba bánh, các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 và các xe tương tự.</p> <p>4. Hạng A4 cấp cho người lái xe để điều khiển các loại máy kéo nhỏ có trọng tải đến 1.000 kg.</p> | Không quy định   | Nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật TT,ATGTĐB                   |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>5. Hạng B1 số tự động cấp cho người không hành nghề lái xe để điều khiển các loại xe sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Ô tô số tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, kể cả chỗ ngồi cho người lái xe;</li><li>b) Ô tô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng số tự động có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg;</li><li>c) Ô tô dùng cho người khuyết tật.</li></ul> <p>6. Hạng B1 cấp cho người không hành nghề lái xe để điều khiển các loại xe sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi, kể cả chỗ ngồi cho người lái xe;</li><li>b) Ô tô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg;</li><li>c) Máy kéo kéo một rơ moóc có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg.</li></ul> <p>7. Hạng B2 cấp cho người hành nghề lái xe để điều khiển các loại xe sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Ô tô chuyên dùng có trọng tải thiết kế dưới 3.500 kg;</li><li>b) Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1.</li></ul> <p>8. Hạng C cấp cho người lái xe để điều khiển các loại xe sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Ô tô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng, ô tô chuyên dùng có trọng tải thiết kế từ 3.500 kg trở lên;</li></ul> |  |  |
|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>b) Máy kéo kéo một rơ moóc có trọng tải thiết kế từ 3.500 kg trở lên;</p> <p>c) Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2.</p> <p>9. Hạng D cấp cho người lái xe để điều khiển các loại xe sau đây:</p> <p>a) Ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi, kể cả chỗ ngồi cho người lái xe;</p> <p>b) Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2 và C.</p> <p>10. Hạng E cấp cho người lái xe để điều khiển các loại xe sau đây:</p> <p>a) Ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi;</p> <p>b) Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C và D.</p> <p>11. Người có giấy phép lái xe các hạng B1, B2, C, D và E khi điều khiển các loại xe tương ứng được kéo thêm một rơ moóc có trọng tải thiết kế không quá 750 kg.</p> <p>12. Hạng F cấp cho người đã có giấy phép lái xe các hạng B2, C, D và E để điều khiển các loại xe ô tô tương ứng kéo rơ moóc có trọng tải thiết kế lớn hơn 750 kg, sơ mi rơ moóc, ô tô khách nối toa, được quy định cụ thể như sau:</p> <p>a) Hạng FB2 cấp cho người lái xe ô tô để lái các loại xe quy định tại giấy phép lái xe hạng B2 có kéo rơ moóc và được điều khiển</p> |  |  |
|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1 và hạng B2;</p> <p>b) Hạng FC cấp cho người lái xe ô tô để lái các loại xe quy định tại giấy phép lái xe hạng C có kéo rơ moóc, ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C và hạng FB2;</p> <p>c) Hạng FD cấp cho người lái xe ô tô để lái các loại xe quy định tại giấy phép lái xe hạng D có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D và FB2;</p> <p>d) Hạng FE cấp cho người lái xe ô tô để lái các loại xe quy định tại giấy phép lái xe hạng E có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe: ô tô chở khách nối toa và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D, E, FB2, FD.</p> <p>13. Hạng giấy phép lái xe sử dụng cho người lái xe ô tô chở người thực hiện theo quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều này. Trường hợp xe thiết kế, cải tạo theo quy định của pháp luật về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có số chỗ ít hơn xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương thì hạng giấy phép lái xe được tính</p> |  |  |
|--|--|--|

|  |  |   |   |
|--|--|---|---|
|  | theo xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương.   |   |   |
|  | <p>Điều 17. Thời hạn của giấy phép lái xe</p> <p>1. Giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3 không có thời hạn.</p> <p>2. Giấy phép lái xe hạng B1 có thời hạn đến khi người lái xe đủ 55 tuổi đối với nữ và đủ 60 tuổi đối với nam; trường hợp người lái xe trên 45 tuổi đối với nữ và trên 50 tuổi đối với nam thì giấy phép lái xe được cấp có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp.</p> <p>3. Giấy phép lái xe hạng A4, B2 có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp.</p> <p>4. Giấy phép lái xe hạng C, D, E, FB2, FC, FD, FE có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp.</p> <p>5. Thời hạn của giấy phép lái xe được ghi trên giấy phép lái xe.</p> |   | Nội dung này được quy định tại khoản 5 Điều 57 Luật TT,ATGTĐB   |
|  | <p>Điều 18. Trách nhiệm của trung tâm sát hạch lái xe</p> <p>1. Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm tra, chấm điểm theo quy định để thực hiện các kỳ sát hạch đạt kết quả chính xác, khách quan; báo cáo về Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam khi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch hoạt động</p>   | <p>Điều 24. Trung tâm sát hạch lái xe</p> <p>1. Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm tra, chấm điểm theo quy định để thực hiện các kỳ sát hạch đạt kết quả chính xác, khách quan; báo cáo về Sở Giao thông vận tải khi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch hoạt động không chính xác, không ổn định hoặc khi thay đổi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch để xử lý kịp thời.</p> | Bổ sung trách nhiệm: <i>truyền, chia sẻ ngay dữ liệu giám sát sát hạch đến Sở Giao thông vận tải và cơ quan quản lý về trật tự an toàn giao thông đường bộ ở địa phương, để đảm bảo</i> |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>không chính xác, không ổn định hoặc khi thay đổi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch để xử lý kịp thời.</p> <p>2. Phối hợp và tạo mọi điều kiện để các cơ sở đào tạo lái xe đưa học viên đến ôn luyện và các Hội đồng sát hạch tổ chức sát hạch thuận tiện, đúng kế hoạch.</p> <p>3. Chấp hành và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, kiểm chuẩn trung tâm sát hạch lái xe.</p> <p>4. Công khai mức thu phí sát hạch và giá các dịch vụ khác.</p> <p>5. Bảo đảm an toàn cho các kỳ sát hạch lái xe; phối hợp các đơn vị, cơ quan liên quan giải quyết khi có các vụ việc tai nạn, mất an toàn xảy ra.</p> <p>6. Thực hiện chế độ báo cáo, công khai lịch sát hạch trên Trang thông tin điện tử của trung tâm sát hạch, lưu trữ hồ sơ kết quả sát hạch theo quy định.</p> <p>7. Duy trì hệ thống Camera đối với phòng sát hạch lý thuyết, mô phỏng các tình huống giao thông, sân sát hạch lái xe trong hình tại các khu vực có bài sát hạch: xuất phát, dừng và khởi hành xe trên dốc, qua vệt bánh xe, qua ngã tư, ghép xe vào nơi đỗ và bài kết thúc; hệ thống sử dụng camera IP, có độ phân giải HD trở lên, có giao diện tương tác,</p> | <p>2. Phối hợp và tạo mọi điều kiện để các cơ sở đào tạo lái xe đưa học viên đến ôn luyện và các Hội đồng sát hạch tổ chức sát hạch thuận tiện, đúng kế hoạch.</p> <p>3. Chấp hành và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, kiểm chuẩn trung tâm sát hạch lái xe.</p> <p>4. Công khai mức thu phí sát hạch và giá các dịch vụ khác.</p> <p>5. Bảo đảm an toàn cho các kỳ sát hạch lái xe; phối hợp các đơn vị, cơ quan liên quan giải quyết khi có các vụ việc tai nạn, mất an toàn xảy ra.</p> <p>6. Thực hiện chế độ báo cáo, công khai lịch sát hạch trên Trang thông tin điện tử của trung tâm sát hạch, lưu trữ hồ sơ kết quả sát hạch theo quy định.</p> <p>7. Truyền, chia sẻ ngay dữ liệu giám sát sát hạch đến Sở Giao thông vận tải và cơ quan quản lý về trật tự an toàn giao thông đường bộ ở địa phương; lưu trữ và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực dữ liệu giám sát sát hạch; bảo đảm an toàn dữ liệu; bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và phần mềm cho hệ thống thông tin giám sát sát hạch của Sở Giao thông vận tải; cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, dữ liệu giám sát sát hạch cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.</p> <p>8. Tiếp nhận, sử dụng phần mềm sát hạch lý thuyết, phần mềm sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao để sát hạch lái xe và phần mềm quản lý nghiệp vụ do Cục Đường bộ Việt</p> | <p>tính khả thi nội dung quy định tại khoản 4 Điều 61 Luật TT,ATGTĐB</p> |
|--|---|--|

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>kết nối đáp ứng tối thiểu theo tiêu chuẩn mở ONVIF, được đồng bộ về thời gian với máy chủ sát hạch lý thuyết, máy tính điều hành thiết bị chấm điểm thực hành lái xe trong hình; đảm bảo kết nối trực tuyến, truyền dữ liệu hình ảnh (dạng video) theo giao thức chuẩn mở sử dụng cho trao đổi dữ liệu hai chiều thời gian thực giữa máy chủ và máy trạm (websocket) về Cục Đường bộ Việt Nam. Cung cấp địa chỉ truy cập vào hệ thống để Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải giám sát trực tiếp quá trình sát hạch và phục vụ công tác quản lý theo thẩm quyền. Dữ liệu hình ảnh (dạng video) giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình phải công khai trực tiếp trên màn hình lắp đặt tại phòng chờ sát hạch và lưu trữ ở trung tâm sát hạch theo quy định. Hệ thống các thiết bị nói trên phải đảm bảo tính bảo mật, ngăn chặn các truy cập trái phép từ bên ngoài.</p> <p>8. Tiếp nhận, sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao để sát hạch lái xe theo lộ trình quy định tại khoản 4 Điều 47 của Thông tư này.</p> | <p>Nam chuyên giao để phục vụ công tác tổ chức sát hạch lái xe.</p> |  |
| <p>Điều 19. Hồ sơ dự sát hạch lái xe</p>  | <p>Điều 25. Điều kiện của người dự sát hạch lái xe</p>              |  |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>1. Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu</p> <p>Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi bằng một trong các hình thức: trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này;</p> <p>b) Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C;</p> <p>c) Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.</p> <p>2. Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng B1, B2, C, D, E và các hạng F</p> <p>Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi bằng một trong các hình thức: trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư này;</p> <p>b) Chứng chỉ đào tạo nâng hạng;</p> <p>c) Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.</p> | <p>1. Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khỏe, trình độ văn hóa theo quy định đối với người học để nâng hạng giấy phép lái xe theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 60 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>2. Học đủ nội dung, chương trình đào tạo theo quy định; được cơ sở đào tạo lái xe cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVIII đối với các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE.</p> <p>3. Người dự sát hạch phải có tên trong danh sách học viên của Báo cáo 1.</p> <p>4. Không xét thi nâng hạng đối với người lái xe vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 62 Luật Trật tự.</p> <p>Điều 26. Hồ sơ dự sát hạch lái xe</p> <p>Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi bằng một trong các hình thức: trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư này;</p> <p>b) Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng B1, B, C1;</p> <p>c) Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.</p> <p>2. Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE</p> |  |
|--|---|--|

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>3. Đối với người dự sát hạch lại do giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng theo quy định</p> <p>Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 9 của Thông tư này;</li> <li>b) Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;</li> </ul> <p>4. Đối với người dự sát hạch lại do bị mất giấy phép lái xe</p> <p>Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 9 của Thông tư này;</li> <li>b) Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này có ghi ngày tiếp nhận hồ sơ của cơ quan tiếp nhận;</li> <li>c) Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có).</li> </ul> | <p>Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi bằng một trong các hình thức: trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư này;</li> <li>b) Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo;</li> <li>c) Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.</li> </ul> <p>3. Đối với người dự sát hạch lại do giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng theo quy định</p> <p>Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 11 của Thông tư này;</li> <li>b) Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này;</li> </ul> <p>4. Đối với người dự sát hạch lại do bị mất giấy phép lái xe</p> <p>Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 11 của Thông tư này;</li> <li>b) Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo</li> </ul> |  |
|---|--|--|

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>Thông tư này có ghi ngày tiếp nhận hồ sơ của cơ quan tiếp nhận;</p> <p>c) Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có).</p>  |  |
|  | Điều 20. <i>(được bãi bỏ)</i>  |   |  |
|  | <p>Điều 21. Nội dung và quy trình sát hạch lái xe</p> <p>1. Việc sát hạch để cấp giấy phép lái xe ô tô phải được thực hiện tại các trung tâm sát hạch lái xe có đủ điều kiện hoạt động (sau đây gọi là trung tâm sát hạch).</p> <p>2. Việc sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3 và A4 ở các đô thị từ loại 2 trở lên phải được thực hiện tại các trung tâm sát hạch lái xe có đủ điều kiện hoạt động; các địa bàn khác thực hiện tại các sân sát hạch có đủ các hạng mục công trình cơ bản, phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch và xe cơ giới dùng để sát hạch của từng hạng giấy phép lái xe theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.</p> <p>3. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe</p> <p>a) Sát hạch lý thuyết: gồm các câu hỏi liên quan đến quy định của pháp luật giao thông đường bộ, kỹ thuật lái xe, ngoài ra còn có nội dung liên quan đến cấu tạo và sửa chữa thông thường, nghiệp vụ vận tải (đối với giấy phép lái xe hạng B1); cấu tạo và sửa chữa thông thường, nghiệp vụ vận tải, đạo đức người lái xe (đối với giấy phép lái xe ô tô từ hạng B trở lên).</p> <p>Người dự sát hạch lái xe hạng A1 có giấy phép lái xe ô tô do ngành Giao thông vận tải cấp được miễn sát hạch lý thuyết;</p> | <p>Điều 20. Nội dung và quy trình sát hạch lái xe</p> <p>1. Việc sát hạch để cấp giấy phép lái xe ô tô thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>2. Việc sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1, A, B1 ở các đô thị từ loại 2 trở lên (loại 1 và đô thị đặc biệt) phải được thực hiện tại các trung tâm sát hạch lái xe có đủ điều kiện hoạt động; các địa bàn khác thực hiện tại các sân tập lái có đủ điều kiện để sát hạch.</p> <p>3. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe</p> <p>a) Sát hạch lý thuyết: gồm các câu hỏi liên quan đến quy định của pháp luật giao thông đường bộ, kỹ thuật lái xe, ngoài ra còn có nội dung liên quan đến cấu tạo và sửa chữa thông thường, nghiệp vụ vận tải (đối với giấy phép lái xe hạng B1); cấu tạo và sửa chữa thông thường, nghiệp vụ vận tải, đạo đức người lái xe (đối với giấy phép lái xe ô tô từ hạng B trở lên).</p> <p>Người dự sát hạch lái xe hạng A1 có giấy phép lái xe ô tô do ngành Giao thông vận tải cấp được miễn sát hạch lý thuyết;</p> | <p>Sửa đổi quy định về hạng giấy phép lái xe đảm bảo tính thống nhất với quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều 60 Luật TT.ATGTĐB</p> |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>có nội dung liên quan đến cấu tạo và sửa chữa thông thường, nghiệp vụ vận tải (đối với giấy phép lái xe hạng A3, A4); cấu tạo và sửa chữa thông thường, đạo đức người lái xe (đối với giấy phép lái xe ô tô hạng B1); cấu tạo và sửa chữa thông thường, nghiệp vụ vận tải, đạo đức người lái xe (đối với giấy phép lái xe ô tô từ hạng B2 trở lên).</p> <p>Người dự sát hạch lái xe hạng A1 có giấy phép lái xe ô tô do ngành Giao thông vận tải cấp được miễn sát hạch lý thuyết.</p> <p>b) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng A1, A2</p> <p>Người dự sát hạch phải điều khiển xe mô tô qua 04 bài sát hạch: đi theo hình số 8, qua vạch đường thẳng, qua đường có vạch cản, qua đường gồ ghề.</p> <p>c) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng A3, A4</p> <p>Người dự sát hạch phải điều khiển xe tiến qua hình chữ chi và lùi theo hướng ngược lại.</p> <p>d) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng B1, B2, C, D và E</p> <p>Người dự sát hạch phải thực hiện đúng trình tự và điều khiển xe qua các bài sát hạch đã bố trí tại trung tâm sát hạch như: xuất phát, dừng xe nhường đường cho người đi bộ, dừng</p> | <p>b) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng A1, A2</p> <p>Người dự sát hạch phải điều khiển xe mô tô qua 04 bài sát hạch: đi theo hình số 8, qua vạch đường thẳng, qua đường có vạch cản, qua đường gồ ghề;</p> <p>c) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng B1</p> <p>Người dự sát hạch phải điều khiển xe tiến qua hình chữ chi và lùi theo hướng ngược lại;</p> <p>d) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng B, C1, C, D1, D2, D</p> <p>Người dự sát hạch phải thực hiện đúng trình tự và điều khiển xe qua các bài sát hạch đã bố trí tại trung tâm sát hạch như: xuất phát, dừng xe nhường đường cho người đi bộ, dừng và khởi hành xe trên dốc, qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc, qua ngã tư có đèn tín hiệu điều khiển giao thông, qua đường vòng quanh co, ghép xe vào nơi đỗ (hạng B1, B2 và C thực hiện ghép xe dọc; hạng B1, B2 và D, E thực hiện ghép xe ngang), tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua, thao tác khi gặp tình huống nguy hiểm, thay đổi số trên đường bằng, kết thúc;</p> <p>đ) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng BE, D1E, D2E, DE</p> <p>Người dự sát hạch điều khiển xe qua bài sát hạch: tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại;</p> <p>e) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với hạng C1E, CE</p> |  |
|---|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>và khởi hành xe trên dốc, qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc, qua ngã tư có đèn tín hiệu điều khiển giao thông, qua đường vòng quanh co, ghép xe vào nơi đỗ (hạng B1, B2 và C thực hiện ghép xe dọc; hạng B1, B2 và D, E thực hiện ghép xe ngang), tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua, thao tác khi gặp tình huống nguy hiểm, thay đổi số trên đường bằng, kết thúc.</p> <p>đ) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng FB2, FD và FE</p> <p>Người dự sát hạch điều khiển xe qua bài sát hạch: tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại.</p> <p>e) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với hạng FC</p> <p>Người dự sát hạch điều khiển xe qua 02 bài sát hạch: tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại; ghép xe dọc vào nơi đỗ.</p> <p>g) Sát hạch thực hành lái xe trên đường: người dự sát hạch điều khiển xe ô tô sát hạch, xử lý các tình huống trên đường giao thông và thực hiện hiệu lệnh của sát hạch viên.</p> <p>h) Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: Người dự sát hạch xử lý các tình huống mô phỏng xuất hiện trên máy tính;</p> | <p>Người dự sát hạch điều khiển xe qua 02 bài sát hạch: tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại; ghép xe dọc vào nơi đỗ;</p> <p>g) Sát hạch thực hành lái xe trên đường: người dự sát hạch điều khiển xe ô tô sát hạch, xử lý các tình huống trên đường giao thông và thực hiện hiệu lệnh của sát hạch viên;</p> <p>h) Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: Người dự sát hạch phát hiện các thời điểm có nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc quan sát các tình huống mô phỏng xuất hiện trên máy tính;</p> <p>i) Sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe hạng A1 cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.</p> <p>Người dự sát hạch phải điều khiển xe tiến qua hình chữ chi.</p> <p>4. Việc tổ chức sát hạch lái xe được thực hiện như sau:</p> <p>a) Sát hạch lý thuyết thực hiện trên máy vi tính (trừ sát hạch đối với hạng A1 tại các địa bàn có khoảng cách đến trung tâm đô thị loại 3 trở lên (loại 1, loại 2 và loại đặc biệt) trên 100 km được phép sát hạch bằng phương pháp trắc nghiệm trên giấy);</p> <p>b) Sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính đối với các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE; phòng sát hạch có camera để giám sát quá trình sát hạch;</p> |  |
|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>i) Sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe hạng A1 cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.</p> <p>Người dự sát hạch phải điều khiển xe tiến qua hình chữ chi.</p> <p>4. Việc tổ chức sát hạch lái xe được thực hiện như sau:</p> <p>a) Sát hạch lý thuyết thực hiện trên máy vi tính (trừ sát hạch đối với hạng A1 tại các địa bàn thuộc các đô thị từ loại 3 trở lên có khoảng cách đến trung tâm đô thị loại 3 trở lên trên 100 km được phép sát hạch bằng phương pháp trắc nghiệm trên giấy); phòng sát hạch lý thuyết có camera để giám sát quá trình sát hạch;</p> <p>b) Sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính đối với các hạng B1, B2, C, D, E và các hạng F; phòng sát hạch có camera để giám sát quá trình sát hạch;</p> <p>c) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng A1, A2 thực hiện tại trung tâm sát hạch lái xe hoặc cơ sở đào tạo lái xe có sân sát hạch đủ điều kiện, có thiết bị chấm điểm tự động (trừ các địa bàn có khoảng cách đến trung tâm đô thị từ loại 3 trở lên trên 100 km được phép sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp);</p> <p>d) Sát hạch thực hành lái xe trong</p> | <p>c) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng A1, A thực hiện tại trung tâm sát hạch lái xe hoặc cơ sở đào tạo lái xe có sân sát hạch đủ điều kiện, có thiết bị chấm điểm tự động (trừ các địa bàn có khoảng cách đến trung tâm đô thị từ loại 3 trở lên trên 100 km được phép sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp);</p> <p>d) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE thực hiện tại trung tâm sát hạch lái xe hoặc sân sát hạch có đủ điều kiện thuộc trung tâm sát hạch lái xe; không có sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch;</p> <p>đ) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng B, C1, C, D1, D2, D thực hiện tại trung tâm sát hạch lái xe có thiết bị chấm điểm tự động; không có sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch;</p> <p>e) Sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông áp dụng đối với các hạng B, C1, C, D1, D2, D và có một sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch;</p> <p>g) Sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông áp dụng đối với các hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE phải sử dụng thiết bị chấm điểm tự động.</p> <p>5. Quy trình sát hạch lái xe</p> <p>a) Hạng A1 và A thực hiện theo quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Hạng B1 thực hiện theo quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>c) Các hạng B, C1, C, D1, D2, D thực hiện theo quy định tại Phụ lục XXIII ban hành kèm theo Thông tư</p> |  |
|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>hình đối với các hạng F thực hiện tại trung tâm sát hạch lái xe hoặc sân sát hạch có đủ điều kiện thuộc trung tâm sát hạch lái xe; không có sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch;</p> <p>đ) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng B1, B2, C, D, E thực hiện tại trung tâm sát hạch lái xe có thiết bị chấm điểm tự động; không có sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch;</p> <p>e) Sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông áp dụng đối với các hạng B1, B2, C, D, E và các hạng F và có một sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch;</p> <p>g) Sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông đối với các hạng B1, B2, C, D và E phải sử dụng thiết bị chấm điểm tự động.</p> <p>5. Quy trình sát hạch lái xe</p> <p>a) Hạng A1 và A2 thực hiện theo quy định tại Phụ lục 33 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Hạng A3 và A4 thực hiện theo quy định tại Phụ lục 34 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>c) Các hạng B1, B2, C, D, E thực hiện theo quy định tại Phụ lục 35 ban hành kèm theo Thông tư này; các hạng FB2, FD và FE thực hiện theo quy định tại Phụ lục 36 ban hành kèm theo Thông tư này; hạng FC thực hiện</p> | <p>này; các hạng BE, D1E, D2E, DE thực hiện theo quy định tại Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư này; hạng C1E, CE thực hiện theo quy định tại Phụ lục XXV ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>d) Trên cơ sở rà soát, tổng hợp kết quả của Cơ quan quản lý sát hạch, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch kèm theo danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 và mẫu số 02 Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này.</p> |  |
|--|--|--|

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  | theo quy định tại Phụ lục 37 ban hành kèm theo Thông tư này.   |   |  |
|  | <p>Điều 22. Chuẩn bị kỳ sát hạch</p> <p>Cơ quan quản lý sát hạch thực hiện các công việc sau:</p> <p>1. Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1, A2</p> <p>a) Tiếp nhận báo cáo đăng ký sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô các hạng A1, A2 do cơ sở đào tạo gửi;</p> <p>b) Kiểm tra hồ sơ và điều kiện người dự sát hạch theo quy định tại Điều 19 của Thông tư này;</p> <p>Người được giao nhiệm vụ kiểm tra, duyệt hồ sơ thí sinh dự sát hạch phối hợp với cơ sở đào tạo lập biên bản kiểm tra hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục 11c ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>c) Đối với khóa đào tạo và sát hạch cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt thực hiện như sau:</p> <p>Trong thời gian 03 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 38 ban hành kèm theo Thông tư này gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt cư trú lấy ý kiến; thời hạn lấy ý kiến tối đa không quá 15 ngày kể từ ngày</p> | <p>Điều 31. Chuẩn bị kỳ sát hạch</p> <p>Cơ quan quản lý sát hạch thực hiện các công việc sau:</p> <p>1. Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1, A</p> <p>a) Kiểm tra hồ sơ và điều kiện người dự sát hạch theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Thông tư này;</p> <p>b) Người được giao nhiệm vụ kiểm tra, duyệt hồ sơ thí sinh dự sát hạch lập biên bản kiểm tra hồ sơ theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>c) Đối với khóa đào tạo và sát hạch cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt thực hiện như sau:</p> <p>Sở Giao thông vận tải có văn bản theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt cư trú lấy ý kiến; thời hạn lấy ý kiến tối đa không quá 15 ngày kể từ ngày Sở Giao thông vận tải có văn bản.</p> <p>Trong thời hạn lấy ý kiến, Sở Giao thông vận tải nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã thì đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch đối với các thí sinh đúng đối tượng; quá thời hạn lấy ý kiến mà Sở Giao thông vận tải chưa nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã thì không đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch.</p> | <p>Sửa đổi quy định về hạng giấy phép lái xe đảm bảo tính thống nhất với quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều 60 Luật TT.ATGTĐB</p> |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>Sở Giao thông vận tải có văn bản.</p> <p>Trong thời hạn lấy ý kiến, Sở Giao thông vận tải nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã thì đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch đối với các thí sinh đúng đối tượng; quá thời hạn lấy ý kiến mà Sở Giao thông vận tải chưa nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã thì không đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch.</p> <p>Trường hợp quá thời hạn 15 ngày, Sở Giao thông vận tải mới nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã thì Sở Giao thông vận tải đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch đối với các thí sinh đúng đối tượng của kỳ sát hạch kế tiếp gần nhất;</p> <p>d) Căn cứ danh sách hồ sơ thí sinh dự sát hạch hợp lệ kèm theo Biên bản kiểm tra hồ sơ thí sinh dự sát hạch lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 11c ban hành kèm theo Thông tư này, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định tổ chức kỳ sát hạch; thành lập Tổ sát hạch</p> <p>2. Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A3, A4, B1, B2, C, D, E và F</p> <p>a) Tiếp nhận báo cáo đăng ký sát hạch lái xe, danh sách học viên (báo cáo 1), danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp của cơ sở đào tạo theo mẫu quy định tại Phụ</p> | <p>Trường hợp quá thời hạn 15 ngày, Sở Giao thông vận tải mới nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã thì Sở Giao thông vận tải đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch đối với các thí sinh đúng đối tượng của kỳ sát hạch kế tiếp gần nhất;</p> <p>d) Căn cứ danh sách hồ sơ thí sinh dự sát hạch hợp lệ kèm theo Biên bản kiểm tra hồ sơ thí sinh dự sát hạch lái xe theo mẫu quy định tại Mẫu số 03 và Mẫu số 04 Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định tổ chức kỳ sát hạch; thành lập Tổ sát hạch.</p> <p>2. Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE</p> <p>a) Kiểm tra hồ sơ và điều kiện người dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Thông tư này và người dự sát hạch phải có tên trong danh sách học viên (báo cáo 1),</p> <p>b) Xác minh giấy phép lái xe đã cấp (đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe);</p> <p>c) Người được giao nhiệm vụ kiểm tra, duyệt hồ sơ thí sinh dự sát hạch lập biên bản kiểm tra hồ sơ theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>d) Căn cứ danh sách hồ sơ thí sinh dự sát hạch hợp lệ kèm theo Biên bản kiểm tra Hồ sơ thí sinh dự sát hạch lái xe theo quy định tại điểm c khoản này, Sở Giao thông vận tải duyệt và ra quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe;</p> |  |
|--|---|--|

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>lục 3a, Phụ lục 3b và Phụ lục 3c ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Tiếp nhận báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch lái xe kèm danh sách thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2) của cơ sở đào tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục 11a và Phụ lục 11b ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo 2 gửi bằng đường bưu chính và truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe về Sở Giao thông vận tải trước kỳ sát hạch 07 ngày làm việc</p> <p>c) Kiểm tra hồ sơ và điều kiện người dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng A3, A4, B1, B2, C, D, E và các hạng F theo quy định tại Điều 19 của Thông tư này và người dự sát hạch phải có tên trong danh sách học viên (báo cáo 1), danh sách thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2) và có bản xác minh giấy phép lái xe đã cấp (đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe);</p> <p>Người được giao nhiệm vụ kiểm tra, duyệt hồ sơ thí sinh dự sát hạch phối hợp với cơ sở đào tạo lập biên bản kiểm tra hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục 11c ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>d) Dự kiến kế hoạch sát hạch và thông báo cho cơ sở đào tạo và người dự sát hạch;</p> | <p>thành lập Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 06 và Mẫu số 07 Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này và danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng theo mẫu quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>đ) Đối với hồ sơ không hợp lệ Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo cho cá nhân.</p> <p>3. Đối với việc sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe do bị quá hạn, bị mất</p> <p>a) Rà soát, kiểm tra các điều kiện theo quy định tại Điều 42, lập danh sách thí sinh dự sát hạch lại theo mẫu quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này; căn cứ kết quả rà soát, kiểm tra điều kiện, Sở Giao thông vận tải ra quyết định tổ chức cùng với kỳ sát hạch lái xe quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; trường hợp chưa có kỳ sát hạch lái xe phù hợp, được thành lập Hội đồng, Tổ sát hạch lái xe theo quy định (thành phần Hội đồng sát hạch không có thành viên của cơ sở đào tạo);</p> <p>b) Đối với địa phương chưa có trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2: nếu chỉ có thí sinh sát hạch lại lý thuyết thì có thể tổ chức sát hạch tại địa phương theo bộ đề hoặc phần mềm sát hạch do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao; nếu sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành thì phải sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe của địa phương khác theo quy định.</p> |  |
|---|--|--|

đ) Căn cứ danh sách hồ sơ thí sinh dự sát hạch hợp lệ kèm theo Biên bản kiểm tra Hồ sơ thí sinh sự sát hạch lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 11c ban hành kèm theo Thông tư này, Sở Giao thông vận tải duyệt và ra quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe; thành lập Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch theo mẫu quy định tại Phụ lục 12a ban hành kèm theo Thông tư này và danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng theo mẫu quy định tại các Phụ lục 12b và Phụ lục 12c ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với việc sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe do bị quá hạn, bị mất

a) Rà soát, kiểm tra các điều kiện theo quy định tại Điều 36, lập danh sách thí sinh dự sát hạch lại theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này; căn cứ kết quả rà soát, kiểm tra điều kiện, Sở Giao thông vận tải ra quyết định tổ chức cùng với kỳ sát hạch lái xe quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; trường hợp chưa có kỳ sát hạch lái xe phù hợp, được thành lập Hội đồng, Tổ sát hạch lái xe theo quy định (thành phần Hội đồng sát hạch không có thành viên của cơ sở đào tạo);

b) Đối với địa phương chưa có trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2: nếu chỉ có thí sinh

|  |   |   |  |
|--|---|---|--|
|  | <p>sát hạch lại lý thuyết thì có thể tổ chức sát hạch tại địa phương theo bộ đề hoặc phần mềm sát hạch do Tổng cục Đường bộ Việt Nam chuyên giao; nếu sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành thì phải sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe của địa phương khác theo quy định.</p>   |   |  |
|  | <p><b>Điều 23. Hội đồng sát hạch</b></p> <p>1. Hội đồng sát hạch do Sở Giao thông vận tải thành lập</p> <p>a) Hội đồng làm việc phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, quyết định theo đa số; trường hợp các thành viên trong hội đồng có ý kiến ngang nhau thì thực hiện theo kết luận của Chủ tịch hội đồng;</p> <p>b) Hội đồng sát hạch tự giải thể khi kết thúc kỳ sát hạch.</p> <p>2. Thành phần của Hội đồng sát hạch</p> <p>a) Chủ tịch hội đồng là công chức thuộc Sở Giao thông vận tải, có giấy phép lái xe ô tô;</p> <p>b) Các ủy viên gồm: Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe, Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe, Tổ trưởng Tổ sát hạch và Ủy viên thư ký. Ủy viên thư ký là người của Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải. Trường hợp Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe là Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe thì</p> | <p><b>Điều 27. Hội đồng sát hạch</b></p> <p>1. Hội đồng sát hạch do Sở Giao thông vận tải thành lập.</p> <p>a) Hội đồng làm việc phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, quyết định theo đa số; trường hợp các thành viên trong hội đồng có ý kiến ngang nhau thì thực hiện theo kết luận của Chủ tịch hội đồng;</p> <p>b) Hội đồng sát hạch tự giải thể khi kết thúc kỳ sát hạch.</p> <p>2. Thành phần của Hội đồng sát hạch</p> <p>a) Chủ tịch hội đồng là công chức, sát hạch viên thuộc Sở Giao thông vận tải có giấy phép lái xe ô tô;</p> <p>b) Các ủy viên gồm: Lãnh đạo trung tâm sát hạch lái xe, lãnh đạo cơ sở đào tạo lái xe, Tổ trưởng Tổ sát hạch và Ủy viên thư ký. Ủy viên thư ký là người của Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải. Trường hợp lãnh đạo trung tâm sát hạch lái xe đồng thời là lãnh đạo cơ sở đào tạo lái xe thì phải cử thêm một lãnh đạo tham gia ủy viên hội đồng sát hạch.</p> <p>3. Nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch</p> |  |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>phải uỷ quyền cho một cấp phó tham gia uỷ viên hội đồng sát hạch</p> <p>3. Nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch</p> <p>a) Chỉ đạo kiểm tra và yêu cầu hoàn thiện các điều kiện tổ chức kỳ sát hạch;</p> <p>b) Phân công và sắp xếp kế hoạch thực hiện kỳ sát hạch;</p> <p>c) Phổ biến, hướng dẫn các quy định, nội quy sát hạch, thông báo mức phí, lệ phí sát hạch, cấp giấy phép lái xe và các quy định cần thiết cho các sát hạch viên và người dự sát hạch;</p> <p>d) Tổ chức kỳ sát hạch theo quy định;</p> <p>đ) Lập biên bản xử lý các vi phạm quy định sát hạch theo quyền hạn được giao và báo cáo cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>e) Yêu cầu cơ sở đào tạo và người dự sát hạch bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra tai nạn (do lỗi của thí sinh dự sát hạch gây ra) trong quá trình sát hạch lái xe trong hình;</p> <p>g) Tổng hợp kết quả kỳ sát hạch và ký xác nhận biên bản;</p> <p>h) Gửi, lưu trữ các văn bản, tài liệu của kỳ sát hạch tại cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch lái xe và Cơ quan quản lý sát hạch.</p> <p>i) Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên hội đồng sát hạch theo quy định tại Phụ lục 39 ban hành kèm theo Thông tư này.</p> | <p>a) Chỉ đạo kiểm tra và yêu cầu hoàn thiện các điều kiện tổ chức kỳ sát hạch;</p> <p>b) Phân công và sắp xếp kế hoạch thực hiện kỳ sát hạch;</p> <p>c) Phổ biến, hướng dẫn các quy định, nội quy sát hạch, thông báo mức phí, lệ phí sát hạch, cấp giấy phép lái xe và các quy định cần thiết cho các sát hạch viên và người dự sát hạch;</p> <p>d) Tổ chức kỳ sát hạch theo quy định;</p> <p>đ) Lập biên bản xử lý các vi phạm quy định sát hạch theo quyền hạn được giao và báo cáo cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>e) Yêu cầu cơ sở đào tạo và người dự sát hạch bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra tai nạn (do lỗi của thí sinh dự sát hạch gây ra) trong quá trình sát hạch lái xe trong hình;</p> <p>g) Tổng hợp kết quả kỳ sát hạch và ký xác nhận biên bản;</p> <p>h) Gửi, lưu trữ các văn bản, tài liệu của kỳ sát hạch tại cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch lái xe và Cơ quan quản lý sát hạch.</p> <p>i) Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên hội đồng sát hạch theo quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư này.</p> |  |
|---|--|--|

|  |   |   |  |
|--|---|---|--|
|  |   |   |  |
|  | <p><b>Điều 24. Tổ sát hạch</b></p> <p>1. Tổ sát hạch do Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải thành lập.</p> <p>a) Tổ sát hạch chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng sát hạch. Tổ sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2 chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Cơ quan quản lý sát hạch;</p> <p>b) Tổ sát hạch tự giải thể khi kết thúc kỳ sát hạch.</p> <p>2. Tổ sát hạch gồm Tổ trưởng và các sát hạch viên</p> <p>a) Tổ trưởng là sát hạch viên và là người của Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam; khi thực hiện nhiệm vụ tại kỳ sát hạch lái xe ô tô phải có thể sát hạch viên lái xe ô tô;</p> <p>b) Sát hạch viên là người của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải (trừ thanh tra viên, công chức thanh tra) và giáo viên của cơ sở đào tạo lái xe. Giáo viên của cơ sở đào tạo lái xe phải có thâm niên giảng dạy và đóng bảo hiểm xã hội liên tục tối thiểu 03 năm, không được sát hạch đối với học viên do cơ sở trực tiếp đào tạo.</p> <p>3. Tiêu chuẩn của sát hạch viên</p> | <p><b>Điều 28. Tổ sát hạch</b></p> <p>1. Tổ sát hạch do Giám đốc Sở Giao thông vận tải thành lập.</p> <p>a) Tổ sát hạch chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng sát hạch. Tổ sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A1, A chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Cơ quan quản lý sát hạch;</p> <p>b) Tổ sát hạch tự giải thể khi kết thúc kỳ sát hạch.</p> <p>2. Tổ sát hạch gồm Tổ trưởng và các sát hạch viên</p> <p>a) Tổ trưởng là sát hạch viên và là người của Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải; khi thực hiện nhiệm vụ tại kỳ sát hạch lái xe ô tô phải có thể sát hạch viên lái xe ô tô;</p> <p>3. Nhiệm vụ của Tổ sát hạch</p> <p>a) Kiểm tra xe sát hạch, thiết bị chấm điểm, sân sát hạch, phương án bảo đảm an toàn trong quá trình sát hạch;</p> <p>b) Yêu cầu thí sinh chấp hành nội quy sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết, phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông và sân sát hạch;</p> <p>c) Lập biên bản, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc báo cáo Hội đồng sát hạch;</p> <p>d) Sát hạch, tổng hợp kết quả, đánh giá kỳ sát hạch để báo cáo Hội đồng sát hạch hoặc Cơ quan quản lý sát hạch (đối với sát hạch cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A);</p> |  |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>a) Có tư cách đạo đức tốt, không trong thời gian bị xử lý kỷ luật;</p> <p>b) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên. Đối với sát hạch viên đã có thẻ trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nếu chưa đáp ứng được tiêu chuẩn này, sau 03 năm phải hoàn thiện để đáp ứng;</p> <p>c) Có giấy phép lái xe tương ứng với hạng xe sát hạch ít nhất 03 năm;</p> <p>d) Được tập huấn về nghiệp vụ sát hạch và được Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp thẻ sát hạch viên.</p> <p>4. Thẻ sát hạch viên có thời hạn 03 năm, theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>5. Nhiệm vụ của Tổ sát hạch</p> <p>a) Kiểm tra phương tiện, trang thiết bị chấm điểm, sân sát hạch, phương án bảo đảm an toàn trong quá trình sát hạch;</p> <p>b) Yêu cầu thí sinh chấp hành nội quy sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch và khu vực sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông;</p> <p>c) Lập biên bản, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc báo cáo Hội đồng sát hạch;</p> | <p>đ) Sát hạch viên chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả sát hạch. Tổ trưởng Tổ sát hạch chịu trách nhiệm về kết quả chung của kỳ sát hạch.</p> <p>Điều 29. Sát hạch viên</p> <p>1. Tiêu chuẩn của sát hạch viên</p> <p>a) Có tư cách đạo đức tốt, không trong thời gian bị xử lý kỷ luật;</p> <p>b) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên;</p> <p>c) Có giấy phép lái xe tương ứng với hạng xe sát hạch ít nhất 03 năm;</p> <p>d) Sát hạch viên là người của Sở Giao thông vận tải (trừ thanh tra viên, công chức thanh tra) và giáo viên của cơ sở đào tạo lái xe. Giáo viên của cơ sở đào tạo lái xe phải có thâm niên giảng dạy và đóng bảo hiểm xã hội liên tục tối thiểu 03 năm, không được sát hạch đối với học viên do cơ sở trực tiếp đào tạo;</p> <p>đ) Được tập huấn về nghiệp vụ sát hạch và được Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam cấp thẻ sát hạch viên theo mẫu quy định tại Phụ lục XXX ban hành kèm theo Thông tư này, thẻ sát hạch viên có thời hạn 03 năm.</p> <p>2. Trang phục của sát hạch viên</p> <p>a) Khi thi hành nhiệm vụ, sát hạch viên phải mặc trang phục theo quy định tại Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư này và đeo thẻ sát hạch viên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này'</p> <p>b) Trang phục</p> |  |
|---|--|--|

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>d) Sát hạch, tổng hợp kết quả, đánh giá kỳ sát hạch để báo cáo Hội đồng sát hạch hoặc Cơ quan quản lý sát hạch (đối với sát hạch cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2);</p> <p>đ) Sát hạch viên chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả sát hạch. Tổ trưởng Tổ sát hạch chịu trách nhiệm về kết quả chung của kỳ sát hạch.</p> <p>6. Trang phục của sát hạch viên</p> <p>a) Khi thi hành nhiệm vụ, sát hạch viên phải mặc trang phục theo quy định tại Phụ lục 25 ban hành kèm theo Thông tư này và đeo thẻ sát hạch viên theo quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>b) Trang phục</p> <p>Trang phục của sát hạch viên lái xe cơ giới đường bộ bao gồm: Áo, quần, váy nữ, cà vạt (cravat), thắt lưng, giày da, bít tất và băng đô (đối với Tổ trưởng sát hạch).</p> <p>a) Tiêu chuẩn và niên hạn cấp phát: Có băng</p> <p>b) Quản lý và sử dụng trang phục</p> <p>c) Sát hạch viên được cấp trang phục để sử dụng khi thi hành công vụ tại các kỳ sát hạch và có trách nhiệm giữ gìn bảo quản trang phục theo quy định; kinh phí mua sắm trang phục theo quy định của pháp luật.</p> | <p>Trang phục của sát hạch viên lái xe cơ giới đường bộ bao gồm: Áo, quần, váy nữ, cà vạt (cravat), thắt lưng, giày da, bít tất và băng đô (đối với Tổ trưởng sát hạch);</p> <p>c) Tiêu chuẩn và niên hạn cấp phát</p> <p>d) Quản lý và sử dụng trang phục</p> <p>Sát hạch viên được cấp trang phục để sử dụng khi thi hành công vụ tại các kỳ sát hạch và có trách nhiệm giữ gìn bảo quản trang phục theo quy định; kinh phí mua sắm trang phục theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Quản lý và sử dụng sát hạch viên</p> <p>Việc quản lý và sử dụng sát hạch viên thực hiện theo quy định tại Phụ lục XXXII.</p> |  |
|---|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>Điều 25. Trình tự tổ chức sát hạch</p> <p>1. Hợp Hội đồng sát hạch và khai mạc kỳ sát hạch</p> <p>a) Trước khi tổ chức sát hạch, Chủ tịch Hội đồng sát hạch tổ chức họp Hội đồng, Tổ sát hạch, Tổ giám sát (nếu có), phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong kỳ sát hạch;</p> <p>b) Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch, phổ biến các nội dung có liên quan của kỳ sát hạch cho người dự sát hạch.</p> <p>2. Sát hạch theo nội dung, quy trình sát hạch.</p> <p>3. Kết thúc kỳ sát hạch</p> <p>a) Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A3, A4, B1, B2, C, D, E và F: Chủ tịch Hội đồng sát hạch tổ chức họp Hội đồng, Tổ sát hạch, Tổ giám sát (nếu có), Tổ trưởng Tổ sát hạch báo cáo kết quả sát hạch và thống nhất ký biên bản tổng hợp kết quả sát hạch. Chủ tịch Hội đồng sát hạch ký tên và đóng dấu vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của người dự sát hạch trúng tuyển theo mẫu quy định tại Phụ lục 15a ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô các hạng A1, A2: Tổ trưởng Tổ sát hạch tổ chức</p> | <p>Điều 32. Trình tự tổ chức sát hạch</p> <p>1. Hợp Hội đồng sát hạch và khai mạc kỳ sát hạch</p> <p>a) Trước khi tổ chức sát hạch, Chủ tịch Hội đồng sát hạch tổ chức họp Hội đồng, Tổ sát hạch, Tổ giám sát (nếu có), phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong kỳ sát hạch;</p> <p>b) Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch, phổ biến các nội dung có liên quan của kỳ sát hạch cho người dự sát hạch.</p> <p>2. Sát hạch theo nội dung, quy trình sát hạch.</p> <p>3. Kết thúc kỳ sát hạch</p> <p>a) Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE: Chủ tịch Hội đồng sát hạch tổ chức họp Hội đồng, Tổ sát hạch, Tổ giám sát (nếu có), Tổ trưởng Tổ sát hạch báo cáo kết quả sát hạch và thống nhất ký biên bản tổng hợp kết quả sát hạch. Chủ tịch Hội đồng sát hạch ký tên và đóng dấu vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của người dự sát hạch trúng tuyển theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô các hạng A1, A: Tổ trưởng Tổ sát hạch tổ chức họp các thành viên của Tổ sát hạch, Giám đốc cơ sở đào tạo lái xe, Tổ giám sát (nếu có) thông qua kết quả sát hạch và thống nhất ký biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch. Trưởng Cơ quan quản lý sát hạch ký tên và đóng dấu xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của người dự sát hạch trúng tuyển</p> | <p>Sửa đổi quy định về hạng giấy phép lái xe đảm bảo tính thống nhất với quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều 60 Luật TT.ATGTĐB</p> |
|--|--|--|

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>hợp các thành viên của Tổ sát hạch, Giám đốc cơ sở đào tạo lái xe, Tổ giám sát (nếu có) thông qua kết quả sát hạch và thống nhất ký biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch. Trưởng Cơ quan quản lý sát hạch ký tên và đóng dấu xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của người dự sát hạch trúng tuyển theo mẫu quy định tại Phụ lục 15b ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe là hồ sơ gốc, giao cho người trúng tuyển kỳ sát hạch tự bảo quản.</p> | <p>theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe là hồ sơ gốc, giao cho người trúng tuyển kỳ sát hạch tự bảo quản.</p>   |  |
| <p><b>Điều 26. Giám sát kỳ sát hạch</b></p> <p>1. Căn cứ tình hình thực tế, Sở Giao thông vận tải tổ chức giám sát đột xuất kỳ sát hạch.</p> <p>2. Cán bộ giám sát kỳ sát hạch là công chức thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải. Số lượng người giám sát đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô là 02 người, sát hạch lái xe ô tô là 03 người, trong đó cử một thanh tra viên làm Tổ trưởng.</p> <p>3. Khi làm nhiệm vụ giám sát các kỳ sát hạch, người giám sát phải mặc trang phục theo quy định.</p>                | <p><b>Điều 33. Giám sát kỳ sát hạch</b></p> <p>1. Căn cứ tình hình thực tế Sở Giao thông vận tải tổ chức giám sát đột xuất kỳ sát hạch.</p> <p>2. Cán bộ giám sát kỳ sát hạch là công chức thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải. Số lượng người giám sát đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô là 02 người, sát hạch lái xe ô tô là 03 người, trong đó cử một thanh tra viên làm Tổ trưởng.</p> <p>3. Khi làm nhiệm vụ giám sát các kỳ sát hạch, người giám sát phải mặc trang phục theo quy định.</p> <p>4. Nhiệm vụ của Tổ giám sát khi sát hạch lái xe tại các trung tâm sát hạch có lắp thiết bị chấm điểm tự động</p> <p>a) Giám sát việc thực hiện đúng nội dung, quy trình sát hạch của Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch; bảo đảm tính</p> |  |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>4. Nhiệm vụ của Tổ giám sát khi sát hạch lái xe tại các trung tâm sát hạch có lắp thiết bị chấm điểm tự động</p> <p>a) Giám sát việc thực hiện đúng nội dung, quy trình sát hạch của Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch; bảo đảm tính công khai, khách quan, minh bạch trong quá trình sát hạch;</p> <p>b) Giám sát việc kiểm tra nhận dạng người dự sát hạch trước khi vào phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành lái xe trong hình, trên đường; người không có nhiệm vụ không được vào phòng sát hạch lý thuyết;</p> <p>c) Giám sát việc thực hiện đúng đoạn đường cho phép tổ chức sát hạch lái xe trên đường; theo dõi, thu nhận các thông tin liên quan đến kỳ sát hạch;</p> <p>d) Cán bộ giám sát làm việc độc lập, không vào phòng sát hạch lý thuyết, không lên xe sát hạch, không làm thay nhiệm vụ của sát hạch viên.</p> <p>5. Nhiệm vụ của Tổ giám sát khi sát hạch lái xe tại các trung tâm sát hạch chưa lắp thiết bị chấm điểm tự động</p> <p>Ngoài nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, d khoản 4 Điều này phải giám sát việc chuẩn bị bộ đề sát hạch lý thuyết đúng quy định, không bị đánh dấu.</p> | <p>công khai, khách quan, minh bạch trong quá trình sát hạch;</p> <p>b) Giám sát việc kiểm tra nhận dạng người dự sát hạch trước khi vào phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành lái xe trong hình, trên đường; người không có nhiệm vụ không được vào phòng sát hạch lý thuyết;</p> <p>c) Giám sát việc tổ chức sát hạch thực hành lái xe trên đường tại đúng đoạn đường sát hạch do Sở Giao thông vận tải công bố; theo dõi, thu nhận các thông tin liên quan đến kỳ sát hạch;</p> <p>d) Cán bộ giám sát làm việc độc lập, không vào phòng sát hạch lý thuyết, không lên xe sát hạch, không làm thay nhiệm vụ của sát hạch viên.</p> <p>5. Nhiệm vụ của Tổ giám sát khi sát hạch lái xe tại các trung tâm sát hạch chưa lắp thiết bị chấm điểm tự động</p> <p>Ngoài nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, d khoản 4 Điều này phải giám sát việc chuẩn bị bộ đề sát hạch lý thuyết đúng quy định, không bị đánh dấu.</p> <p>6. Quyền hạn của Tổ giám sát</p> <p>a) Khi phát hiện sai phạm phải lập biên bản, đề nghị Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch xử lý kịp thời, đúng quy định;</p> <p>b) Báo cáo Giám đốc Sở Giao thông vận tải để xem xét, xử lý.</p> <p>7. Kết thúc kỳ sát hạch, Tổ trưởng Tổ giám sát báo cáo bằng văn bản kết quả giám sát với Giám đốc Sở Giao thông vận tải.</p> |  |
|--|---|--|

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>6. Quyền hạn của Tổ giám sát</p> <p>a) Khi phát hiện sai phạm phải lập biên bản, đề nghị Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch xử lý kịp thời, đúng quy định;</p> <p>b) Báo cáo Giám đốc Sở Giao thông vận tải để xem xét, xử lý.</p> <p>7. Kết thúc kỳ sát hạch, Tổ trưởng Tổ giám sát báo cáo bằng văn bản kết quả giám sát với Giám đốc Sở Giao thông vận tải.</p>  |  |  |
|  | <p>Điều 27. Công nhận kết quả sát hạch</p> <p>1. Xét công nhận kết quả sát hạch đối với người dự sát hạch lái xe hạng A1, A2, A3 và A4:</p> <p>a) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết và thực hành lái xe trong hình thì được công nhận trúng tuyển;</p> <p>b) Thí sinh không được công nhận trúng tuyển được đăng ký sát hạch lại kể từ kỳ sát hạch tiếp theo, với cùng một cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe;</p> <p>c) Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được dự nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình;</p> <p>d) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết nhưng không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì được bảo lưu kết quả sát hạch lý thuyết trong thời gian 01</p> | <p>Điều 34. Công nhận kết quả sát hạch</p> <p>1. Xét công nhận kết quả sát hạch đối với người dự sát hạch lái xe hạng A1, A và B1:</p> <p>a) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết và thực hành lái xe trong hình thì được công nhận trúng tuyển;</p> <p>b) Thí sinh không được công nhận trúng tuyển được đăng ký sát hạch lại kể từ kỳ sát hạch tiếp theo, với cùng một cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe;</p> <p>c) Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được dự nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình;</p> <p>d) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết nhưng không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì được bảo lưu kết quả sát hạch lý thuyết trong thời gian 01 năm kể từ ngày đạt kết quả sát hạch; nếu có nhu cầu dự sát hạch phải có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng sát hạch hoặc Tổ sát hạch kỳ trước và</p> | <p>Sửa đổi quy định về hạng giấy phép lái xe đảm bảo tính thống nhất với quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều 60 Luật TT.ATGTĐB</p> |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>năm kể từ ngày đạt kết quả sát hạch; nếu muốn dự sát hạch phải đáp ứng điều kiện về độ tuổi, giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng theo quy định và phải có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng sát hạch hoặc Tổ sát hạch kỳ trước.</p> <p>đ) Thí sinh mang điện thoại hoặc thiết bị truyền tin trong phòng sát hạch lý thuyết hoặc có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ bị đình chỉ làm bài, hủy bỏ kết quả sát hạch.</p> <p>2. Xét công nhận kết quả sát hạch đối với người dự sát hạch lái xe hạng B1 số tự động, hạng B1, B2, C, D, E và các hạng F:</p> <p>a) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết, sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, thực hành lái xe trong hình và trên đường thì được công nhận trúng tuyển;</p> <p>b) Thí sinh không được công nhận trúng tuyển được đăng ký sát hạch lại kể từ kỳ sát hạch tiếp theo, với cùng một cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe;</p> <p>c) Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được sát hạch nội dung sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông; không đạt nội dung sát</p> | <p>giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng theo quy định;</p> <p>đ) Thí sinh mang điện thoại hoặc thiết bị truyền tin trong phòng sát hạch lý thuyết hoặc có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ bị đình chỉ làm bài, hủy bỏ kết quả sát hạch.</p> <p>2. Xét công nhận kết quả sát hạch đối với người dự sát hạch lái xe hạng B số tự động, hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE:</p> <p>a) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết, sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, sát hạch thực hành lái xe trong hình và sát hạch trên đường thì được công nhận trúng tuyển;</p> <p>b) Thí sinh không được công nhận trúng tuyển được đăng ký sát hạch lại kể từ kỳ sát hạch tiếp theo, với cùng một cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe;</p> <p>c) Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được sát hạch nội dung sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông; không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì không được thực hiện nội dung sát hạch thực hành lái xe trên đường;</p> <p>d) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết, mô phỏng các tình huống giao thông, thực hành lái xe trong hình được bảo lưu kết quả nội dung sát hạch đạt trong thời gian 01 năm, kể từ ngày có nội dung sát hạch đạt tại kỳ sát hạch gần nhất; nếu muốn dự sát hạch phải đáp ứng điều kiện về</p> |  |
|---|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông thì không được sát hạch thực hành lái xe trong hình; không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì không được sát hạch nội dung sát hạch lái xe trên đường;</p> <p>d) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết, phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, thực hành lái xe trong hình được bảo lưu kết quả nội dung sát hạch đạt trong thời gian 01 năm, kể từ ngày có nội dung sát hạch đạt tại kỳ sát hạch gần nhất; nếu muốn dự sát hạch phải đáp ứng điều kiện về độ tuổi, giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng theo quy định và phải có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng sát hạch hoặc Tổ sát hạch kỳ trước.</p> <p>đ) Thí sinh mang điện thoại hoặc thiết bị truyền tin trong phòng sát hạch lý thuyết, trên xe sát hạch hoặc có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ bị đình chỉ làm bài, hủy bỏ kết quả sát hạch.</p> <p>3. Trên cơ sở rà soát, tổng hợp kết quả của Cơ quan quản lý sát hạch, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch kèm theo danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe theo</p> | <p>độ tuổi, giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng theo quy định và phải có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng sát hạch hoặc Tổ sát hạch kỳ trước;</p> <p>đ) Thí sinh mang điện thoại hoặc thiết bị truyền tin trong phòng sát hạch lý thuyết, phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông, trên xe sát hạch hoặc có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ bị đình chỉ làm bài, hủy bỏ kết quả sát hạch.</p> <p>3. Sở Giao thông vận tải rà soát, tổng hợp kết quả, ra quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch kèm theo danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXV ban hành kèm theo Thông tư này.</p> |  |
|--|--|--|

|  |   |   |  |
|--|---|---|--|
|  | <p>mẫu quy định tại Phụ lục 16a và Phụ lục 16b ban hành kèm theo Thông tư này.</p>  |   |  |
|  | <p>Điều 28. Lưu trữ hồ sơ kết quả sát hạch</p> <p>1. Sau mỗi kỳ sát hạch, Cơ quan quản lý sát hạch chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Danh sách học viên (báo cáo 1);</li> <li>b) Danh sách thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2);</li> <li>c) Biên bản kiểm tra hồ sơ thí sinh;</li> <li>d) Quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe;</li> <li>đ) Biên bản phân công nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch lái xe;</li> <li>e) Biên bản phân công nhiệm vụ của Tổ sát hạch lái xe;</li> <li>g) Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch;</li> <li>h) Danh sách thí sinh đạt, vắng, trượt các nội dung sát hạch;</li> <li>i) Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch;</li> <li>k) Danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe;</li> <li>l) Các tài liệu khác có liên quan đến kỳ sát hạch.</li> </ul> | <p>Điều 30. Lưu trữ hồ sơ kết quả sát hạch</p> <p>1. Sau mỗi kỳ sát hạch, Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Danh sách học viên (báo cáo 1);</li> <li>b) Danh sách thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2);</li> <li>c) Biên bản kiểm tra hồ sơ thí sinh;</li> <li>d) Quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe;</li> <li>đ) Biên bản phân công nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch lái xe;</li> <li>e) Biên bản phân công nhiệm vụ của Tổ sát hạch lái xe;</li> <li>g) Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch;</li> <li>h) Danh sách thí sinh đạt, vắng, trượt các nội dung sát hạch;</li> <li>i) Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch;</li> <li>k) Danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe;</li> </ul> <p>1) Các tài liệu khác có liên quan đến kỳ sát hạch.</p> <p>2. Cơ sở đào tạo lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tài liệu tại các điểm a, b, c, d, g, h, i, k khoản 1 Điều này;</li> <li>b) Lưu trữ, bảo quản bài sát hạch lý thuyết, bài sát hạch lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông,</li> </ul> |  |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>2. Cơ sở đào tạo lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch bao gồm:</p> <p>a) Tài liệu tại các điểm a, b, c, d, g, h, i, k khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Lưu trữ, bảo quản bài sát hạch lý thuyết, bài sát hạch lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của từng kỳ sát hạch có đầy đủ chữ ký của người dự sát hạch và sát hạch viên;</p> <p>c) Lưu trữ, bảo quản biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường của từng kỳ sát hạch, gồm: chữ ký của người dự sát hạch tại phiếu in kết quả trên ô tô sát hạch và biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường có chữ ký của sát hạch viên.</p> <p>d) Lưu trữ, bảo quản bản sao các tài liệu quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 9 của Thông tư này đối với người trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe.</p> <p>đ) Trường hợp cơ sở đào tạo lái xe có sân sát hạch ngoài việc lưu trữ các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này còn phải lưu trữ dữ liệu giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình; dữ liệu kết quả sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình</p> | <p>biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của từng kỳ sát hạch có đầy đủ chữ ký của người dự sát hạch và sát hạch viên;</p> <p>c) Lưu trữ, bảo quản biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường của từng kỳ sát hạch, gồm: chữ ký của người dự sát hạch tại phiếu kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường được in từ thiết bị chấm điểm tự động trên ô tô sát hạch thực hành lái xe trên đường và biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường có chữ ký của sát hạch viên;</p> <p>d) Lưu trữ, bảo quản bản sao các tài liệu quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 11 của Thông tư này đối với người trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe;</p> <p>đ) Trường hợp cơ sở đào tạo lái xe có sân tập lái dùng để thực hiện sát hạch lái xe mô tô phải lưu trữ dữ liệu giám sát sát hạch; dữ liệu kết quả sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình.</p> <p>3. Trung tâm sát hạch lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch bao gồm:</p> <p>a) Các tài liệu quy định tại các điểm d, g và h khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Dữ liệu giám sát sát hạch; dữ liệu kết quả sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình, phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông và sát hạch trên đường;</p> <p>c) Danh sách, kết quả sát hạch lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông.</p> |  |
|---|---|--|

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>3. Trung tâm sát hạch lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch bao gồm:</p> <p>a) Các tài liệu quy định tại các điểm d, g và h khoản 1 Điều này;</p> <p>b) <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>c) <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>d) <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>đ) Dữ liệu giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình; dữ liệu kết quả sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình, phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông và sát hạch trên đường.</p> <p>e) Danh sách, kết quả sát hạch lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông.</p> <p>4. Người dự sát hạch tự bảo quản hồ sơ lái xe.</p> <p>5. Thời gian lưu trữ hồ sơ</p> <p>a) Không thời hạn đối với các tài liệu quy định tại điểm i và điểm k khoản 1 Điều này;</p> <p>b) 05 năm đối với các tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 1 Điều này;</p> <p>c) <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>d) 02 năm đối với các tài liệu quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này, bài thi tốt nghiệp cuối khóa và các tài liệu còn lại;</p> | <p>4. Người dự sát hạch tự bảo quản Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch.</p> <p>5. Thời gian lưu trữ hồ sơ</p> <p>a) Không thời hạn đối với các tài liệu quy định tại điểm i và điểm k khoản 1 Điều này;</p> <p>b) 05 năm đối với các tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 1 Điều này;</p> <p>c) 02 năm đối với các tài liệu quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.</p> <p>6. Hồ sơ kết quả sát hạch hết giá trị sử dụng được tiêu hủy theo quy định của pháp luật về lưu trữ.</p> |  |
|--|---|--|

|  |   |   |  |
|--|---|---|--|
|  | <p>d) 02 năm đối với các tài liệu quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.</p>   |   |  |
|  | <p>Điều 29. Cơ quan quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe</p> <p>1. Cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý về sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước</p> <p>2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng được giao nhiệm vụ quản lý về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe là tổ chức tham mưu giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe (gọi là cơ quan quản lý sát hạch).</p> |   |  |
|  | <p>Điều 30. Cục Đường bộ Việt Nam</p> <p>1. (được bãi bỏ)</p> <p>2. Ban hành Bộ câu hỏi và phần mềm dùng cho sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước; xây dựng hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý nghiệp vụ và các ấn chỉ chuyên ngành phục vụ quản lý công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe.</p>   | <p>Điều 23. Cục Đường bộ Việt Nam</p> <p>1. Ban hành Bộ câu hỏi và phần mềm dùng cho sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước.</p> <p>2. Kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ các trung tâm sát hạch lái xe, bảo đảm độ chính xác của các thiết bị chấm điểm tự động theo quy định, trường hợp cần thiết có thể tạm dừng để khắc phục; kiểm tra các kỳ sát hạch tại trung tâm sát hạch, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý các vi phạm theo quy định hiện hành.</p> |  |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>3. Kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ các trung tâm sát hạch lái xe, bảo đảm độ chính xác của các thiết bị chấm điểm tự động theo quy định, trường hợp cần thiết có thể tạm dừng để khắc phục; kiểm tra các kỳ sát hạch tại trung tâm sát hạch, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý các vi phạm theo quy định hiện hành.</p> <p>4. Xây dựng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông thực tế cho các trung tâm sát hạch cài đặt trên máy tính để phục vụ công tác sát hạch lái xe; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe; thiết lập hệ thống mạng thông tin kết nối cơ quan quản lý sát hạch thuộc Cục Đường bộ Việt Nam với các trung tâm sát hạch, cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải và các cơ sở đào tạo lái xe; duy trì hệ thống thông tin tiếp nhận, lưu trữ dữ liệu từ hệ thống camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, các bài sát hạch lái xe trong hình của các trung tâm sát hạch để các cơ quan có thẩm quyền phục vụ công tác quản lý, kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định.</p> <p>5. Chỉ đạo tổ chức thực hiện đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước:</p> | <p>3. Xây dựng phần mềm sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông để phục vụ công tác sát hạch lái xe.</p> <p>4. Chỉ đạo tổ chức thực hiện sát hạch lái xe trong phạm vi cả nước:</p> <p>a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về xây dựng trung tâm sát hạch lái xe;</p> <p>b) Chỉ đạo về nghiệp vụ, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát hoạt động, kiểm chuẩn phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất của các trung tâm sát hạch lái xe theo quy định;</p> <p>c) Hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ đối với Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải;</p> <p>d) Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, chỉ đạo, tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên cho đội ngũ sát hạch viên trong cả nước và lưu trữ hồ sơ sát hạch viên theo quy định;</p> <p>5. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sát hạch lái xe do Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam giao.</p> <p>Điều 37. Cục Đường bộ Việt Nam</p> <p>1. Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ để các Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp giấy phép lái xe và triển khai dịch vụ công đổi giấy phép lái xe trên cổng dịch vụ công quốc gia trong phạm vi cả nước.</p> <p>2. Hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ đối với Cơ quan cấp, đổi giấy phép lái xe thuộc Sở Giao thông vận tải;</p> |  |
|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về xây dựng trung tâm sát hạch lái xe;</p> <p>b) Triển khai và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ để các Sở Giao thông vận tải thực hiện dịch vụ công về đổi giấy phép lái xe;</p> <p>c) Chỉ đạo về nghiệp vụ, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát hoạt động, kiểm chuẩn phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất của các trung tâm sát hạch lái xe theo quy định;</p> <p>d) Hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ đối với Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải;</p> <p>đ) Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, chỉ đạo, tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên cho đội ngũ sát hạch viên trong cả nước và lưu trữ hồ sơ sát hạch viên theo quy định;</p> <p>e) Tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe đối với học viên học tại các cơ sở đào tạo lái xe được Bộ Giao thông vận tải giao.</p> <p>6. <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>7. Cập nhật các vi phạm của người lái xe vào Hệ thống thông tin giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cung cấp.</p> <p>8. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sát hạch, cấp giấy phép lái xe do</p> | <p>3. Cập nhật các vi phạm của người lái xe vào Hệ thống thông tin giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cung cấp.</p> <p>4. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sát hạch, cấp giấy phép lái xe do Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam giao.</p> |  |
|--|--|--|

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  | <p>Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam giao.</p> <p>9. Công khai lịch, địa điểm tổ chức các kỳ sát hạch lái xe của tháng sau trước ngày 25 của tháng trước trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.</p>  |  |  |
|  | <p>Điều 31. Sở Giao thông vận tải</p> <p>1. <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>2. Tổ chức thực hiện các quy định của Bộ Giao thông vận tải và hướng dẫn của Cục Đường bộ Việt Nam về nghiệp vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe.</p> <p>3. Xây dựng kế hoạch về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và trực tiếp quản lý, lưu trữ hồ sơ của đội ngũ sát hạch viên.</p> <p>4. Chỉ đạo xây dựng, quản lý hoạt động của trung tâm sát hạch thuộc địa phương.</p> <p>5. Triển khai nối mạng với các trung tâm sát hạch, cơ sở đào tạo lái xe tại địa phương và Cục Đường bộ Việt Nam; sử dụng dữ liệu thu nhận từ hệ thống camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, các bài sát hạch lái xe trong hình tại các trung tâm sát hạch của Cục Đường bộ Việt Nam để quản lý, giám sát, xử lý vi phạm trong quá trình sát hạch; thực hiện kiểm tra, xác minh các trường hợp hỗ trợ thí</p> | <p>Điều 22. Sở Giao thông vận tải</p> <p>1. Tổ chức thực hiện các quy định của Bộ Giao thông vận tải và hướng dẫn của Cục Đường bộ Việt Nam về nghiệp vụ sát hạch lái xe.</p> <p>2. Xây dựng kế hoạch về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và trực tiếp quản lý, lưu trữ hồ sơ của đội ngũ sát hạch viên.</p> <p>3. Chỉ đạo xây dựng, quản lý hoạt động của trung tâm sát hạch thuộc địa phương.</p> <p>4. Triển khai nối mạng với các trung tâm sát hạch, cơ sở đào tạo lái xe tại địa phương và Cục Đường bộ Việt Nam;</p> <p>5. Cung cấp tài khoản hệ thống thông tin giám sát sát hạch để Cục Đường bộ Việt Nam, các Sở Giao thông vận tải (đưa học viên đến tổ chức sát hạch tại trung tâm sát hạch không thuộc quyền quản lý trực tiếp), các trung tâm sát hạch đăng nhập, truyền và khai thác dữ liệu; đảm bảo hệ thống thông tin giám sát của Sở Giao thông vận tải hoạt động liên tục, ổn định và lưu trữ dữ liệu kết quả sát hạch tối thiểu trong thời gian 02 năm; dữ liệu kết quả sát hạch khai thác trên phần mềm của hệ thống thông tin</p> |  |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>sinh trong quá trình sát hạch để xử lý theo quy định và báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam để theo dõi, tổng hợp. Trong trường hợp Cục Đường bộ Việt Nam có thông báo dừng hệ thống camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, các bài sát hạch lái xe trong hình để bảo trì hoặc bảo dưỡng hoặc xảy ra sự cố thì các Sở Giao thông vận tải sử dụng dữ liệu của trung tâm sát hạch lái xe.</p> <p>6. Triển khai thực hiện dịch vụ công về đổi giấy phép lái xe.</p> <p>7. Tổ chức các kỳ sát hạch đối với học viên học tại các cơ sở đào tạo lái xe do Sở Giao thông vận tải quản lý; trường hợp việc sát hạch được tổ chức tại trung tâm sát hạch không thuộc quyền quản lý trực tiếp thì lựa chọn để có kế hoạch tổ chức sát hạch phù hợp.</p> <p>8. Tiếp nhận, xử lý thông tin đổi giấy phép lái xe, cấp lại giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng do Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải khác chuyển đến; tổ chức cấp mới, cấp lại giấy phép lái xe bị mất và đổi giấy phép lái xe cho người lái xe có nhu cầu.</p> <p>9. <i>(được bãi bỏ)</i>.</p> <p>10. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sát hạch, cấp giấy phép lái xe do Giám đốc Sở Giao thông vận tải giao.</p> | <p>giám sát được tổng hợp theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVII Ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>6. Tổ chức các kỳ sát hạch đối với học viên học tại các cơ sở đào tạo lái xe do Sở Giao thông vận tải quản lý; trường hợp việc sát hạch được tổ chức tại trung tâm sát hạch không thuộc quyền quản lý trực tiếp thì lựa chọn để có kế hoạch tổ chức sát hạch phù hợp.</p> <p>7. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sát hạch, cấp giấy phép lái xe do Giám đốc Sở Giao thông vận tải giao.</p> <p>8. Công khai lịch, địa điểm tổ chức các kỳ sát hạch lái xe của tháng sau trước ngày 25 của tháng trước trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.</p> <p>9. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng được giao nhiệm vụ quản lý về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe là tổ chức tham mưu giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe (gọi là cơ quan quản lý sát hạch).</p> <p>10. Chỉ đạo cơ quan quản lý sát hạch xây dựng và ban hành nội quy sát hạch để áp dụng tại các kỳ sát hạch lái xe.</p> <p>11. Cấp phát trang phục cho sát hạch viên do Sở quản lý, sử dụng.</p> <p>Điều 36. Sở Giao thông vận tải</p> |  |
|--|---|--|

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>11. Công khai lịch, địa điểm tổ chức các kỳ sát hạch lái xe của tháng sau trước ngày 25 của tháng trước trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.</p> | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ chức thực hiện các quy định của Bộ Giao thông vận tải và hướng dẫn của Cục Đường bộ Việt Nam về nghiệp vụ cấp giấy phép lái xe.</li> <li>2. Triển khai thực hiện dịch vụ công về đổi giấy phép lái xe.</li> <li>3. Tiếp nhận, xử lý thông tin đổi giấy phép lái xe, cấp lại giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng do Sở Giao thông vận tải khác chuyển đến; tổ chức cấp mới, cấp lại giấy phép lái xe bị mất và đổi giấy phép lái xe cho người lái xe có nhu cầu.</li> <li>4. Cập nhật các vi phạm của người lái xe vào Hệ thống thông tin giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cung cấp.</li> <li>5. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến cấp giấy phép lái xe do Giám đốc Sở Giao thông vận tải giao.</li> </ol> |  |
|  |  | <p>Điều 21. Tiêu chuẩn sân tập lái dùng để sát hạch lái xe</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối với sân sử dụng máy tính để sát hạch lý thuyết và thiết bị chấm điểm tự động để sát hạch lái xe trong hình</li> </ol> <p>Sân để sát hạch lái xe mô tô phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành gồm: hình của các bài sát hạch, xe sát hạch, thiết bị sát hạch lý thuyết, thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình, phòng chờ sát hạch,</p>  | <p>Nội dung quy định theo thẩm quyền được giao tại khoản 7 Điều 61 Luật TTT,ATGTĐB</p> |

|  |  |  |   |
|--|--|--|---|
|  |  | <p>phòng sát hạch lý thuyết, phòng điều hành thiết bị chấm điểm thực hành lái xe trong hình.</p> <p>2. Đối với sân sử dụng phương pháp trắc nghiệm trên giấy để sát hạch lý thuyết và phương pháp chấm điểm trực tiếp để sát hạch lái xe trong hình</p> <p>Sân để sát hạch lái xe mô tô phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành gồm: hình của các bài sát hạch, xe sát hạch, phòng chờ sát hạch, phòng sát hạch lý thuyết.</p>   |   |
|  |  | <p>Điều 25. Điều kiện của người dự sát hạch lái xe</p> <p>1. Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khỏe, trình độ văn hóa theo quy định đối với người học để nâng hạng giấy phép lái xe theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 60 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <p>2. Học đủ nội dung, chương trình đào tạo theo quy định; được cơ đào tạo lái xe cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVIII đối với các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE.</p> <p>3. Người dự sát hạch phải có tên trong danh sách học viên của Báo cáo 1.</p> <p>4. Không xét thi nâng hạng đối với người lái xe vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 62 Luật Trật tự.</p> | <p>Sửa đổi quy định về điều kiện sát hạch đảm bảo tính thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật TT.ATGTĐB</p> |

|  |   |   |  |
|--|---|---|--|
|  | <p>Điều 32. Mẫu giấy phép lái xe</p> <p>1. Mẫu giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>2. Cục Đường bộ Việt Nam thiết kế tính bảo mật, in, thống nhất phát hành, hướng dẫn và quản lý việc sử dụng phôi giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước.</p>  | <p>Điều 38. Mẫu giấy phép lái xe</p> <p>1. Mẫu giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02 và mẫu số 03 Phụ lục XXXVI ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>2. Cục Đường bộ Việt Nam thiết kế tính bảo mật, in, thống nhất phát hành, hướng dẫn và quản lý việc sử dụng phôi giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước.</p>   | <p>Quy định về mẫu giấy phép lái xe (Phụ lục 6 Công ước về GTĐB năm 1968) theo thẩm quyền được giao tại khoản 9 Điều 57 Luật TT.ATGTĐB</p> |
|  | <p>Điều 33. Sử dụng và quản lý giấy phép lái xe</p> <p>1. Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. cấp cho mỗi người bảo đảm duy nhất có 01 số quản lý, dùng chung cho cả giấy phép lái xe không thời hạn và giấy phép lái xe có thời hạn.</p> <p>2. Cá nhân nếu có nhu cầu tích hợp giấy phép lái xe, thì đăng ký vào đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc làm thủ tục đổi giấy phép lái xe theo quy định tại Điều 38 của Thông tư này.</p> <p>3. Người đã có giấy phép lái xe tích hợp của giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn, nếu có nhu cầu tách giấy phép lái xe thì làm thủ tục tách giấy phép lái xe theo quy định tại Điều 38 của Thông tư này.</p> <p>4. Người có giấy phép lái xe chỉ được lái loại xe ghi trong giấy phép lái xe.</p> | <p>Điều 39. Sử dụng, quản lý giấy phép lái xe</p> <p>1. Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. cấp cho mỗi người bảo đảm duy nhất có 01 số quản lý, dùng chung cho cả giấy phép lái xe không thời hạn và giấy phép lái xe có thời hạn.</p> <p>2. Cá nhân nếu có nhu cầu tích hợp giấy phép lái xe, thì đăng ký vào đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này hoặc làm thủ tục đổi giấy phép lái xe theo quy định tại Điều 45 của Thông tư này.</p> <p>3. Người đã có giấy phép lái xe tích hợp của giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn, nếu có nhu cầu tách giấy phép lái xe thì làm thủ tục tách giấy phép lái xe theo quy định tại Điều 45 của Thông tư này.</p> <p>4. Người có giấy phép lái xe chỉ được lái loại xe ghi trong giấy phép lái xe.</p> <p>5. Khi đổi, cấp lại, cấp giấy phép lái xe nâng hạng, cơ quan cấp giấy phép lái xe thu hồi giấy phép lái xe cũ và tiêu huỷ theo quy định.</p> |  |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>5. Khi đổi, cấp lại, cấp giấy phép lái xe nâng hạng, cơ quan cấp giấy phép lái xe cắt góc giấy phép lái xe cũ và giao cho người lái xe bảo quản.</p> <p>6. Giấy phép lái xe phải được mang theo người khi lái xe.</p> <p>7. Giấy phép lái xe bị tước quyền sử dụng hoặc thu hồi theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Người có giấy phép lái xe hạng B1 muốn hành nghề lái xe và người có nhu cầu nâng hạng giấy phép lái xe phải dự khoá đào tạo và sát hạch để được cấp giấy phép lái xe mới.</p> <p>9. Người có giấy phép lái xe hạng B1 số tự động không được lái loại xe ô tô số cơ khí (số sàn); nếu có nhu cầu lái xe ô tô số cơ khí, phải học bổ sung và sát hạch nội dung thực hành lái xe để được cấp giấy phép lái xe hạng B1.</p> <p>10. Người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có nhu cầu lái xe ở Việt Nam thực hiện như sau:</p> <p>a) Nếu có giấy phép lái xe quốc gia phải làm thủ tục đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;</p> <p>b) Trường hợp điều ước quốc tế về giấy phép lái xe mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.</p> | <p>6. Người có giấy phép lái xe hạng B số tự động không được lái loại xe ô tô số cơ khí (số sàn).</p> <p>7. Người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có nhu cầu lái xe ở Việt Nam thực hiện như sau:</p> <p>a) Nếu có giấy phép lái xe quốc gia phải làm thủ tục đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;</p> <p>b) Trường hợp điều ước quốc tế về giấy phép lái xe mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.</p> <p>8. Người có giấy phép lái xe hạng FD, FE do ngành Giao thông vận tải cấp lần đầu trước ngày 01 tháng 7 năm 2009, nếu có nhu cầu điều khiển xe ô tô tải kéo rơ moóc hoặc xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc được đổi bổ sung hạng CE.</p> <p>9. Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. hợp lệ là giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền cấp có hiệu lực, có số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn in trên giấy phép lái xe trùng với số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn trong hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe hoặc có thông tin giấy phép lái xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.</p> <p>10. Người lái xe có các hành vi sử dụng giấy phép lái xe giả, sử dụng giấy phép lái xe đã khai báo mất để điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ, Cơ quan quản lý giấy phép lái xe cập nhật dữ liệu về hành vi vi phạm trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; ngoài ra, người có hành vi vi phạm</p> |  |
|--|---|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.</p> <p>11. Người có giấy phép lái xe hạng FD, FE do ngành Giao thông vận tải cấp lần đầu trước ngày 01 tháng 7 năm 2009, nếu có nhu cầu điều khiển xe ô tô tải kéo rơ moóc hoặc xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc được đổi bổ sung hạng FC.</p> <p>12. Giấy phép lái xe hạng A1, A2 do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995, bằng lái xe và giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp còn giá trị được tiếp tục sử dụng.</p> <p>13. Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. hợp lệ là giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền cấp, có số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn in trên giấy phép lái xe trùng với số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn trong hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe hoặc có thông tin giấy phép lái xe đã được xác thực trên VneID.</p> <p>14. Các trường hợp thu hồi Giấy phép lái xe bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Người lái xe có hành vi gian dối để được cấp giấy phép lái xe;</li> <li>b) Người lái xe tẩy, xoá, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe;</li> <li>c) Để người khác sử dụng giấy phép lái xe của mình;</li> </ul> | <p>phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch lại như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.</p> |  |
|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>d) Cơ quan có thẩm quyền cấp cho người không đủ điều kiện;</p> <p>đ) Có sai sót một trong các thông tin về họ tên, ngày sinh, quốc tịch, nơi cư trú, hạng giấy phép lái xe, giá trị cấp, ngày trúng tuyển, người ký;</p> <p>e) Thông qua việc khám sức khỏe Cơ quan có thẩm quyền xác định trong cơ thể người lái xe có chất ma túy (trừ các hành vi xử lý theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 10 Điều 5; điểm h và điểm i khoản 8 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019).</p> <p>15. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe thực hiện thu hồi theo trình tự sau:</p> <p>a) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe ra quyết định thu hồi và hủy bỏ giấy phép lái xe. Nội dung của quyết định nêu rõ lý do thu hồi và hủy bỏ;</p> <p>b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi giấy phép lái xe, người lái xe phải nộp giấy phép lái xe bị thu hồi đến cơ quan thu hồi giấy phép lái xe và cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe có trách nhiệm thu hồi giấy phép lái xe đã cấp và hủy bỏ theo quy định;</p> <p>c) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe đã sáp nhập, chia, tách, giải thể thì cơ quan có thẩm quyền thu hồi,</p> |  |  |
|--|--|--|

hủy bỏ giấy phép lái xe là cơ quan đang quản lý sổ gốc cấp giấy phép lái xe.

16. Xử lý đối với trường hợp giấy phép lái xe bị thu hồi

a) Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại các điểm a, điểm b, điểm d và điểm e khoản 14 Điều này không có giá trị sử dụng. Cơ quan quản lý giấy phép lái xe cập nhật dữ liệu về hành vi vi phạm trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; ngoài ra, người có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch lại như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

b) Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều này, sau 01 năm kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép lái xe có hiệu lực, cá nhân nếu có nhu cầu cấp giấy phép lái xe thì đăng ký với Sở Giao thông vận tải để sát hạch lại các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư này;

c) Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại điểm đ khoản 14 Điều này thực hiện như sau: giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng thực hiện theo quy định tại Điều 38 Thông tư

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>này; giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng trên 03 tháng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Thông tư này.</p> <p>“17. Người lái xe có các hành vi sử dụng giấy phép lái xe giả, sử dụng giấy phép lái xe đã khai báo mất để điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ, Cơ quan quản lý giấy phép lái xe cập nhật dữ liệu về hành vi vi phạm trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; ngoài ra, người có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch lại như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.”.</p> |   |  |
| <p>Điều 34. Xác minh giấy phép lái xe</p> <p>1. Khi tiếp nhận danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp của cơ sở đào tạo và trước khi duyệt danh sách giấy phép lái xe được nâng hạng, đổi, cấp lại Sở Giao thông vận tải phải tra cứu và in thông tin về giấy phép lái xe của người xin nâng hạng, đổi, cấp lại giấy phép lái xe từ hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe (bản xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ); trường hợp chưa có thông tin, phải có văn bản đề nghị cơ quan cấp xác minh giấy phép lái xe đã cấp; bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ theo mẫu quy</p>  | <p>Điều 40. Xác minh giấy phép lái xe</p> <p>1. Khi tiếp nhận danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp của cơ sở đào tạo và trước khi duyệt danh sách giấy phép lái xe được nâng hạng, đổi, cấp lại Sở Giao thông vận tải phải tra cứu và in thông tin về giấy phép lái xe của người xin nâng hạng, đổi, cấp lại giấy phép lái xe từ hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe (bản xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ); trường hợp chưa có thông tin, phải có văn bản đề nghị cơ quan cấp xác minh giấy phép lái xe đã cấp; bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XXXVII ban hành kèm theo Thông tư này, bản xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ theo mẫu quy định</p> |  |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>định tại Phụ lục 18a ban hành kèm theo Thông tư này, bản xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục 18b ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>2. Thực hiện xác minh giấy phép lái xe</p> <p>a) Việc xác minh giấy phép lái xe phải thực hiện ngay qua điện thoại hoặc thư điện tử hoặc fax và sau đó gửi bằng văn bản;</p> <p>b) Khi chưa có kết quả xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ thì Sở Giao thông vận tải không đổi, không cấp lại hoặc không đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe.</p> <p>3. Thời hạn xác minh</p> <p>a) Kể từ khi nhận được danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe hoặc hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 38 của Thông tư này, Sở Giao thông vận tải có văn bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp;</p> <p>b) Ngay khi nhận được yêu cầu xác minh, Sở Giao thông vận tải phải trả lời xác minh giấy phép lái xe đã cấp.</p> | <p>tại Mẫu số 02 Phụ lục XXXVII ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>2. Thực hiện xác minh giấy phép lái xe</p> <p>a) Việc xác minh giấy phép lái xe phải thực hiện ngay qua điện thoại hoặc thư điện tử hoặc fax và sau đó gửi bằng văn bản;</p> <p>b) Khi chưa có kết quả xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ thì Sở Giao thông vận tải không đổi, không cấp lại hoặc không đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe.</p> |  |
| <p>Điều 35. Cấp mới giấy phép lái xe</p> <p>1. Người đạt kết quả kỳ sát hạch được cấp giấy phép lái xe đúng hạng đã trúng tuyển; đối với trường hợp nâng hạng hoặc cấp lại do quá thời hạn sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 36 của Thông tư này phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe khi đến nhận</p>   | <p>Điều 41. Cấp mới giấy phép lái xe</p> <p>1. Người đạt kết quả kỳ sát hạch được cấp giấy phép lái xe đúng hạng đã trúng tuyển; đối với trường hợp nâng hạng hoặc cấp lại do quá thời hạn sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 42 của Thông tư này phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe khi đến nhận giấy phép lái xe.</p>   |  |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>giấy phép lái xe.</p> <p>2. Căn cứ quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển. Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe là ngày ký quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.</p> <p>3. Thời gian cấp giấy phép lái xe chậm nhất không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.</p> <p>4. Người đã có giấy phép lái xe hạng B1 được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng B2, người đã có giấy phép lái xe hạng B2 được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng C và phải học đủ nội dung chương trình đào tạo lái xe theo quy định, hồ sơ của người học thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này; trường hợp đạt kết quả sát hạch, cơ quan tổ chức sát hạch có văn bản đề nghị cơ quan đã cấp giấy phép xe ra quyết định thu hồi giấy phép lái xe cũ và có văn bản đề nghị Cục Đường bộ Việt Nam xóa số quản lý giấy phép lái xe đã cấp.</p> | <p>2. Căn cứ quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển. Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe là ngày ký quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.</p> <p>3. Thời gian cấp giấy phép lái xe chậm nhất không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.</p> <p>4. Người đã có giấy phép lái xe hạng B số tự động được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng B, người đã có giấy phép lái xe hạng B được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng C1 và phải học đủ nội dung chương trình đào tạo lái xe theo quy định, hồ sơ của người học thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này; trường hợp đạt kết quả sát hạch, cơ quan tổ chức sát hạch có văn bản đề nghị cơ quan đã cấp giấy phép xe ra quyết định thu hồi giấy phép lái xe cũ và có văn bản đề nghị Cục Đường bộ Việt Nam xóa số quản lý giấy phép lái xe đã cấp.</p> |  |
| <p>Điều 36. Cấp lại giấy phép lái xe</p> <p>1. Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng</p> <p>a) Từ 03 tháng đến dưới 01 năm, kể</p>  | <p>Điều 42. Cấp lại giấy phép lái xe</p> <p>1. Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng</p>   |  |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>từ ngày hết hạn phải sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư này để cấp lại giấy phép lái xe;</p> <p>b) Từ 01 năm trở lên kể từ ngày hết hạn phải sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư này, thực hành lái xe trong hình và trên đường để cấp lại giấy phép lái xe;</p> <p>c) Hồ sơ dự sát hạch lại thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Thông tư này.</p> <p>2. Người có giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng, được xét cấp lại giấy phép lái xe. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có);</p> <p>c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3;</p> <p>Khi đến thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép lái xe tại nơi tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải, người lái xe gửi 01 bộ hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và xuất trình bản</p> | <p>a) Từ 03 tháng đến dưới 01 năm kể từ ngày hết hạn phải sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư này để cấp lại giấy phép lái xe;</p> <p>b) Từ 01 năm trở lên kể từ ngày hết hạn phải sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư này, thực hành lái xe trong hình và trên đường để cấp lại giấy phép lái xe;</p> <p>c) Hồ sơ dự sát hạch lại thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Thông tư này.</p> <p>2. Người có giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng, được xét cấp lại giấy phép lái xe. Thủ tục, hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại Điều 45 của Thông tư này.</p> <p>3. Người có giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, phải dự sát hạch lại các nội dung:</p> <p>a) Quá hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm, phải dự sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20 Thông tư này;</p> <p>b) Quá hạn sử dụng từ 01 năm trở lên, phải sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư này, thực hành lái xe trong hình và trên đường;</p> <p>c) Hồ sơ dự sát hạch lại thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Thông tư này.</p> |  |
|--|--|--|

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu. Sau thời gian 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, thì được cấp lại giấy phép lái xe.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được xét cấp lại giấy phép lái xe, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy phép lái xe và trả giấy phép lái xe khi người lái xe đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe; trường hợp không cấp lại giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p>3. Người có giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, sau 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, phải dự sát hạch lại các nội dung:</p> <p>a) Quá hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm, phải dự sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư này;</p> <p>b) Quá hạn sử dụng từ 01 năm trở lên, phải sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư này, thực</p> | <p>4. Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe cấp lại (phục hồi), được tính theo ngày trúng tuyển của giấy phép lái xe cũ.</p> <p>5. Thời gian cấp lại giấy phép lái xe thực hiện như đối với cấp mới (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này).</p> <p>6. Người dự sát hạch lại có nhu cầu ôn tập, đăng ký với các cơ sở đào tạo lái xe để được hướng dẫn ôn tập, phải nộp phí ôn tập theo quy định, không phải học lại theo chương trình đào tạo.</p> <p>7. Không cấp lại giấy phép lái xe đối với các trường hợp sau:</p> <p>a) Người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi người đó chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ;</p> <p>b) Giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng.</p> |  |
|---|--|--|

|  |   |   |  |
|--|---|---|--|
|  | <p>hành lái xe trong hình và trên đường;</p> <p>c) Hồ sơ dự sát hạch lại thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 19 của Thông tư này.</p> <p>4. <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>5. Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe cấp lại (phục hồi), được tính theo ngày trúng tuyển của giấy phép lái xe cũ.</p> <p>6. Thời gian cấp lại giấy phép lái xe thực hiện như đối với cấp mới (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này).</p> <p>7. Người dự sát hạch lại có nhu cầu ôn tập, đăng ký với các cơ sở đào tạo lái xe để được hướng dẫn ôn tập, phải nộp phí ôn tập theo quy định, không phải học lại theo chương trình đào tạo.</p> <p>8. <i>(được bãi bỏ)</i></p> |   |  |
|  | <p>Điều 37. Đổi giấy phép lái xe</p> <p>1. Việc đổi giấy phép lái xe bằng giấy bìa sang giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. được khuyến khích thực hiện trước ngày 31/12/2020.</p> <p>2. Người có giấy phép lái xe có thời hạn thực hiện việc đổi giấy phép lái xe trước khi hết thời hạn sử dụng; người có giấy phép lái xe bị hỏng còn thời hạn sử dụng được đổi giấy phép lái xe.</p>  | <p>Điều 43. Đổi giấy phép lái xe</p> <p>1. Người có giấy phép lái xe có thời hạn thực hiện việc đổi giấy phép lái xe trước khi hết thời hạn sử dụng; người có giấy phép lái xe bị hỏng còn thời hạn sử dụng được đổi giấy phép lái xe.</p> <p>2. Trường hợp ngày, tháng, năm sinh, họ, tên, tên đệm, quốc tịch, nơi sinh, nơi cư trú ghi trên giấy phép lái xe có sai lệch với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan quản lý giấy phép lái xe làm thủ tục đổi giấy phép</p> |  |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>3. Người có giấy phép lái xe hạng E đủ 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ, có nhu cầu tiếp tục lái xe, nếu đủ sức khoẻ theo quy định, được xét đổi giấy phép lái xe từ hạng D trở xuống.</p> <p>4. Trường hợp năm sinh, họ, tên, tên đệm ghi trên giấy phép lái xe có sai lệch với giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân thì cơ quan quản lý giấy phép lái xe làm thủ tục đổi giấy phép lái xe mới phù hợp với thông tin ghi trong giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.</p> <p>5. Đối tượng được đổi giấy phép lái xe:</p> <p>a) Người Việt Nam, người nước ngoài được đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam;</p> <p>b) Người có giấy phép lái xe của ngành giao thông vận tải cấp bị hỏng;</p> <p>c) Người Việt Nam, người nước ngoài định cư lâu dài ở Việt Nam đã có giấy phép lái xe Việt Nam đổi từ giấy phép lái xe nước ngoài, khi hết hạn nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;</p> <p>d) Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi thôi phục vụ trong quân đội (phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong các</p> | <p>lái xe mới phù hợp với thông tin ghi trong căn cước công dân hoặc căn cước.</p> <p>3. Trình tự thực hiện đổi giấy phép lái xe:</p> <p>a) Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận, tra cứu phần mềm quản lý vi phạm của hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý giấy phép lái xe, truy cập phần mềm cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của ngành Công an hoặc tra cứu vi phạm của người lái xe thông qua tài khoản định danh điện tử; trường hợp giấy phép lái xe không thuộc đối tượng được đổi, cấp lại hoặc hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;</p> <p>b) Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định; khi nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân;</p> <p>c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử), Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do;</p> |  |
|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>doanh nghiệp quốc phòng...), nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;</p> <p>đ) Người có giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sau ngày 31 tháng 7 năm 1995, còn thời hạn sử dụng, khi thôi không tiếp tục phục vụ trong ngành Công an (xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong Công an nhân dân), nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;</p> <p>e) Người có giấy phép lái xe mô tô của ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995 bị hỏng có nhu cầu đổi, có tên trong sổ lưu được xét đổi giấy phép lái xe mới;</p> <p>g) Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam, có giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;</p> <p>h) Khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;</p> <p>i) Người Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) trong thời gian cư trú, học tập, làm việc</p> | <p>d) Cơ quan cấp giấy phép lái xe lưu trữ bản chính hồ sơ đổi giấy phép lái xe của ngành Giao thông vận tải cấp (trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến); bản sao hồ sơ đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài, giấy phép lái xe do ngành Công an cấp, giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp giấy phép lái xe. Thu hồi giấy phép lái xe cũ (trừ giấy phép lái xe do nước ngoài cấp), giao cho người lái xe bảo quản (trường hợp đổi giấy phép lái xe trực tuyến toàn trình, người lái xe chịu trách nhiệm gửi giấy phép lái xe cũ đến cơ quan cấp giấy phép lái xe để hủy theo quy định);</p> <p>đ) Trường hợp người lái xe có nhu cầu đổi giấy phép lái xe xuống hạng thấp hơn, phải khai rõ tại Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.</p> <p>5. Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu của cá nhân; trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, giấy phép lái xe được trả cho đúng cá nhân đổi giấy phép lái xe.</p> |  |
|--|--|--|

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>ở nước ngoài được nước ngoài cấp giấy phép lái xe quốc gia, còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam.</p> <p>6. Không đổi giấy phép lái xe đối với các trường hợp sau:</p> <p>a) Giấy phép lái xe tạm thời của nước ngoài; giấy phép lái xe quốc tế; giấy phép lái xe của nước ngoài, quân sự, công an quá thời hạn sử dụng theo quy định, bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; giấy phép lái xe nước ngoài không do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>b) Giấy phép lái xe của ngành Giao thông vận tải nhưng không có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe, bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý);</p> <p>c) <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>d) Người không đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định.</p> <p>đ) Người Việt Nam có giấy phép lái xe nước ngoài có thời gian lưu trú tại nước ngoài dưới 03 tháng và thời hạn lưu trú không phù hợp với thời gian đào tạo lái xe của nước cấp giấy phép lái xe.</p> <p>7. Thời hạn sử dụng và hạng xe được phép điều khiển:</p> |  |  |
|---|--|--|

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>a) Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe Việt Nam đối cho người nước ngoài phù hợp với thời hạn ghi trong thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú, phù hợp với thời hạn sử dụng giấy phép lái xe nước ngoài nhưng không vượt quá thời hạn quy định của giấy phép lái xe Việt Nam;</p> <p>b) Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe Việt Nam đối cho khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam phù hợp với thời gian du lịch ở Việt Nam (từ khi nhập cảnh đến khi xuất cảnh) nhưng không vượt quá thời hạn quy định của giấy phép lái xe Việt Nam.</p> <p>Đối với khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam chưa có điều kiện xuất trình hộ chiếu và giấy phép lái xe nước ngoài, khi đổi giấy phép lái xe có thể căn cứ vào danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an và bản dịch giấy phép lái xe (kèm theo bản sao giấy phép lái xe nước ngoài), làm sẵn giấy phép lái xe cho số người đăng ký. Giấy phép lái xe chỉ được cấp cho những người thực sự vào Việt Nam sau khi đổi chiếu giấy phép lái xe nước ngoài và hộ chiếu;</p> <p>c) Giấy phép lái xe quốc gia cấp cho người đổi được điều khiển nhiều hạng xe khác</p> |  |  |
|---|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>nhau được đổi sang giấy phép lái xe để điều khiển các hạng xe tương ứng của Việt Nam;</p> <p>d) Giấy phép lái xe quân sự có hiệu lực được phép lái nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe ngành Giao thông vận tải có hiệu lực lái các hạng xe tương ứng; giấy phép lái xe quân sự hạng Fx được đổi sang giấy phép lái xe hạng C do ngành Giao thông vận tải cấp.</p> <p>8. Trình tự thực hiện đổi giấy phép lái xe:</p> <p>a) Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;</p> <p>b) Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định; khi nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân;</p> <p>c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể</p> |  |  |
|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử), Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do;</p> <p>d) Cơ quan cấp giấy phép lái xe lưu trữ bản chính hồ sơ đổi giấy phép lái xe của ngành Giao thông vận tải cấp (trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến); bản sao hồ sơ đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài, giấy phép lái xe do ngành Công an cấp, giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp giấy phép lái xe. Cắt góc giấy phép lái xe cũ (trừ giấy phép lái xe do nước ngoài cấp), giao cho người lái xe bảo quản (trường hợp đổi giấy phép lái xe trực tuyến toàn trình, người lái xe chịu trách nhiệm gửi giấy phép lái xe cũ đến cơ quan cấp giấy phép lái xe để hủy theo quy định);</p> <p>đ) Trường hợp người lái xe có nhu cầu đổi giấy phép lái xe xuống hạng thấp hơn, phải khai rõ tại Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.</p> |  |  |
|--|--|--|

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p><b>Điều 38. Thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp</b></p> <p>1. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp, gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;</p> <p>c) Bản sao giấy phép lái xe và hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).</p> <p>2. Cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải.</p> <p>3. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên để đối chiếu, trừ các giấy tờ quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính</p> | <p>Điều 46. Điều kiện, thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp</p> <p>1. Điều kiện đổi giấy phép lái xe</p> <p>a) Người Việt Nam, người nước ngoài được đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam;</p> <p>b) Người có giấy phép lái xe của ngành giao thông vận tải cấp bị hỏng;</p> <p>c) Người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú ở Việt Nam đã có giấy phép lái xe Việt Nam đổi từ giấy phép lái xe nước ngoài, khi hết hạn nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe.</p> <p>2. Không đổi giấy phép lái xe đối với các trường hợp sau:</p> <p>a) Giấy phép lái xe không có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe, bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý);</p> <p>b) Người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi người đó chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ;</p> <p>c) Giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng.</p> <p>3. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp, gồm:</p> |  |
|---|---|--|

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  | <p>chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai; khi nhận giấy phép lái xe, phải nộp lại giấy phép lái xe cũ để lưu hồ sơ.</p> <p>5. Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu của cá nhân; trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, giấy phép lái xe được trả cho đúng cá nhân đổi giấy phép lái xe.</p> | <p>a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;</p> <p>c) Bản sao giấy phép lái xe và hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).</p> <p>4. Cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải.</p> <p>a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên để đối chiếu, trừ các giấy tờ quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai; khi nhận giấy phép lái xe, phải nộp lại giấy phép lái xe cũ để lưu hồ sơ.</p> |  |
|  | <p>Điều 39. Thủ tục đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp</p> <p>1. Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải. Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy</p>  | <p>Điều 47. Điều kiện, thủ tục đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp</p> <p>1. Điều kiện đổi giấy phép lái xe</p> <p>a) Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi thôi phục vụ trong quân đội (phục viên, xuất ngũ, chuyên ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao</p>   |  |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>b) Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký.</p> <p>c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3.</p> <p>d) Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng.</p> <p>2. Trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Xe - Máy thuộc Bộ Quốc phòng xác minh.</p> <p>3. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe quân sự là hồ sơ gốc gồm các tài liệu ghi ở khoản 1 và khoản 2 Điều này và giấy phép lái xe quân sự đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.</p> | <p>động trong các doanh nghiệp quốc phòng...), nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;</p> <p>b) Giấy phép lái xe quân sự có hiệu lực được phép lái nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe ngành Giao thông vận tải có hiệu lực lái các hạng xe tương ứng; giấy phép lái xe quân sự hạng Fx được đổi sang giấy phép lái xe hạng C do ngành Giao thông vận tải cấp.</p> <p>2. Không đổi giấy phép lái xe quân sự quá thời hạn sử dụng theo quy định, bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng.</p> <p>3. Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải. Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>b) Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký;</p> |  |
|--|--|--|

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  | <p>c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;</p> <p>d) Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng.</p> <p>4. Trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Xe - Máy thuộc Bộ Quốc phòng xác minh.</p> <p>5. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe quân sự là hồ sơ gốc gồm các tài liệu ghi ở khoản 1 và khoản 2 Điều này và giấy phép lái xe quân sự đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.</p>  |  |
|  | <p><b>Điều 40. Thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp</b></p> <p>1. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995:</p> <p>Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Hồ sơ gốc (nếu có);</p> <p>c) Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ</p> | <p>Điều 48. Điều kiện, thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp</p> <p>1. Điều kiện đổi giấy phép lái xe</p> <p>a) Người có giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sau ngày 31 tháng 7 năm 1995, còn thời hạn sử dụng, khi thôi không tiếp tục phục vụ trong ngành Công an (xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong Công an nhân dân), nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;</p> <p>b) Người có giấy phép lái xe mô tô của ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995 bị hỏng có nhu cầu đổi, có tên trong sổ lưu được xét đổi giấy phép lái xe mới;</p> <p>2. Không đổi giấy phép lái xe do ngành công an cấp quá thời hạn sử dụng theo quy định, bị tẩy xóa, rách nát</p> |  |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>các bản chính đã gửi) để đối chiếu.</p> <p>2. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995:</p> <p>Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Bản sao giấy phép lái xe; Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân;</p> <p>c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;</p> <p>d) Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính giấy tờ quy định tại điểm b khoản này (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.</p> <p>đ) Hồ sơ đổi giấy phép lái xe Công</p> | <p>không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng.</p> <p>3. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995:</p> <p>Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Hồ sơ gốc (nếu có);</p> <p>c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;</p> <p>d) Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.</p> <p>4. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995:</p> <p>Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Bản sao giấy phép lái xe; Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc</p> |  |
|--|---|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>an là hồ sơ gốc, gồm tài liệu ghi ở điểm a và điểm b khoản 2 Điều này và giấy phép lái xe công an đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.</p> <p>3. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước ngày 31 tháng 7 năm 2020:</p> <p>Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Giấy tờ quy định tại các điểm a, c và d khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Bản sao Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân;</p> <p>c) Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: Đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; Giấy Chứng nhận sức khỏe của người lái xe; Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe;</p> <p>d) Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên để đối chiếu, trừ các giấy tờ quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều này;</p> | <p>bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân;</p> <p>c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;</p> <p>d) Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính giấy tờ quy định tại điểm b khoản này (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu;</p> <p>đ) Hồ sơ đổi giấy phép lái xe Công an là hồ sơ gốc, gồm tài liệu ghi ở điểm a và điểm b khoản 2 Điều này và giấy phép lái xe công an đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.</p> <p>5. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước ngày 31 tháng 7 năm 2020:</p> <p>Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Giấy tờ quy định tại các điểm a, c và d khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Bản sao Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân;</p> <p>c) Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: Đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; Giấy Chứng nhận sức</p> |  |
|--|--|--|

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  | <p>đ) Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp là hồ sơ gốc, gồm tài liệu ghi ở điểm a và điểm b khoản 3 Điều này và giấy phép lái xe do ngành Công an cấp đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.</p> <p>4. Trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an hoặc Sở Giao thông vận tải quản lý giấy phép lái xe xác minh.</p> | <p>khỏe của người lái xe; Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe;</p> <p>d) Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên để đối chiếu, trừ các giấy tờ quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều này;</p> <p>đ) Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp là hồ sơ gốc, gồm tài liệu ghi ở điểm a và điểm b khoản 3 Điều này và giấy phép lái xe do ngành Công an cấp đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.</p> <p>6. Trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an hoặc Sở Giao thông vận tải quản lý giấy phép lái xe xác minh.</p> |  |
|  | <p>Điều 41. Thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài</p> <p>1. Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải (nơi đăng ký cư trú, lưu trú, tạm trú hoặc định cư lâu dài). Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (đối với người Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này, đối với người nước ngoài theo mẫu quy</p>               | <p>Điều 49. Điều kiện, thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài</p> <p>1. Điều kiện đổi giấy phép lái xe</p> <p>a) Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam, có giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;</p>  |  |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>định tại Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư này);</p> <p>b) Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định; trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;</p> <p>d) Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ; bản sao giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài.</p> <p>Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu</p> <p>2. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do cơ quan đổi giấy phép lái xe giao cho người lái xe quản</p> | <p>b) Người Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài được nước ngoài cấp giấy phép lái xe quốc gia, còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam.</p> <p>2. Không đổi giấy phép lái xe tạm thời của nước ngoài; giấy phép lái xe quốc tế; giấy phép lái xe của nước ngoài quá thời hạn sử dụng theo quy định, bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; giấy phép lái xe nước ngoài không do cơ quan có thẩm quyền cấp; Người Việt Nam có giấy phép lái xe nước ngoài có thời gian lưu trú tại nước ngoài dưới 03 tháng và thời hạn lưu trú không phù hợp với thời gian đào tạo lái xe của nước cấp giấy phép lái xe.</p> <p>3. Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải (nơi đăng ký cư trú, lưu trú, tạm trú hoặc thường trú. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (đối với người Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này, đối với người nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIX ban hành kèm theo Thông tư này);</p> <p>b) Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy</p> |  |
|--|---|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>lý là hồ sơ gốc, gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này và giấy phép lái xe nước ngoài.</p> <p>3. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe của người nước ngoài không định cư lâu dài tại Việt Nam do cơ quan đổi giấy phép lái xe lưu trữ 01 năm, gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Trường hợp phát hiện có nghi vấn về việc nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, Phòng Quản lý xuất nhập Cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh.</p> | <p>phép lái xe; đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định (trừ người nước ngoài đổi giấy phép lái xe theo thời hạn ghi trong thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú);</p> <p>d) Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ.</p> <p>4. Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.</p> <p>5. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do cơ quan đổi giấy phép lái xe giao cho người lái xe quản lý là hồ sơ gốc, gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này và giấy phép lái xe nước ngoài. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe của người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam do cơ quan đổi giấy phép lái xe lưu trữ 01 năm, gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>6. Trường hợp phát hiện có nghi vấn về việc nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an,</p> |  |
|--|--|--|

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  |   | <p>Phòng Quản lý xuất nhập Cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh.</p> <p>6. Thời hạn sử dụng và hạng xe được phép điều khiển:</p> <p>a) Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe Việt Nam đổi cho người nước ngoài phù hợp với thời hạn ghi trong thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú, phù hợp với thời hạn sử dụng giấy phép lái xe nước ngoài nhưng không vượt quá thời hạn quy định của giấy phép lái xe Việt Nam;</p> <p>b) Giấy phép lái xe quốc gia cấp cho người đổi được điều khiển nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe để điều khiển các hạng xe tương ứng của Việt Nam.</p>  |  |
|  | <p>Điều 42. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam</p> <p>1. Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao</p> | <p>Điều 50. Điều kiện, thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam</p> <p>1. Điều kiện đổi giấy phép lái xe</p> <p>Khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;</p> <p>2. Không đổi giấy phép lái xe tạm thời của nước ngoài; giấy phép lái xe quốc tế; giấy phép lái xe của nước ngoài quá thời hạn sử dụng theo quy định, bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; giấy phép lái xe nước ngoài không do cơ quan có thẩm quyền cấp.</p> |  |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;</p> <p>c) Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;</p> <p>d) 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.</p> <p>Khi đến nhận giấy phép lái xe, người lái xe xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.</p> <p>2. Cơ quan quản lý cấp giấy phép lái xe phải ghi vào hồ sơ quản lý là giấy phép lái xe đổi 01 (một) lần.</p> | <p>3. Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính. Hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIX ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;</p> <p>c) Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;</p> <p>d) 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.</p> <p>4. Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Khi đến nhận giấy phép lái xe, người lái xe xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.</p> <p>5. Cơ quan quản lý cấp giấy phép lái xe phải ghi vào hồ sơ quản lý là giấy phép lái xe đổi 01 (một) lần.</p> <p>6. Thời hạn sử dụng và hạng xe được phép điều khiển:</p> |  |
|---|--|--|

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>a) Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe Việt Nam đổi cho khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam phù hợp với thời gian du lịch ở Việt Nam (từ khi nhập cảnh đến khi xuất cảnh) nhưng không vượt quá thời hạn quy định của giấy phép lái xe Việt Nam;</p> <p>b) Giấy phép lái xe quốc gia cấp cho người đổi được điều khiển nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe để điều khiển các hạng xe tương ứng của Việt Nam;</p> <p>c) Đối với khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam chưa có điều kiện xuất trình hộ chiếu và giấy phép lái xe nước ngoài, khi đổi giấy phép lái xe có thể căn cứ vào danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an và bản dịch giấy phép lái xe (kèm theo bản sao giấy phép lái xe nước ngoài), làm sẵn giấy phép lái xe cho số người đăng ký. Giấy phép lái xe chỉ được cấp cho những người thực sự vào Việt Nam sau khi đổi chiếu giấy phép lái xe nước ngoài và hộ chiếu.</p> |  |
|  | <p>Điều 43. Đào tạo lái xe</p> <p>1. Đào tạo đối với người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật để cấp giấy phép lái xe hạng A1</p> <p>a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 7, Điều 9 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, được tự học lý thuyết và thực hành; trường hợp có nhu cầu học tập trung</p> | <p>Điều 19. Đào tạo lái xe đặc thù</p> <p>1. Đào tạo đối với người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật để cấp giấy phép lái xe hạng A1</p> <p>a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, được tự học lý thuyết và thực hành; trường hợp có nhu cầu học tập trung</p>  |  |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>đăng ký với cơ sở đào tạo để được học theo nội dung, chương trình quy định;</p> <p>b) Xe dùng để dạy lái: Là xe mô tô ba bánh của người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số.</p> <p>2. Đào tạo để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái:</p> <p>a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 7, Điều 9 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, phải học đủ thời gian, nội dung chương trình đào tạo theo quy định, được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải được kiểm tra, cấp chứng chỉ đào tạo, được thay nội dung học lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông bằng nội dung học trên xe tập lái;</p> <p>b) Xe dùng để dạy lái: Là xe ô tô hạng B1 số tự động của người khuyết tật hoặc cơ sở đào tạo; xe phải có kết cấu phù hợp để các tay và chân còn lại của người khuyết tật vừa giữ được vô lăng lái, vừa dễ dàng điều khiển cần gạt tín hiệu báo rẽ, đèn chiếu sáng, cần gạt mưa, cần số, cần phanh tay, bàn đạp phanh chân, bàn đạp ga trong mọi tình huống khi lái xe theo đúng chức năng thiết kế của nhà sản</p> | <p>đăng ký với cơ sở đào tạo để được học theo nội dung, chương trình quy định;</p> <p>b) Xe dùng để dạy lái: Là xe mô tô ba bánh của người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số.</p> <p>2. Đào tạo để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái:</p> <p>a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, phải học đủ thời gian, nội dung chương trình đào tạo theo quy định, được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải được kiểm tra, cấp chứng chỉ đào tạo, được thay nội dung học lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông bằng nội dung học trên xe tập lái;</p> <p>b) Xe dùng để dạy lái: Là xe ô tô hạng B số tự động của người khuyết tật hoặc cơ sở đào tạo; xe phải có kết cấu phù hợp để các tay và chân còn lại của người khuyết tật vừa giữ được vô lăng lái, vừa dễ dàng điều khiển cần gạt tín hiệu báo rẽ, đèn chiếu sáng, cần gạt mưa, cần số, cần phanh tay, bàn đạp phanh chân, bàn đạp ga trong mọi tình huống khi lái xe theo đúng chức năng thiết kế của nhà sản xuất ô tô, được Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận hệ thống điều khiển của xe phù hợp để người khuyết tật lái xe an toàn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái.</p> |  |
|---|---|--|

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>xuất ô tô, được Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận hệ thống điều khiển của xe phù hợp để người khuyết tật lái xe an toàn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái.</p> <p>3. Đào tạo để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cho người khuyết tật trừ người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái:</p> <p>a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 7, Điều 9 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, phải học đủ thời gian, nội dung chương trình đào tạo theo quy định, được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải được kiểm tra, cấp chứng chỉ đào tạo;</p> <p>b) Xe dùng để dạy lái: Xe ô tô tập lái hạng B1 số tự động của cơ sở đào tạo.</p> <p>4. Đào tạo lái xe mô tô hạng A1, hạng A4 đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt:</p> <p>a) Hình thức đào tạo: người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe phải đăng ký tại cơ sở được phép đào tạo để được ôn luyện theo chương trình đào tạo lái xe quy định tại Điều 12 và Mục A, Mục B Phụ lục số 31 ban hành kèm theo Thông tư này. Lớp học cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt phải giảng dạy riêng và có người phiên</p> | <p>3. Đào tạo để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật trừ người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái:</p> <p>a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, phải học đủ thời gian, nội dung chương trình đào tạo theo quy định, được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải được kiểm tra, cấp chứng chỉ đào tạo;</p> <p>b) Xe dùng để dạy lái: Xe ô tô tập lái hạng B số tự động của cơ sở đào tạo.</p> <p>4. Đào tạo lái xe mô tô hạng A1 đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt:</p> <p>a) Hình thức đào tạo: người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe phải đăng ký tại cơ sở được phép đào tạo để được ôn luyện theo chương trình đào tạo lái xe quy định tại Điều 16 và Mục A và Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này. Lớp học cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt phải giảng dạy riêng và có người phiên dịch;</p> <p>b) Phương pháp đào tạo: bằng hình ảnh trực quan, tranh vẽ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, mô hình, sa hình và kỹ năng xử lý tình huống giao thông đường bộ; hỏi - đáp và thực hành làm mẫu để thực hiện nội dung chương trình đào tạo lái xe.</p> |  |
|--|---|--|

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>dịch;</p> <p>b) Phương pháp đào tạo: bằng hình ảnh trực quan, tranh vẽ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, mô hình, sa hình và kỹ năng xử lý tình huống giao thông đường bộ; hỏi - đáp và thực hành làm mẫu để thực hiện nội dung chương trình đào tạo lái xe</p>  |  |  |
|  | <p>Điều 44. Sát hạch lái xe</p> <p>1. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật</p> <p>a) Người dự sát hạch, thực hiện sát hạch lái xe trong hình theo nội dung và quy trình sát hạch tại trung tâm sát hạch hoặc sân sát hạch có đủ điều kiện, có hai sát hạch viên chấm điểm trực tiếp; thực hiện sát hạch lý thuyết theo quy định sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1;</p> <p>b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng xe mô tô ba bánh của người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số;</p> <p>c) Hình sát hạch dựng theo quy định tại điểm 2.2.1.10 mục 2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2015/BGTVT về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT</p> | <p>Điều 35. Sát hạch lái xe đặc thù</p> <p>1. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật</p> <p>a) Người dự sát hạch, thực hiện sát hạch lái xe trong hình theo nội dung và quy trình sát hạch tại trung tâm sát hạch hoặc sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô có đủ điều kiện, có hai sát hạch viên chấm điểm trực tiếp; thực hiện sát hạch lý thuyết theo quy định sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1;</p> <p>b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng xe mô tô ba bánh của người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số;</p> <p>c) Hình sát hạch dựng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>2. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái</p> <p>a) Người dự sát hạch phải có đủ hồ sơ, thực hiện đủ nội dung và quy trình sát hạch theo quy định tại trung tâm</p> |  |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>2. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái</p> <p>a) Người dự sát hạch phải có đủ hồ sơ, thực hiện đủ nội dung và quy trình sát hạch theo quy định tại trung tâm sát hạch có đủ điều kiện, có hai sát hạch viên ngồi trên xe chấm điểm trực tiếp nội dung sát hạch lái xe trong hình và trên đường;</p> <p>b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng ô tô hạng B1 số tự động của người khuyết tật hoặc của trung tâm sát hạch; xe phải có kết cấu phù hợp để các tay và chân còn lại của người khuyết tật vừa giữ được vô lăng lái, vừa dễ dàng điều khiển cần gạt tín hiệu báo rẽ, đèn chiếu sáng, cần gạt mưa, cần số, cần phanh tay, bàn đạp phanh chân, bàn đạp ga trong mọi tình huống khi lái xe theo đúng chức năng thiết kế của nhà sản xuất ô tô, được Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận hệ thống điều khiển của xe phù hợp để người khuyết tật lái xe an toàn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái.</p> <p>3. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cho người khuyết tật trừ người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái</p> <p>a) Người dự sát hạch phải có đủ hồ sơ, thực hiện đủ nội dung và quy trình sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động tại trung tâm sát hạch có đủ điều kiện;</p> <p>b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng xe sát hạch hạng B1 số tự động có đủ điều kiện của trung tâm sát hạch làm xe sát hạch lái xe trong hình và trên đường.</p> <p>4. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt</p> <p>a) Nội dung và quy trình sát hạch lái xe: thực hiện theo nội dung và quy trình sát hạch lái xe hạng A1 quy</p> | <p>sát hạch có đủ điều kiện, có hai sát hạch viên ngồi trên xe chấm điểm trực tiếp nội dung sát hạch lái xe trong hình và trên đường;</p> <p>b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng ô tô hạng B số tự động của người khuyết tật hoặc của trung tâm sát hạch; xe phải có kết cấu phù hợp để các tay và chân còn lại của người khuyết tật vừa giữ được vô lăng lái, vừa dễ dàng điều khiển cần gạt tín hiệu báo rẽ, đèn chiếu sáng, cần gạt mưa, cần số, cần phanh tay, bàn đạp phanh chân, bàn đạp ga trong mọi tình huống khi lái xe theo đúng chức năng thiết kế của nhà sản xuất ô tô, được Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận hệ thống điều khiển của xe phù hợp để người khuyết tật lái xe an toàn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái.</p> <p>3. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật trừ người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái</p> <p>a) Người dự sát hạch phải có đủ hồ sơ, thực hiện đủ nội dung và quy trình sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động tại trung tâm sát hạch có đủ điều kiện;</p> <p>b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng xe sát hạch hạng B số tự động có đủ điều kiện của trung tâm sát hạch làm xe sát hạch lái xe trong hình và trên đường.</p> <p>4. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt</p> <p>a) Nội dung và quy trình sát hạch lái xe: thực hiện theo nội dung và quy trình sát hạch lái xe hạng A1 quy</p> |  |
|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái</p> <p>a) Người dự sát hạch phải có đủ hồ sơ, thực hiện đủ nội dung và quy trình sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động tại trung tâm sát hạch có đủ điều kiện;</p> <p>b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng xe sát hạch hạng B1 số tự động có đủ điều kiện của trung tâm sát hạch làm xe sát hạch lái xe trong hình và trên đường.</p> <p>4. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1, hạng A4 cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt</p> <p>a) Nội dung và quy trình sát hạch lái xe: thực hiện theo nội dung và quy trình sát hạch lái xe hạng A1 và A4 quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 21 Thông tư này;</p> <p>b) Việc tổ chức sát hạch được thực hiện như sau: tổ chức sát hạch riêng. Sát hạch lý thuyết bằng hình thức hỏi - đáp; sử dụng phương pháp trắc nghiệm trên giấy; thời gian thi là 30 phút. 02 (hai) sát hạch viên thực hiện nhiệm vụ, sát hạch lần lượt cho từng thí sinh; mỗi thí sinh chọn ngẫu nhiên 01 đề sát hạch trong bộ đề; 01 sát hạch viên đọc câu hỏi và quan sát thí sinh, 01 sát hạch viên đánh dấu nhân (x) vào ô tương ứng mà thí sinh chọn</p> | <p>định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 20 Thông tư này;</p> <p>b) Việc tổ chức sát hạch được thực hiện như sau: tổ chức sát hạch riêng. Sát hạch lý thuyết bằng hình thức hỏi - đáp; sử dụng phương pháp trắc nghiệm trên giấy; thời gian thi là 30 phút. 02 (hai) sát hạch viên thực hiện nhiệm vụ, sát hạch lần lượt cho từng thí sinh; mỗi thí sinh chọn ngẫu nhiên 01 đề sát hạch trong bộ đề; 01 sát hạch viên đọc câu hỏi và quan sát thí sinh, 01 sát hạch viên đánh dấu nhân (x) vào ô tương ứng mà thí sinh chọn trên bài sát hạch lý thuyết; Sát hạch viên chấm điểm, ký tên xác nhận vào bài sát hạch lý thuyết, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và thông báo kết quả sát hạch cho thí sinh. Thực hiện nội dung sát hạch thông qua người phiên dịch, người phiên dịch phải dịch đúng, đủ câu hỏi của sát hạch viên và câu trả lời của thí sinh; cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm thuê người phiên dịch;</p> <p>c) Thí sinh ký tên hoặc điểm chỉ tại vị trí ký tên trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, bài sát hạch lý thuyết, biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình.</p> |  |
|--|--|--|

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>trên bài sát hạch lý thuyết; Sát hạch viên chấm điểm, ký tên xác nhận vào bài sát hạch lý thuyết, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và thông báo kết quả sát hạch cho thí sinh. Thực hiện nội dung sát hạch thông qua người phiên dịch, người phiên dịch phải dịch đúng, đủ câu hỏi của sát hạch viên và câu trả lời của thí sinh; cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm thuê người phiên dịch;</p> <p>c) Thí sinh ký tên hoặc điểm chỉ tại vị trí ký tên trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, bài sát hạch lý thuyết, biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình.</p> |  |  |
| <p><b>Điều 45. Báo cáo về công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe</b></p> <p>1. Sở Giao thông vận tải gửi báo cáo định kỳ kết quả các kỳ sát hạch về Tổng cục Đường bộ Việt Nam, quy định như sau:</p> <p>a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả các kỳ sát hạch lái xe;</p> <p>b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo số liệu kết quả các kỳ sát hạch lái xe gồm: Số thí sinh dự sát hạch, số thí sinh vắng, số thí sinh đạt kết quả sát hạch, tỷ lệ phần trăm đạt kết quả sát hạch;</p> <p>c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe;</p>               | <p><b>Điều 4. Chế độ báo cáo</b></p> <p>1. Báo cáo về công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe</p> <p>Sở Giao thông vận tải gửi báo cáo công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ về Cục Đường bộ Việt Nam, gồm:</p> <p>a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo về công tác đào tạo lái xe, gồm: Số lượng cơ sở đào tạo lái xe đang quản lý, số lượng thủ tục hành chính đã thực hiện trong năm, gồm: giấy phép đào tạo lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, đánh giá công tác quản lý đào tạo lái xe. Báo cáo về công tác sát</p> |  |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>d) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 hàng tháng;</p> <p>đ) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ hàng tháng;</p> <p>e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo;</p> <p>g) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo Phụ lục 26 ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>2. Sở Giao thông vận tải gửi báo cáo công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ về Tổng cục Đường bộ Việt Nam, gồm:</p> <p>a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>b) Nội dung yêu cầu báo cáo:<br/>         Báo cáo về công tác đào tạo lái xe, gồm: Số lượng cơ sở đào tạo lái xe quản lý, công tác cấp giấy phép xe tập lái, cấp giấy phép đào tạo lái xe, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, công tác quản lý đào tạo lái xe.<br/>         Báo cáo về công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe, gồm: Số lượng trung tâm sát hạch lái xe quản lý, công tác quản lý sát hạch lái xe, số lượng cấp giấy phép lái xe;</p> <p>c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc</p> | <p>hạch, cấp giấy phép lái xe, gồm: Số lượng trung tâm sát hạch lái xe đang quản lý, số lượng thủ tục hành chính đã thực hiện trong năm, gồm: giấy phép sát hạch, đánh giá công tác quản lý sát hạch lái xe, số lượng giấy phép lái xe các hạng đã cấp;</p> <p>c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc phương thức điện tử được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;</p> <p>d) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 6 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm; trước ngày 20 tháng 12 hàng năm đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm;</p> <p>đ) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và Báo cáo định kỳ hàng năm;</p> <p>e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 năm báo cáo;</p> <p>g) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo Mẫu</p> |  |
|---|--|--|

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>phương thức điện tử được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;</p> <p>d) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 6 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm; trước ngày 20 tháng 12 hàng năm đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm;</p> <p>đ) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và Báo cáo định kỳ hàng năm;</p> <p>e) Thời gian chốt số liệu báo cáo:<br/> Đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo.<br/> Đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 năm báo cáo;</p> <p>g) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo Phụ lục 27 ban hành kèm theo Thông tư này.</p> |  |  |
| <p><b>Điều 46. Kiểm tra, thanh tra</b></p> <p>1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước.</p> <p>2. Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát công tác đào tạo, sát</p>   |  |  |

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  | <p>hạch lái xe đối với các cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch do Sở Giao thông vận tải quản lý.</p> <p>3. Việc kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật.</p> |  |  |
|  |   | <p><b>Điều 45. Quy trình cấp giấy phép lái xe</b></p> <p>1. Đối với cấp mới giấy phép lái xe</p> <p>a) Cơ sở đào tạo: tiếp nhận hồ sơ học lái xe và sử dụng hệ thống thông tin để tạo lập báo cáo đăng ký sát hạch gửi Sở Giao thông vận tải; tổ chức đào tạo theo nội dung và chương trình đào tạo lái xe theo quy định; tổ chức kiểm tra khi kết thúc môn học và xét cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo và cập nhật vào Hệ thống thông tin; lập báo cáo đề nghị sát hạch lái xe gửi Sở giao thông vận tải;</p> <p>b) Sở Giao thông vận tải: tiếp nhận báo cáo đăng ký sát hạch, đề nghị sát hạch lái xe; duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện sát hạch, ra quyết định tổ chức kỳ sát hạch và gửi Trung tâm sát hạch và sân tập lái dùng để sát hạch lái xe để phối hợp tổ chức kỳ sát hạch; Tiếp nhận dữ liệu kết quả sát hạch do các Trung tâm sát hạch và sân tập lái dùng để sát hạch lái xe đồng bộ để lập danh sách cấp giấy phép lái xe cho người đạt kết quả sát hạch; xác thực chữ ký số của người có thẩm quyền ký giấy phép lái xe và in giấy phép lái xe; kiểm tra chất lượng giấy phép lái xe sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào hệ thống thông tin theo quy định; trả giấy phép lái xe cho người được cấp;</p> | <p>Bổ sung quy định để đảm bảo tính khả thi khi cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại điểm c Điều 7 Luật TT,ATGTĐB</p> |

|           |                            |  |  |
|-----------|----------------------------|--|--|
|           |                            | <p>c) Trung tâm sát hạch và sân tập lái dùng để sát hạch lái xe: Tiếp nhận danh sách thí sinh dự sát hạch do Sở Giao thông vận tải đồng bộ trên Hệ thống thông tin; cung cấp dịch vụ cơ sở vật chất của trung tâm sát hạch để các Sở Giao thông vận tải tổ chức kỳ sát hạch; Đồng bộ dữ liệu kết quả kỳ sát hạch vào Hệ thống thông tin;</p> <p>d) Cục Đường bộ Việt Nam: Tiếp nhận dữ liệu giấy phép lái xe đã được các Sở Giao thông vận tải đồng bộ vào hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe để tổ chức quản lý và sử dụng dữ liệu theo quy định.</p> <p>2. Đối với cấp đổi giấy phép lái xe</p> <p>a) Sở Giao thông vận tải: Tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các quy trình đổi giấy phép lái xe trên hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe; kiểm tra, cập nhật, xác thực hồ sơ điện tử vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe; xác thực chữ ký số của người có thẩm quyền ký trên các hồ sơ điện tử cấp giấy phép lái xe và thực hiện quy trình in giấy phép lái xe; kiểm tra chất lượng giấy phép lái xe sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe;</p> <p>b) Cục Đường bộ Việt Nam: Tiếp nhận dữ liệu giấy phép lái xe đã được các Sở Giao thông vận tải đồng bộ vào hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe để tổ chức quản lý và sử dụng dữ liệu theo quy định.</p> |  |
| <b>II</b> | <b>Thông tư số 29/2015</b> |  |  |

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  | <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Thông tư này quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp; việc sử dụng giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về Giao thông đường bộ năm 1968 (sau đây gọi tắt là Công ước Viên) cấp.</p>  | <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Thông tư này quy định về đào tạo, sát hạch, cấp, thu hồi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.</p>  |  |
|  | <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan cấp và quản lý giấy phép lái xe quốc tế tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân có liên quan đến sử dụng giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước Viên cấp.</p> <p>2. Thông tư này không áp dụng đối với giấy phép lái xe của ngành Công an, Quân đội.</p> | <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý công tác đào tạo, sát hạch, cấp, thu hồi giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về giao thông đường bộ năm 1968 cấp và giấy phép lái xe nước ngoài phù hợp với loại xe được phép điều khiển do quốc gia được công nhận theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo, kiểm tra, cấp và thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.</p> |  |
|  | <p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Giấy phép lái xe quốc tế là giấy</p>   | <p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p>   |  |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>phép lái xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của các nước (bao gồm cả khu vực hành chính) tham gia Công ước Viên cấp theo một mẫu thống nhất.</p> <p>2. Giấy phép lái xe quốc tế có tên tiếng Anh là International Driving Permit, sau đây gọi tắt là IDP.</p> <p>3. Giấy phép lái xe quốc gia là giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền của các nước cấp, có giá trị trên lãnh thổ nước đó.</p> <p>4. Hồ sơ điện tử giấy phép lái xe quốc tế là tập hợp các tài liệu điện tử liên quan đến cấp IDP.</p> | <p>1. Xe ô tô tải, xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng là loại xe ô tô được định nghĩa tại các tiêu chuẩn TCVN 6211: 2003, TCVN 7271: 2003.</p> <p>2. Khối lượng toàn bộ theo thiết kế của xe ô tô tải sử dụng để tập lái được hiểu là khối lượng toàn bộ theo thiết kế của xe nguyên thủy do nhà sản xuất quy định.</p> <p>3. Khối lượng toàn bộ theo thiết kế của xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng được hiểu là khối lượng toàn bộ theo thiết kế của xe ô tô tải cùng kiểu loại hoặc tương đương.</p> <p>4. Thời gian lái xe an toàn là thời gian người có giấy phép lái xe có hiệu lực, không gây tai nạn giao thông đường bộ.</p> <p>5. <i>Số phiê giấy phép lái xe</i> là mã số do nhà sản xuất phiê quy định, ghi ở mặt sau của giấy phép lái xe, bao gồm 02 chữ cái và các số phía sau nhằm nhận diện giấy phép lái xe.</p> <p>6. <i>Dữ liệu DAT</i> là tập hợp các thông tin về định danh và quá trình học thực hành lái xe trên đường của học viên, được truyền từ thiết bị DAT lắp trên ô tô tập lái xe trên đường về máy chủ của cơ sở đào tạo theo quy định tại mục 2.1.5 và mục 2.1.6 của QCVN 105:2020/BGTVT.</p> <p>7. <i>Dữ liệu quản lý DAT</i> là tập hợp các thông tin về định danh và quá trình học thực hành lái xe trên đường của học viên, được truyền từ máy chủ của cơ sở đào tạo về máy chủ của Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.</p> |  |
|---|--|--|

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  | <p>8. <i>Hệ thống thông tin DAT</i> gồm các thiết bị phần cứng, đường truyền và phần mềm dùng để thu nhận, quản lý, khai thác dữ liệu quản lý DAT.</p> <p>9. <i>Thời gian học lái xe ban đêm</i> được tính từ 18 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ sáng ngày hôm sau.</p> <p>10. <i>Giấy phép lái xe quốc tế</i> có tên tiếng Anh là International Driving Permit, sau đây gọi tắt là IDP.</p> <p>11. <i>Giấy phép lái xe quốc gia</i> là giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền của các nước cấp, có giá trị trên lãnh thổ nước đó.</p> <p>12. <i>Hồ sơ điện tử giấy phép lái xe quốc tế</i> là tập hợp các tài liệu điện tử liên quan đến cấp IDP.</p> <p>13. <i>Hệ thống thông tin đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ</i>: gồm các thiết bị phần cứng, đường truyền và phần mềm được cài đặt tại cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch, Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện các nghiệp vụ trong công tác quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe và cấp bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ theo thẩm quyền (sau đây gọi là Hệ thống thông tin).</p> |  |
|  | <p>Điều 4. Mẫu giấy phép lái xe quốc tế</p> <p>1. IDP là một quyển sổ có kích thước A6 (148 mm x 105 mm), có ký hiệu bảo mật, bìa màu xám, những trang giấy bên trong màu trắng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>2. Trang 1 (trang bìa) ghi thông tin cơ</p> | <p>Điều 53. Mẫu giấy phép lái xe quốc tế</p> <p>1. IDP là một quyển sổ có kích thước A6 (148 mm x 105 mm), có ký hiệu bảo mật, bìa màu xám, những trang giấy bên trong màu trắng theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXX ban hành kèm theo Thông tư này.</p>  |  |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>bản của IDP được in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh; trang 2 quy định về phạm vi sử dụng IDP in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, trang 3 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Việt, trang 4 để trống, trang 5 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Anh, trang 6 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Nga, trang 7 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Tây Ban Nha, trang 8 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Pháp, trang 9 quy định hạng xe được điều khiển in bằng tiếng Pháp.</p> <p>Số IDP gồm ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam đối với giao thông quốc tế là VN và 12 chữ số sau là số giấy phép lái xe quốc gia</p> | <p>2. Trang 1 (trang bìa) ghi thông tin cơ bản của IDP được in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh; trang 2 quy định về phạm vi sử dụng IDP in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, trang 3 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Việt, trang 4 để trống, trang 5 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Anh, trang 6 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Nga, trang 7 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Tây Ban Nha, trang 8 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Pháp, trang 9 quy định hạng xe được điều khiển in bằng tiếng Pháp.</p> <p>3. Số IDP gồm ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam đối với giao thông quốc tế là VN và 12 chữ số sau là số giấy phép lái xe quốc gia.</p> |  |
| <p>Điều 5. Thời hạn và Hạng xe điều khiển của giấy phép lái xe quốc tế</p> <p>1. IDP có thời hạn không quá 03 năm, kể từ ngày cấp và phải phù hợp với thời hạn còn hiệu lực của giấy phép lái xe quốc gia.</p> <p>2. Hạng xe được phép điều khiển của IDP tương ứng với các hạng xe của giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.</p>   | <p>Điều 54. Hạng xe điều khiển của giấy phép lái xe quốc tế</p> <p>1. Hạng xe được phép điều khiển của IDP tương ứng với các hạng xe của giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XXXXI ban hành kèm theo Thông tư này.</p>   |  |

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  | <p>Điều 6. Đối tượng được cấp giấy phép lái xe quốc tế</p> <p>Người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu PET. còn giá trị sử dụng.</p>   | <p>Điều 55. Điều kiện, Thủ tục cấp giấy phép lái xe quốc tế</p> <p>1. Điều kiện cấp giấy phép lái xe quốc tế</p> <p>Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 8 Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông.</p> <p>gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng</p> <p>a) Hồ sơ cấp IDP:</p>  |  |
|  | <p>Điều 7. Trách nhiệm cấp giấy phép lái xe quốc tế</p> <p>1. Cục Đường bộ Việt Nam quản lý việc cấp IDP thống nhất trong phạm vi toàn quốc, có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Thiết kế tính năng bảo mật của phôi ấn chỉ IDP; tổ chức in, phát hành, hướng dẫn và quản lý việc sử dụng phôi ấn chỉ IDP trong toàn quốc;</p> <p>b) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý IDP;</p> <p>c) Công bố, cập nhật danh sách các nước tham gia Công ước Viên hàng năm theo thông báo chính thức của Liên hợp quốc trên Trang Thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam<sup>3</sup> ; d) Xây dựng, ban hành danh mục các trang thiết bị phục vụ cho công tác cấp IDP; đ) Chỉ đạo các Sở Giao thông vận tải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều này tổ chức triển khai thực hiện cấp IDP; e)</p> | <p>Điều 51. Sở Giao thông vận tải</p> <p>1. Tổ chức thực hiện các quy định của Bộ Giao thông vận tải và hướng dẫn của Cục Đường bộ Việt Nam về nghiệp vụ cấp IDP.</p> <p>2. Triển khai thực hiện dịch vụ công về cấp IDP.</p> <p>3. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến cấp giấy phép lái xe do Giám đốc Sở Giao thông vận tải giao.</p> <p>Điều 52. Cục Đường bộ Việt Nam</p> <p>1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện cấp IDP trong phạm vi cả nước:</p> <p>a) Triển khai và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ để các Sở Giao thông vận tải thực hiện dịch vụ công về cấp IDP;</p> <p>d) Kiểm tra về nghiệp vụ cấp IDP đối với Sở Giao thông vận tải.</p> <p>2. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến cấp IDP do Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam giao.</p> |  |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>Công bố và thực hiện cập nhật danh sách các Sở Giao thông vận tải cấp IDP; g) Đảm bảo các trang thiết bị theo đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; h) Tiếp nhận, chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ cấp IDP và thực hiện việc cấp IDP theo đúng quy định. 2. Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp, quản lý IDP tại địa phương, có trách nhiệm sau đây: a) Đảm bảo các trang thiết bị theo đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; b) Tiếp nhận, chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ cấp IDP và thực hiện việc cấp IDP theo đúng quy định; c)4 (được bãi bỏ)</p>                          |  |  |
| <p>Điều 8. Thủ tục cấp giấy phép lái xe quốc tế. Cá nhân nộp đơn đề nghị cấp IDP quốc tế theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.</p> <p>27. Trình tự cấp IDP:</p> <p>a) Cá nhân khi nộp đơn trực tiếp tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp</p> | <p>Điều 55. Điều kiện, Thủ tục cấp giấy phép lái xe quốc tế</p> <p>1. Điều kiện cấp giấy phép lái xe quốc tế</p> <p>Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 8 Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông.</p> <p>2. Trường hợp người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu PET. còn giá trị sử dụng:</p> <p>a) Cá nhân nộp đơn đề nghị cấp IDP quốc tế theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXII ban hành kèm theo Thông tư này trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.</p> <p>b) Trình tự cấp IDP:</p> |  |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>nhận hồ sơ theo quy định; khi nộp đơn qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán lệ phí của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân. Trường hợp đơn đề nghị không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận đơn có trách nhiệm thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đơn;</p> <p>b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp IDP cho cá nhân; trường hợp không cấp IDP thì phải trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p>1. Trường hợp IDP bị mất hoặc hư hỏng, cá nhân lập đơn đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>2. Không cấp IDP đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Giấy phép lái xe quốc gia bị tẩy xóa, hư hỏng không còn đủ các thông tin cần thiết</p> | <p>Cá nhân khi nộp đơn trực tiếp tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định; khi nộp đơn qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán lệ phí của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân. Trường hợp đơn đề nghị không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận đơn có trách nhiệm thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đơn;</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp IDP cho cá nhân; trường hợp không cấp IDP thì phải trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p>3. Trường hợp người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng</p> <p>a) Hồ sơ cấp IDP:</p> |  |
|---|---|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>hoặc có sự khác biệt về nhận dạng;</p> <p>b) Giấy phép lái xe quốc gia không do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.</p> <p>3. Trường hợp phát hiện cá nhân có hành vi gian dối để được cấp IDP, tẩy xóa hoặc làm sai lệch thông tin trên IDP được cấp, ngoài việc bị cơ quan cấp IDP ra quyết định thu hồi IDP, cá nhân đó còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp IDP trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày bị phát hiện hành vi vi phạm.</p> | <p>Đơn đề nghị cấp IDP quốc tế theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXII ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;</p> <p>Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài.</p> <p>b) Trình tự cấp IDP:</p> <p>Cá nhân khi nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này trực tiếp tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú hoặc tạm trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Trường hợp đơn đề nghị không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đơn;</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp</p> |  |
|--|--|--|

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>IDP cho cá nhân; trường hợp không cấp IDP thì phải trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p>3. Trường hợp IDP bị mất hoặc hư hỏng, cá nhân lập đơn đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Không cấp IDP đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Giấy phép lái xe quốc gia bị tẩy xóa, hư hỏng không còn đủ các thông tin cần thiết hoặc có sự khác biệt về nhận dạng;</p> <p>b) Giấy phép lái xe quốc gia không do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện cá nhân có hành vi gian dối để được cấp IDP, tẩy xóa hoặc làm sai lệch thông tin trên IDP được cấp, ngoài việc bị cơ quan cấp IDP ra quyết định thu hồi IDP, cá nhân đó còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp IDP trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày bị phát hiện hành vi vi phạm.</p> |  |
|  | <p>Điều 9. Quy trình cấp, quản lý giấy phộp lái xe quốc tế</p> <p>1. Sở Giao thông vận tải</p> <p>a) Tiếp nhận đơn đề nghị cấp IDP và sử dụng hệ thống thông tin quản lý IDP do Cục Đường bộ Việt Nam xây dựng để lập hồ sơ điện tử;</p> <p>b) Sao chụp hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình thực hiện cấp IDP;</p> <p>c) Kiểm tra, cập nhật, xác thực hồ sơ điện tử vào hệ thống thông tin quản lý IDP;</p> | <p>Điều 56. Quy trình cấp, quản lý giấy phép lái xe quốc tế</p> <p>1. Sở Giao thông vận tải</p> <p>a) Tiếp nhận đơn đề nghị cấp IDP và sử dụng hệ thống thông tin IDP.</p> <p>b) Sao chụp hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình thực hiện cấp IDP (đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp);</p> <p>c) Kiểm tra, cập nhật, xác thực hồ sơ điện tử vào hệ thống thông tin IDP;</p>   | <p>Bổ sung quy định để đảm bảo tính khả thi khi cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại điểm c Điều 7 Luật TT,ATGTĐB</p> |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <p>d) Xác thực chữ ký số của người có thẩm quyền ký trên các hồ sơ điện tử cấp IDP;</p> <p>đ) Thực hiện quy trình in IDP;</p> <p>e) Kiểm tra chất lượng IDP sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý IDP của Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định.</p> <p>2. Cục Đường bộ Việt Nam</p> <p>a) Tiếp nhận, quản lý dữ liệu IDP đã được cập nhật từ các Sở Giao thông vận tải để đồng bộ vào dữ liệu hệ thống thông tin quản lý IDP;</p> <p>b) Cập nhật, vận hành hệ thống thông tin quản lý IDP theo quy định;</p> <p>c) Trường hợp tiếp nhận đơn đề nghị cấp IDP của cá nhân, thì thực hiện như quy trình tại khoản 1 Điều này.</p> | <p>d) Xác thực chữ ký số của người có thẩm quyền ký trên các hồ sơ điện tử cấp IDP;</p> <p>đ) Thực hiện quy trình in IDP;</p> <p>e) Kiểm tra chất lượng IDP sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý IDP theo quy định.</p> <p>2. Cục Đường bộ Việt Nam</p> <p>a) Tiếp nhận, quản lý dữ liệu IDP đã được cập nhật từ các Sở Giao thông vận tải để đồng bộ vào dữ liệu hệ thống thông tin quản lý IDP;</p> <p>b) Cập nhật, vận hành hệ thống thông tin quản lý IDP theo quy định;</p> <p>c) Trường hợp tiếp nhận đơn đề nghị cấp IDP của cá nhân, thì thực hiện như quy trình tại khoản 1 Điều này.</p> |  |
| <p>Điều 10. Sử dụng giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp</p> <p>1. Người có IDP do Việt Nam cấp khi điều khiển phương tiện cơ giới tham gia giao thông trên lãnh thổ nước tham gia Công ước Viên phải mang theo IDP và giấy phép lái xe quốc gia; tuân thủ pháp luật giao thông đường bộ của nước sở tại.</p>  | <p>Điều 57. Sử dụng giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp</p> <p>1. IDP do Việt Nam cấp không có giá trị sử dụng trong lãnh thổ Việt Nam.</p>   |  |

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  | <p>2. IDP do Việt Nam cấp không có giá trị sử dụng trong lãnh thổ Việt Nam.</p>   |  |  |
|  | <p>Điều 11. Sử dụng giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước Viên cấp tại Việt Nam</p> <p>1. Người có IDP do các nước tham gia Công ước Viên cấp khi điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên lãnh thổ Việt Nam phải mang theo IDP và giấy phép lái xe quốc gia được cấp phù hợp với hạng xe điều khiển; phải tuân thủ pháp luật giao thông đường bộ của Việt Nam.</p> <p>2. Người có IDP vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ Việt Nam mà bị tước quyền sử dụng IDP có thời hạn thì thời hạn bị tước không quá thời gian người lái xe được phép cư trú tại lãnh thổ Việt Nam.</p> |  | <p>Quy định tại Luật TT,ATGTĐB</p>   |
|  |   | <p>Điều 58. Quy định chung về sử dụng giấy phép lái xe tại mỗi bên</p> <p>1. Tại Việt Nam:</p> <p>a) Công dân Hàn Quốc mang Giấy phép lái xe quốc tế hạng A do Hàn Quốc cấp được phép điều khiển phương tiện cơ giới phù hợp với hạng trên Giấy phép lái xe quốc tế đó;</p> <p>b) Công dân Hàn Quốc mang giấy phép lái xe quốc tế thuộc các hạng khác do Hàn Quốc cấp được phép điều</p> | <p>Nội luật hóa Hiệp định giữa Chính phủ nước Việt Nam và Chính phủ nước Đại hàn Dân quốc về công nhận lẫn nhau giấy phép lái xe quốc tế</p> |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>khiển phương tiện cơ giới hạng B theo giấy phép lái xe quốc tế đó.</p> <p>2. Tại Hàn Quốc:</p> <p>a) Công dân Việt Nam mang giấy phép lái xe quốc tế hạng A, A1 hoặc B1 do Việt Nam cấp được phép điều khiển phương tiện cơ giới phù hợp với hạng trên giấy phép lái xe quốc tế đó;</p> <p>b) Công dân Việt Nam mang giấy phép lái xe quốc tế thuộc các hạng khác do Việt Nam cấp được phép điều khiển phương tiện cơ giới theo hạng trên giấy phép lái xe quốc tế đó.</p> <p>3. Công dân của một nước có giấy phép lái xe quốc tế hợp lệ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được phép điều khiển phương tiện giao thông cơ giới trong lãnh thổ của nước kia trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày nhập cảnh vào lãnh thổ nước đó.</p> <p>4. Công dân có giấy phép lái xe quốc tế còn hiệu lực và được xuất trình với các giấy phép lái xe quốc gia tương ứng do một Bên cấp khi điều khiển phương tiện trong lãnh thổ của nước kia phải chấp hành theo pháp luật quốc gia của nước đó.</p> <p>5. Cơ quan có thẩm quyền mỗi Bên có thể tước quyền sử dụng giấy phép lái xe quốc tế của người lái xe trong lãnh thổ của nước mình nếu người lái xe đó vi phạm các quy định trong lãnh thổ của nước mình mà theo pháp luật quốc gia của Bên đó phải tước giấy phép của người vi phạm.</p> <p>a) Tước và giữ giấy phép lái xe quốc tế cho đến khi hết thời hạn tước quyền sử dụng theo pháp luật quốc gia của</p> |  |
|--|--|---|--|

|            |  |  |  |
|------------|--|--|--|
|            |  | <p>Bên đó hoặc cho đến khi người lái xe rời khỏi lãnh thổ nước mình, tùy theo thời hạn nào sớm hơn;</p> <p>b) Điền vào chỗ trống ghi nhận vi phạm (xác nhận) trên giấy phép lái xe quốc tế thông báo giấy phép lái xe quốc tế không còn hiệu lực trên lãnh thổ nước mình trong thời hạn tước quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.</p>  |  |
| <b>III</b> | <b>Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT</b>  |  |  |
|            | <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Thông tư này quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p>  | <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Thông tư này quy định về đào tạo, sát hạch, cấp, thu hồi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.</p>  |  |
|            | <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.</p> <p>2. Thông tư này không áp dụng đối với người điều khiển xe máy chuyên dùng của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.</p> | <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý công tác đào tạo, sát hạch, cấp, thu hồi giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về giao thông đường bộ năm 1968 cấp và giấy phép lái xe nước ngoài phù hợp với loại xe được phép điều khiển do quốc gia được công nhận theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo, kiểm tra, cấp và</p> |  |

|  |  |   |                                    |
|--|--|---|------------------------------------|
|  |  | thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.   |                                    |
|  | <p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ bao gồm xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp di chuyển trên đường bộ.</p> <p>2. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Chứng chỉ) là giấy chứng nhận cấp cho người có đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.</p> |   | Quy định tại Điều 2 Luật TT,ATGTĐB |
|  | <p>Điều 4. Điều kiện và hồ sơ dự học bồi dưỡng</p> <p>1. Điều kiện dự học:</p> <p>a) Là công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.</p> <p>b) Đủ 18 tuổi trở lên.</p> <p>2. Hồ sơ dự học (01 bộ), bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị dự học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này (bản chính);</p> <p>b) <i>(được bãi bỏ)</i></p>  | <p>Điều 63. Điều kiện và Hồ sơ học</p> <p>1. Điều kiện: Người học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ đủ tuổi và sức khỏe theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Hồ sơ học</p> <p>Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại cơ sở được phép bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ. Hồ sơ gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) 03 ảnh màu kích thước 2x3cm chụp không quá 06 tháng, kiểu căn cước.</p> |                                    |

| <p>c) 03 ảnh màu kích thước 2 x 3cm chụp không quá 06 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.</p> <p>3. Người học nộp hồ sơ tại cơ sở được phép bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.</p>  |  |                       |        |   |                          |    |   |                                    |   |   |   |   |  |    |                       |        |   |                                  |    |   |  |   |   |  |   |  |
|---|--|-----------------------|--------|---|--------------------------|----|---|------------------------------------|---|---|---|---|--|----|-----------------------|--------|---|----------------------------------|----|---|--|---|---|--|---|--|
| <p>Điều 5. Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ</p> <p>1. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô.</p> <p>2. Cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Phòng học luật giao thông đường bộ có đủ tài liệu giảng dạy, sa hình và hệ thống biển báo hiệu giao thông đường bộ theo quy định;</p> <p>b) Giáo viên giảng dạy phải có trình độ trung cấp trở lên, có Chứng chỉ sư phạm và giấy phép lái xe ô tô.</p>  | <p>Điều 61. Tiêu chuẩn của Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ</p> <p>1. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô.</p> <p>2. Cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Phòng học luật giao thông đường bộ có đủ tài liệu giảng dạy, sa hình và hệ thống biển báo hiệu giao thông đường bộ theo quy định;</p> <p>b) Giáo viên giảng dạy phải có trình độ trung cấp trở lên, có Chứng chỉ sư phạm và giấy phép lái xe ô tô.</p> |                       |        |   |                          |    |   |                                    |   |   |   |   |  |    |                       |        |   |                                  |    |   |  |   |   |  |   |  |
| <p>Điều 6. Chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ</p> <table border="1" data-bbox="297 1075 931 1409"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Nội dung chương trình</th> <th>Số giờ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Luật Giao thông đường bộ</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam</td> <td>8</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ</td> <td>4</td> </tr> </tbody> </table> | TT   | Nội dung chương trình | Số giờ | 1 | Luật Giao thông đường bộ | 12 | 2 | Điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam | 8 | 3 | Quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ | 4 | <p>Điều 64. Chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ</p> <table border="1" data-bbox="958 1075 1749 1385"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Nội dung chương trình</th> <th>Số giờ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Pháp luật về giao thông đường bộ</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ</td> <td>5</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe</td> <td>3</td> </tr> </tbody> </table> | TT | Nội dung chương trình | Số giờ | 1 | Pháp luật về giao thông đường bộ | 12 | 2 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ | 5 | 3 | Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe | 3 | <p>Sửa đổi thống nhất quy định tại khoản 13 Điều 11 Luật TT,ATGTĐB</p> |
| TT  | Nội dung chương trình  | Số giờ                |        |   |                          |    |   |                                    |   |   |   |   |  |    |                       |        |   |                                  |    |   |  |   |   |  |   |  |
| 1   | Luật Giao thông đường bộ   | 12                    |        |   |                          |    |   |                                    |   |   |   |   |  |    |                       |        |   |                                  |    |   |  |   |   |  |   |  |
| 2   | Điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam   | 8                     |        |   |                          |    |   |                                    |   |   |   |   |  |    |                       |        |   |                                  |    |   |  |   |   |  |   |  |
| 3   | Quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ  | 4                     |        |   |                          |    |   |                                    |   |   |   |   |  |    |                       |        |   |                                  |    |   |  |   |   |  |   |  |
| TT  | Nội dung chương trình  | Số giờ                |        |   |                          |    |   |                                    |   |   |   |   |  |    |                       |        |   |                                  |    |   |  |   |   |  |   |  |
| 1   | Pháp luật về giao thông đường bộ   | 12                    |        |   |                          |    |   |                                    |   |   |   |   |  |    |                       |        |   |                                  |    |   |  |   |   |  |   |  |
| 2   | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ   | 5                     |        |   |                          |    |   |                                    |   |   |   |   |  |    |                       |        |   |                                  |    |   |  |   |   |  |   |  |
| 3   | Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe   | 3                     |        |   |                          |    |   |                                    |   |   |   |   |  |    |                       |        |   |                                  |    |   |  |   |   |  |   |  |

|   |   |   |   |   |                    |   |                   |  |    |  |  |   |  |   |  |   |   |   |   |   |                    |   |                        |  |    |  |
|---|---|---|---|---|--------------------|---|-------------------|--|----|--|--|---|--|---|--|---|---|---|---|---|--------------------|---|------------------------|--|----|--|
| <table border="1"> <tr> <td data-bbox="300 197 344 331">4</td> <td data-bbox="344 197 837 331">Quy định về cấp đăng ký, biển số; kiểm định xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ</td> <td data-bbox="837 197 931 331">3</td> </tr> <tr> <td data-bbox="300 331 344 386">5</td> <td data-bbox="344 331 837 386">Ôn tập và kiểm tra</td> <td data-bbox="837 331 931 386">5</td> </tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="300 386 837 437">Tổng cộng số giờ:</td> <td data-bbox="837 386 931 437">32</td> </tr> </table>  | 4   | Quy định về cấp đăng ký, biển số; kiểm định xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ | 3 | 5 | Ôn tập và kiểm tra | 5 | Tổng cộng số giờ: |  | 32 | <table border="1"> <tr> <td data-bbox="344 197 954 284"></td> <td data-bbox="344 197 954 284">máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ</td> <td data-bbox="344 197 954 284"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="344 284 954 411">4</td> <td data-bbox="344 284 954 411">Quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.</td> <td data-bbox="344 284 954 411">4</td> </tr> <tr> <td data-bbox="344 411 954 577">5</td> <td data-bbox="344 411 954 577">Quy định về cấp đăng ký, biển số; kiểm định xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ</td> <td data-bbox="344 411 954 577">3</td> </tr> <tr> <td data-bbox="344 577 954 625">6</td> <td data-bbox="344 577 954 625">Ôn tập và kiểm tra</td> <td data-bbox="344 577 954 625">5</td> </tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="344 625 954 673">Tổng thời gian đào tạo</td> <td data-bbox="344 625 954 673">32</td> </tr> </table> |  | máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ |  | 4 | Quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ. | 4 | 5 | Quy định về cấp đăng ký, biển số; kiểm định xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ | 3 | 6 | Ôn tập và kiểm tra | 5 | Tổng thời gian đào tạo |  | 32 |  |
| 4   | Quy định về cấp đăng ký, biển số; kiểm định xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ   | 3   |   |   |                    |   |                   |  |    |  |  |   |  |   |  |   |   |   |   |   |                    |   |                        |  |    |  |
| 5   | Ôn tập và kiểm tra  | 5   |   |   |                    |   |                   |  |    |  |  |   |  |   |  |   |   |   |   |   |                    |   |                        |  |    |  |
| Tổng cộng số giờ:   |   | 32  |   |   |                    |   |                   |  |    |  |  |   |  |   |  |   |   |   |   |   |                    |   |                        |  |    |  |
|   | máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ   |   |   |   |                    |   |                   |  |    |  |  |   |  |   |  |   |   |   |   |   |                    |   |                        |  |    |  |
| 4   | Quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.  | 4   |   |   |                    |   |                   |  |    |  |  |   |  |   |  |   |   |   |   |   |                    |   |                        |  |    |  |
| 5   | Quy định về cấp đăng ký, biển số; kiểm định xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ   | 3   |   |   |                    |   |                   |  |    |  |  |   |  |   |  |   |   |   |   |   |                    |   |                        |  |    |  |
| 6   | Ôn tập và kiểm tra  | 5   |   |   |                    |   |                   |  |    |  |  |   |  |   |  |   |   |   |   |   |                    |   |                        |  |    |  |
| Tổng thời gian đào tạo  |   | 32  |   |   |                    |   |                   |  |    |  |  |   |  |   |  |   |   |   |   |   |                    |   |                        |  |    |  |
| <p>Điều 7. Trách nhiệm của cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tuyển sinh và bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo chương trình quy định tại Thông tư này.</li> <li>2. Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ với Sở Giao thông vận tải theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này.</li> <li>3. Tổ chức kiểm tra, cấp Chứng chỉ cho người học đạt yêu cầu và lập biên bản kết quả kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này.</li> <li>4. Quản lý hồ sơ       <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Lập Sổ quản lý cấp Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này;</li> </ol> </li> </ol> | <p>Điều 62. Trách nhiệm của cơ sở bồi dưỡng</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tuyển sinh và bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo chương trình quy định tại Thông tư này.</li> <li>2. Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ với Sở Giao thông vận tải theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư này.</li> <li>3. Lập Sổ quản lý cấp Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXV ban hành kèm theo Thông tư này;</li> <li>4. Báo cáo công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp Chứng chỉ với Sở Giao thông vận tải theo nội dung sau:       <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Kết quả bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;</li> </ol> </li> </ol> |   |   |   |                    |   |                   |  |    |  |  |   |  |   |  |   |   |   |   |   |                    |   |                        |  |    |  |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>b) Lưu trữ hồ sơ và các tài liệu có liên quan đến công tác đào tạo và cấp Chứng chỉ.</p> <p>5. Báo cáo công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp Chứng chỉ với Sở Giao thông vận tải theo nội dung sau:</p> <p>a) Kết quả bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này;</p> <p>b) Việc sử dụng phôi Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư này;</p> <p>c) Thu và sử dụng học phí theo quy định của Bộ Tài chính.</p>  | <p>b) Việc sử dụng phôi Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXVI ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>c) Thu và sử dụng học phí theo quy định của Bộ Tài chính.</p> <p>5. Cơ sở bồi dưỡng phải thông báo phương án hoạt động đến Sở Giao thông vận tải và tổ chức đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ đúng phương án hoạt động đào tạo đã đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXVII ban hành kèm theo Thông tư này.</p> |  |
| <p>Điều 8. Chứng chỉ và sử dụng Chứng chỉ</p> <p>1. Mẫu Chứng chỉ theo quy định tại Phụ lục 7 của Thông tư này.</p> <p>2. Chứng chỉ có giá trị không thời hạn và được sử dụng trong phạm vi cả nước.</p> <p>3. Người điều khiển xe máy chuyên dùng khi tham gia giao thông đường bộ, phải có đủ các loại giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Đăng ký xe;</p> <p>b) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Bằng hoặc Chứng chỉ nghề điều khiển xe máy chuyên dùng do cơ sở đào tạo nghề cấp;</p> <p>d) Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ hoặc Giấy phép lái xe ô tô.</p> |   |  |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  |   |  |
|  | <p>Điều 9. Cấp mới Chứng chỉ</p> <p>Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra, thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cấp Chứng chỉ cho người học.</p>  | <p>Điều 67. Cấp mới Chứng chỉ</p> <p>Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra, thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cấp Chứng chỉ cho người học.</p>  |  |
|  | <p>Điều 10. Đổi, cấp lại Chứng chỉ</p> <p>1. Người có Chứng chỉ bị hỏng, bị mất có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp Chứng chỉ sẽ được cấp lại theo số hiệu Chứng chỉ đã cấp.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị đổi, cấp lại (01 bộ), bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị đổi, cấp lại Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 của Thông tư này (bản chính);</p> <p>b) [3] (được bãi bỏ)</p> <p>c) 03 ảnh màu kích thước 2x3cm chụp không quá 06 tháng, kiểu Giấy chứng minh nhân dân.</p> <p>3. Nơi nộp Hồ sơ đổi, cấp lại Chứng chỉ:</p> <p>a) Nơi cấp Chứng chỉ lần đầu;</p> <p>b) Trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động, thì nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi quản lý cơ sở cấp Chứng chỉ.</p> <p>4. Thời gian đổi cấp lại Chứng chỉ:</p> <p>Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Thủ trưởng cơ sở đào tạo hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải đổi, cấp lại Chứng chỉ.</p> | <p>Điều 68. Đổi Chứng chỉ</p> <p>1. Người có Chứng chỉ bị hỏng hoặc có sự sai lệch về thông tin có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp Chứng chỉ sẽ được đổi theo số hiệu Chứng chỉ đã cấp.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị đổi, bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị đổi, cấp lại Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXX ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) 03 ảnh màu kích thước 2x3cm chụp không quá 06 tháng, kiểu căn cước.</p> <p>3. Trình tự thực hiện:</p> <p>a) Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ; Trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động, thì nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi quản lý cơ sở cấp Chứng chỉ.</p> <p>b) Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Thủ trưởng cơ sở đào tạo hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải đổi Chứng chỉ.</p> <p>Điều 69. Cấp lại Chứng chỉ</p> |  |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  | <p>1. Người có Chứng chỉ bị mất có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp Chứng chỉ sẽ được cấp lại theo số hiệu Chứng chỉ đã cấp.</p> <p>2. Hồ sơ cấp lại theo quy định tại khoản 2 Điều 66.</p> <p>3. Trình tự thực hiện:</p> <p>a) Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ; Trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động, thì nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi quản lý cơ sở cấp Chứng chỉ.</p> <p>b) Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Thủ trưởng cơ sở đào tạo hoặc Sở Giao thông vận tải cấp lại Chứng chỉ.</p>   |  |
|  | <p><b>Điều 11. Thu hồi Chứng chỉ</b></p> <p>1. Người có Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ bị thu hồi khi có hành vi gian dối, giả mạo giấy tờ theo quy định tại Thông tư này.</p> <p>2. Cơ sở đào tạo quy định tại Điều 5 của Thông tư này và Sở Giao thông vận tải thực hiện việc thu hồi Chứng chỉ.</p> | <p><b>Điều 70. Thu hồi Chứng chỉ</b></p> <p>1. Người có Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ bị thu hồi thuộc một trong các trường hợp:</p> <p>a) Người được cấp Chứng chỉ không đủ điều kiện về sức khỏe theo kết luận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>b) Chứng chỉ được cấp sai quy định;</p> <p>c) Người được cấp Chứng chỉ tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch thông tin.</p> <p>2. Trình tự thu hồi</p> <p>Cơ sở đào tạo hoặc Sở Giao thông vận tải thực hiện việc thu hồi theo trình tự sau:</p> <p>a) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp Chứng chỉ ra quyết định thu hồi và hủy bỏ chứng chỉ. Nội dung của quyết định nêu rõ lý do thu hồi và hủy bỏ;</p> |  |

|  |   |   |  |
|--|---|---|--|
|  |   | <p>b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi chứng chỉ, người lái xe phải nộp chứng chỉ bị thu hồi đến cơ quan thu hồi chứng chỉ và cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ có trách nhiệm thu hồi chứng chỉ đã cấp và hủy bỏ theo quy định;</p> <p>c) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe đã sáp nhập, chia, tách, giải thể, hết thẩm quyền cấp thì cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ chứng chỉ là cơ quan đang quản lý sổ gốc cấp chứng chỉ.</p> |  |
|  | <p>Điều 12. Cục Đường bộ Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ chức thực hiện Thông tư này.</li> <li>2. Ban hành tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.</li> <li>3. In, phát hành và thống nhất quản lý việc sử dụng phôi Chứng chỉ trong phạm vi cả nước.</li> <li>4. Thanh tra, kiểm tra, tổng hợp công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong phạm vi cả nước báo cáo Bộ Giao thông vận tải.</li> </ol> | <p>Điều 60. Cục Đường bộ Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. In, phát hành và thống nhất quản lý việc sử dụng phôi Chứng chỉ trong phạm vi cả nước.</li> <li>2. Thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong phạm vi cả nước báo cáo Bộ Giao thông vận tải.</li> </ol>   |  |
|  | <p>Điều 13. Sở Giao thông vận tải</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ chức thực hiện Thông tư này trong phạm vi địa phương.</li> <li>2. Cấp và quản lý việc sử dụng phôi Chứng chỉ theo quy định.</li> </ol>   | <p>Điều 59. Sở Giao thông vận tải</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cấp và quản lý việc sử dụng phôi Chứng chỉ theo quy định.</li> </ol>  |  |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>3. Lưu trữ tài liệu có liên quan đến công tác quản lý bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.</p> <p>4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, tổng hợp công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong phạm vi địa phương.</p> <p>5. Báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam về nhu cầu phối Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 của Thông tư này. Tháng 01 hàng năm, báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 của Thông tư này.</p> | <p>2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, tổng hợp công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong phạm vi địa phương.</p> <p>3. Báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam về nhu cầu phối Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXIII ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>4. Thực hiện tiếp nhận, rà soát, kiểm tra và thông báo danh sách Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ đủ hoặc không đủ điều kiện hoạt động trên địa bàn quản lý trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.</p>   |  |
|  |  | <p>Điều 71. Quy trình cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ</p> <p>1. Cơ sở đào tạo: tiếp nhận hồ sơ học để được cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (sau đây gọi là chứng chỉ) và sử dụng hệ thống thông tin để tạo lập khoá đào tạo; tổ chức đào tạo theo nội dung và chương trình đào tạo lái xe theo quy định; tổ chức kiểm tra khi kết thúc môn học, tổ chức xét duyệt và ra quyết định cấp chứng chỉ cho người có đủ điều kiện; xác thực chữ ký số của người có thẩm quyền ký và in chứng chỉ; kiểm tra chất lượng chứng chỉ sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào hệ thống thông tin theo quy định; trả chứng</p> | <p>Bổ sung quy định để đảm bảo tính khả thi khi cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại điểm c Điều 7 Luật TT,ATGTĐB</p> |

|            |  |  |  |
|------------|--|--|--|
|            |  | <p>chỉ cho người được cấp; lập báo cáo cấp chứng chỉ gửi Sở giao thông vận tải.</p> <p>2. Sở Giao thông vận tải: quản lý dữ liệu chứng chỉ và gửi báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.</p> <p>3. Cục Đường bộ Việt Nam: Tiếp nhận, quản lý dữ liệu Chứng chỉ trên hệ thống thông tin và dữ liệu do Sở Giao thông vận tải báo cáo.</p>  |  |
| <b>III</b> | <b>Thông tư số 07/2013/TT-BGTVT</b>  |  |  |
|            | <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Thông tư này quy định về quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe.</p>  | <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Thông tư này quy định về đào tạo, sát hạch, cấp, thu hồi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.</p>  |  |
|            | <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải quản lý trong phạm vi cả nước.</p> | <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý công tác đào tạo, sát hạch, cấp, thu hồi giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về giao thông đường bộ năm 1968 cấp và giấy phép lái xe nước ngoài phù hợp với loại xe được phép điều khiển do quốc gia được công nhận theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là</p> | <p>Bổ sung quy định để đảm bảo tính khả thi khi cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại điểm c Điều 7 Luật TT,ATGTĐB</p> |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>thành viên; cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo, kiểm tra, cấp và thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.</p>  |  |
|  | <p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Hệ thống thông tin giấy phép lái xe</i> là một tập hợp và kết hợp của các phần cứng, phần mềm và các hệ mạng truyền thông được xây dựng và sử dụng để thu nhận, quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe. Hệ thống bao gồm hệ thống tại Trung ương và hệ thống tại địa phương.</p> <p>2. <i>Hồ sơ điện tử giấy phép lái xe</i> là tập hợp các tài liệu điện tử liên quan đến đào tạo, sát hạch, cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe được điện tử hóa trong hồ sơ đăng ký để cấp mới hoặc cấp đổi giấy phép lái xe.</p> <p>3. <i>Cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe</i> là tập hợp các thông tin có cấu trúc về đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe và những thông tin về vi phạm <u>Luật Giao thông đường bộ</u> được ghi nhận, cập nhật.</p> <p>4. <i>Chữ ký số trên giấy phép lái xe</i> là chữ ký của người có thẩm quyền được cấp chứng thư số theo quy định.</p> | <p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>13. <i>Hệ thống thông tin đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ</i>: gồm các thiết bị phần cứng, đường truyền và phần mềm được cài đặt tại cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch, Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện các nghiệp vụ trong công tác quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe và cấp bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ theo thẩm quyền (sau đây gọi là Hệ thống thông tin).</p> |  |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>Điều 4. Cơ quan quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe</p> <p>1. Cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe thống nhất trong phạm vi toàn quốc.</p> <p>2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng được giao nhiệm vụ quản lý về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe thuộc Sở Giao thông vận tải thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương.</p>                                      |   |  |
| <p>Điều 5. Nhiệm vụ của Cục Đường bộ Việt Nam</p> <p>1. Hướng dẫn quản lý, sử dụng, cập nhật, khai thác và quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe.</p> <p>2. Kết nối, trao đổi dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan theo quy định.</p> <p>3. Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu đặt tại Cục Đường bộ Việt Nam.</p> <p>4. Đầu tư, xây dựng, nâng cấp các phần mềm ứng dụng trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe để áp dụng trong phạm vi toàn quốc.</p> <p>5. Quản lý và hướng dẫn sử dụng công nghệ bảo mật trên giấy phép lái xe.</p> | <p>Điều 73. Cục Đường bộ Việt Nam</p> <p>1. Xây dựng, nâng cấp và duy trì hoạt động của hệ Hệ thống thông tin giấy phép lái xe; cung cấp/chuyên giao các phần mềm quản lý đào tạo lái xe, sát hạch phần mềm sát hạch lý thuyết, phần mềm sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông, quản lý giấy phép lái xe để cài đặt tại các Sở Giao thông vận tải, cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch lái xe theo quy định.</p> <p>2. Vận hành hoặc thuê đơn vị có năng lực để vận hành hệ thống thông tin đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe.</p> <p>3. Tiếp nhận hồ sơ điện tử từ các Sở Giao thông vận tải trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại</p> | <p>Bổ sung quy định để đảm bảo tính khả thi khi cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại điểm c Điều 7 Luật TT,ATGTĐB</p> |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  | <p>6. Là đầu mối tổng hợp nhu cầu, trình cơ quan có thẩm quyền cấp chứng thư số cho người có đủ điều kiện ký, cấp giấy phép lái xe theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến quản lý giấy phép lái xe do Bộ Giao thông vận tải giao.</p> | <p>địa phương để xác thực và đồng bộ vào cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe đặt tại Cục Đường bộ Việt Nam.</p> <p>4. Xử lý, gửi lại dữ liệu đã xác thực cho cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương để thực hiện việc in giấy phép lái xe.</p> <p>5. Khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin khi thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe.</p> <p>6. Chủ trì công tác kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan theo quy định.</p> <p>7. Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần</p> <p>8. Thực hiện chức năng quản trị hệ thống thông tin giấy phép lái xe: công thông tin điện tử, phân quyền tài khoản sử dụng trong hệ thống, sao lưu dữ liệu đảm bảo an toàn dữ liệu cho hệ thống thông tin giấy phép lái xe.</p> <p>9. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến quản lý giấy phép lái xe do Bộ Giao thông vận tải giao.</p> |  |
|  | <p>Điều 6. Nhiệm vụ của cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại trung ương</p> <p>1. Thực hiện chức năng quản trị hệ thống thông tin giấy phép lái xe:</p> <p>a) Quản lý công thông tin điện tử;</p> <p>b) Quản lý phân quyền và bảo mật tài khoản sử dụng trong hệ thống;</p>           |   |  |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>c) Quản lý cấu hình hệ thống;<br/> d) Sao lưu và khôi phục dữ liệu;<br/> đ) Quản lý nhật ký hệ thống.</p> <p>2. Cập nhật, xử lý, khai thác, xác thực và đồng bộ dữ liệu giấy phép lái xe.</p> <p>3. Trục kỹ thuật để đảm bảo hoạt động liên tục hệ thống thông tin giấy phép lái xe.</p> <p>4. Hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan sử dụng hệ thống thông tin giấy phép lái xe.</p> <p>5. Bảo mật, đảm bảo an toàn dữ liệu cho hệ thống thông tin giấy phép lái xe.</p> <p>6. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe quy định tại Điều 8 của Thông tư này (đối với các đơn vị do Cục Đường bộ Việt Nam được giao quản lý).</p> <p>7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu quản lý.</p> |  |  |
| <p>Điều 7. Nhiệm vụ của Sở Giao thông vận tải</p> <p>1. Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu đặt tại Sở Giao thông vận tải.</p> <p>2. Tiếp nhận và tổ chức thực hiện hệ thống phần mềm ứng dụng trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao.</p> <p>3. Phối hợp trao đổi thông tin với các cơ quan liên quan tại địa phương theo quy định.</p>   | <p>Điều 74. Sở Giao thông vận tải</p> <p>1. Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin đặt tại Sở Giao thông vận tải.</p> <p>2. Vận hành hoặc thuê đơn vị có năng lực để vận hành hệ thống thông tin đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại địa phương theo quy định.</p> <p>3. Tiếp nhận, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm đối với hệ thống phần mềm ứng dụng trong hệ thống thông tin</p> | <p>Bổ sung quy định để đảm bảo tính khả thi khi cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại điểm c Điều 7 Luật TT,ATGTĐB</p> |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  | <p>tin giấy phép lái xe tại địa phương do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao.</p> <p>a) Sử dụng các phần mềm trong hệ thống thông tin đào tạo lái xe để tiếp nhận báo cáo 1, báo cáo 2; kiểm tra đối chiếu các thông tin người học lái xe, quá trình đào tạo, kết quả đào tạo để chuẩn bị kỳ sát hạch theo quy định</p> <p>b) Sử dụng các phần mềm trong hệ thống thông tin sát hạch lái xe để thực hiện sát hạch lái xe, tổng hợp kết quả làm cơ sở cấp, cấp lại giấy phép lái xe theo quy định.</p> <p>c) Sử dụng các phần mềm trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe để cập nhật, xử lý, khai thác, xác thực và đồng bộ dữ liệu và quản lý giấy phép lái xe; thực hiện ký số để cấp mới, cấp lại giấy phép lái xe theo quy định.</p> <p>4. Sử dụng dữ liệu trên hệ thống thông tin được cài đặt, chuyển giao tại Sở Giao thông vận tải, Trung tâm sát hạch lái xe, Cơ sở đào tạo để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng (khi có yêu cầu).</p> <p>5. Tiếp nhận, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm đối với hệ thống phần mềm ứng dụng dữ liệu trong hệ thống thông tin tại địa phương do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao về quản lý Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.</p> <p>6. Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần cứng, phần mềm, tài khoản để đảm bảo sử dụng hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả.</p> |  |
|--|--|--|--|

|  |   |   |  |
|--|---|---|--|
|  |   | <p>7. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ điện tử đã gửi hoặc truyền dữ liệu về Cục Đường bộ Việt Nam.</p> <p>8. Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định.</p> <p>9. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến quản lý giấy phép lái xe do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao.</p> |  |
|  | <p>Điều 8. Nhiệm vụ của cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương</p> <p>1. Cập nhật, xử lý, khai thác, xác thực và đồng bộ dữ liệu giấy phép lái xe.</p> <p>2. Cập nhật các thông tin về vi phạm <u>Luật Giao thông đường bộ</u> được ghi nhận, chuyển về từ lực lượng tuần tra kiểm soát.</p> <p>3. Đảm bảo hoạt động liên tục hệ thống thông tin giấy phép lái xe; thực hiện sao lưu và khôi phục dữ liệu.</p> <p>4. Hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương.</p> <p>5. Bảo mật, đảm bảo an toàn dữ liệu cho hệ thống thông tin giấy phép lái xe.</p> <p>6. Cung cấp thông tin về giấy phép lái xe cho trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải (nếu có).</p> <p>7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu quản lý.</p> |   |  |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>Điều 9. Cơ sở đào tạo lái xe</p> <p>1. Tiếp nhận hồ sơ giấy và lập hồ sơ điện tử, gửi hoặc truyền dữ liệu về Sở Giao thông vận tải (cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương) hoặc Cục Đường bộ Việt Nam (cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại trung ương).</p> <p>2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ điện tử gửi hoặc truyền dữ liệu đến Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đường bộ Việt Nam.</p> | <p>Điều 75. Cơ sở đào tạo lái xe</p> <p>1. Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin đặt tại Cơ sở đào tạo lái xe.</p> <p>2. Tiếp nhận và tổ chức thực hiện hệ thống phần mềm ứng dụng trong hệ thống thông tin đào tạo lái xe theo chức năng, quyền hạn do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao.</p> <p>a) Đối chiếu, tạo lập, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin học viên, quá trình đào tạo, kết quả đào tạo, báo cáo 1, báo cáo 2 theo quy định;</p> <p>b) Tiếp nhận thông tin kết quả sát hạch lái xe của học viên đào tạo tại cơ sở của mình để quản lý và tổ chức cho học viên sát hạch lại theo quy định.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ điện tử gửi hoặc truyền dữ liệu đến Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam.</p> <p>3. Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định tại Điều 73 Thông tư này.</p> <p>4. Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần cứng, phần mềm, tài khoản để đảm bảo sử dụng hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả.</p> <p>5. Khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin được cài đặt, chuyển giao tại cơ sở đào tạo để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng (khi có yêu cầu).</p> <p>6. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến quản lý đào tạo lái xe do Bộ Giao thông vận tải, Ủy</p> | <p>Bổ sung quy định để đảm bảo tính khả thi khi cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại điểm c Điều 7 Luật TT,ATGTĐB</p> |
|--|--|--|--|

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở Giao thông vận tải quản lý giao.</p>  |  |
|  | <p>Điều 10. Trung tâm sát hạch lái xe</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tiếp nhận dữ liệu về kế hoạch, danh sách sát hạch, tổng hợp và lưu trữ theo quy định dữ liệu về kết quả các kỳ sát hạch.</li> <li>2. Gửi hoặc truyền dữ liệu kết quả sát hạch về cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương theo quy định.</li> <li>3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu kết quả sát hạch.</li> </ol> | <p>Điều 76. Trung tâm sát hạch lái xe</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin đặt tại Trung tâm sát hạch lái xe</li> <li>2. Tiếp nhận và tổ chức thực hiện hệ thống phần mềm ứng dụng trong hệ thống thông tin đào tạo lái xe theo chức năng, quyền hạn do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao. <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Chỉ được cài đặt các phần mềm do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao;</li> <li>b) Không được can thiệp, lắp đặt các thiết bị, cài đặt các phần mềm làm ảnh hưởng quá trình sát hạch hoặc làm sai lệch kết quả sát hạch lái xe. Trường hợp quanh khu vực trung tâm sát hạch lái xe có các thiết bị, phần mềm gây ảnh hưởng tới quá trình sát hạch và kết quả sát hạch thì phải báo cáo ngay đến Sở Giao thông vận tải quản lý để có phương án giải quyết.</li> </ol> </li> <li>3. Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định.</li> <li>4. Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần cứng, phần mềm, tài khoản để đảm bảo sử dụng hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả.</li> <li>5. Khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin được cài đặt, chuyển giao tại trung tâm sát hạch để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng (khi có yêu cầu).</li> </ol> | <p>Bổ sung quy định để đảm bảo tính khả thi khi cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại điểm c Điều 7 Luật TT,ATGTĐB</p> |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  | <p>6. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến quản lý hoạt động sát hạch do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở Giao thông vận tải quản lý giao.</p> |  |
|  | <p>Điều 11. Cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tiếp nhận hồ sơ giấy, lập hồ sơ điện tử đăng ký đề cấp mới hoặc cấp đổi giấy phép lái xe,</li> <li>2. Thực hiện kiểm tra phê duyệt các hồ sơ điện tử và cập nhật vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe.</li> <li>3. Gửi, nhận hồ sơ điện tử để kiểm tra, so sánh, xác thực và cập nhật vào cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe do Cục Đường bộ Việt Nam quản lý.</li> <li>4. Xác thực chữ ký số của người có thẩm quyền ký trên các hồ sơ điện tử cấp giấy phép lái xe.</li> <li>5. Thực hiện quy trình in giấy phép lái xe.</li> <li>6. Kiểm tra chất lượng giấy phép lái xe sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe do Cục Đường bộ Việt Nam quản lý theo quy định.</li> <li>7. Chuyển đổi, cập nhật toàn bộ dữ liệu giấy phép lái xe không làm bằng vật liệu PET. theo kế hoạch và lộ trình quy định.</li> </ol> |  |  |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>8. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ điện tử đã gửi hoặc truyền dữ liệu về Cục Đường bộ Việt Nam.</p>  |  |  |
|  | <p>Điều 12. Cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại trung ương</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tiếp nhận hồ sơ điện tử từ các cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương để xác thực và đồng bộ vào cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe do Cục Đường bộ Việt Nam quản lý.</li> <li>2. Xử lý, gửi lại dữ liệu đã xác thực cho cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương để thực hiện việc in giấy phép lái xe.</li> <li>3. Tiếp nhận và quản lý dữ liệu giấy phép lái xe đã được chuyển đổi, cập nhật từ các Sở Giao thông vận tải để đồng bộ vào cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe.</li> <li>4. Cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về hệ thống thông tin giấy phép lái xe theo quy định.</li> </ol> |  |  |
|  | <p>Điều 13. Trách nhiệm của người có thẩm quyền sử dụng chữ ký số trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sử dụng chứng thư số để ký số phê duyệt cấp giấy phép lái xe.</li> <li>2. Bảo quản, bảo mật chứng thư số theo quy định.</li> </ol>  |  |  |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  |   |  |
|  | <p>Điều 14. Thời gian lưu trữ dữ liệu giấy phép lái xe</p> <p>Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử theo quy định.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thời gian lưu trữ dữ liệu về đào tạo và sát hạch cấp giấy phép lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe và trung tâm sát hạch lái xe tối thiểu là 05 năm.</li> <li>2. Thời gian lưu trữ dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tối thiểu là 50 năm.</li> <li>3. Thời gian lưu trữ dữ liệu về giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam tối thiểu là 100 năm.</li> </ol> | <p>Điều 78. Thời gian lưu trữ dữ liệu trên Hệ thống thông tin</p> <p>Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử theo quy định.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thời gian lưu trữ dữ liệu về đào tạo và sát hạch cấp giấy phép lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe và trung tâm sát hạch lái xe tối thiểu là 05 năm.</li> <li>2. Thời gian lưu trữ dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tối thiểu là 50 năm.</li> <li>3. Thời gian lưu trữ dữ liệu về giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam tối thiểu là 100 năm.</li> </ol> | <p>Bổ sung quy định để đảm bảo tính khả thi khi cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại điểm c Điều 7 Luật TT,ATGTĐB</p> |
|  | <p>Điều 15. Nguyên tắc khai thác</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Việc khai thác dữ liệu giấy phép lái xe thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin.</li> <li>2. Cơ quan quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe quy định tại Điều 4 của Thông tư này có trách nhiệm bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin.</li> </ol>  | <p>Điều 79. Nguyên tắc khai thác</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Việc khai thác dữ liệu giấy phép lái xe thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin.</li> <li>2. Cơ quan quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe quy định tại Điều 72 và Điều 73 của Thông tư này có trách nhiệm bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin.</li> <li>3. Các dịch vụ khai thác thông tin dữ liệu giấy phép lái xe được cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.</li> </ol>   |  |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  | <p>3. Các dịch vụ khai thác thông tin dữ liệu giấy phép lái xe được cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.</p>  |   |  |
|  | <p>Điều 16. Các hình thức khai thác cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe</p> <p>1. Khai thác trực tiếp</p> <p>Cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác dữ liệu giấy phép lái xe trực tiếp từ trang thông tin điện tử giấy phép lái xe (<a href="http://www.gplx.gov.vn">http://www.gplx.gov.vn</a>) theo quy định về cấp độ bảo mật và phân quyền sử dụng, khai thác dữ liệu giấy phép lái xe.</p> <p>2. Khai thác gián tiếp</p> <p>Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác dữ liệu giấy phép lái xe chi tiết, tùy mức độ bảo mật được cung cấp thông tin lấy từ cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe.</p> <p>a) Các thông tin ghi trên giấy phép lái xe.</p> <p>b) Trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngoài thông tin in trên giấy phép lái xe còn được cung cấp thêm thông tin về đào tạo, sát hạch, vi phạm pháp luật giao thông đường bộ.</p> <p>3. Người có nhu cầu khai thác một số thông tin ghi trên giấy phép lái xe được tra cứu qua hệ thống tin nhắn SMS.</p> | <p>Điều 80. Hình thức khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin</p> <p>1. Khai thác trực tiếp</p> <p>Cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác dữ liệu giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ trực tiếp từ trang thông tin điện tử giấy phép lái xe (<a href="https://www.gplx.gov.vn">https://www.gplx.gov.vn</a>) theo quy định về cấp độ bảo mật và phân quyền sử dụng, khai thác dữ liệu giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.</p> <p>2. Khai thác gián tiếp</p> <p>Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác dữ liệu giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ chi tiết, tùy mức độ bảo mật được cung cấp thông tin lấy từ cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe hoặc cơ sở dữ liệu chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.</p> <p>a) Các thông tin ghi trên giấy phép lái xe;</p> <p>b) Trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngoài thông tin in trên giấy phép lái xe còn được cung cấp thêm thông tin về đào tạo, sát hạch, vi phạm pháp luật giao thông đường bộ;</p> <p>c) Các thông tin ghi trên chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ;</p> | <p>Bổ sung quy định để đảm bảo tính khả thi khi cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại điểm c Điều 7 Luật TT,ATGTĐB</p> |

|  |  |  |   |
|--|--|--|---|
|  |  | d) Trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngoài thông tin in trên chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ còn được cung cấp thêm thông tin về đào tạo, kiểm tra, vi phạm pháp luật giao thông đường bộ.  |   |
|  | <p>Điều 17. Báo cáo về quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe</p> <p>1. Cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải và cơ quan liên quan định kỳ 01 năm/lần trước ngày 15 tháng 01 năm sau về tình hình quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe trong phạm vi toàn quốc.</p> <p>2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Giao thông vận tải (qua Cục Đường bộ Việt Nam) định kỳ 01 năm/lần trước ngày 05 tháng 01 năm sau về tình hình quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương.</p> |  |   |
|  |  | <p>Điều 77. Trách nhiệm của Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ</p> <p>1. Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin đặt tại Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.</p> | Bổ sung quy định để đảm bảo tính khả thi khi cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  | <p>2. Tiếp nhận và tổ chức thực hiện hệ thống phần mềm ứng dụng trong hệ thống thông tin chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ theo chức năng, quyền hạn do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao.</p> <p>3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ điện tử gửi hoặc truyền dữ liệu đến Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam.</p> <p>4. Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định tại Điều 78 Thông tư này.</p> <p>5. Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần cứng, phần mềm, tài khoản để đảm bảo sử dụng hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả.</p> <p>6. Khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin được cài đặt, chuyển giao tại cơ sở để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng (khi có yêu cầu).</p> <p>7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở Giao thông vận tải quản lý giao.</p> | <p>giao thông đường bộ quy định tại điểm c Điều 7 Luật TT,ATGTĐB</p>   |
|  |  | <p>Điều 78. Thời gian lưu trữ dữ liệu trên Hệ thống thông tin</p> <p>Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử theo quy định.</p> <p>1. Thời gian lưu trữ dữ liệu về đào tạo và sát hạch cấp giấy phép lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe và trung tâm sát hạch lái xe tối thiểu là 05 năm.</p>  | <p>Bổ sung quy định để đảm bảo tính khả thi khi cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ</p> |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>2. Thời gian lưu trữ dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tối thiểu là 50 năm.</p> <p>3. Thời gian lưu trữ dữ liệu về giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam tối thiểu là 100 năm.</p>  | <p>quy định tại điểm c Điều 7 Luật TT,ATGTĐB</p>   |
|  |  | <p>Điều 80. Hình thức khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin</p> <p>1. Khai thác trực tiếp</p> <p>Cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác dữ liệu giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ trực tiếp từ trang thông tin điện tử giấy phép lái xe (<a href="https://www.gplx.gov.vn">https://www.gplx.gov.vn</a>) theo quy định về cấp độ bảo mật và phân quyền sử dụng, khai thác dữ liệu giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.</p> <p>2. Khai thác gián tiếp</p> <p>Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác dữ liệu giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ chi tiết, tùy mức độ bảo mật được cung cấp thông tin lấy từ cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe hoặc cơ sở dữ liệu chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.</p> <p>a) Các thông tin ghi trên giấy phép lái xe;</p> <p>b) Trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngoài thông tin in trên giấy phép lái xe còn được cung cấp thêm thông tin về đào tạo, sát hạch, vi phạm pháp luật giao thông đường bộ;</p> <p>c) Các thông tin ghi trên chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ;</p> | <p>Bổ sung quy định để đảm bảo tính khả thi khi cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại điểm c Điều 7 Luật TT,ATGTĐB</p> |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | d) Trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngoài thông tin in trên chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ còn được cung cấp thêm thông tin về đào tạo, kiểm tra, vi phạm pháp luật giao thông đường bộ. |  |
|--|--|---|--|